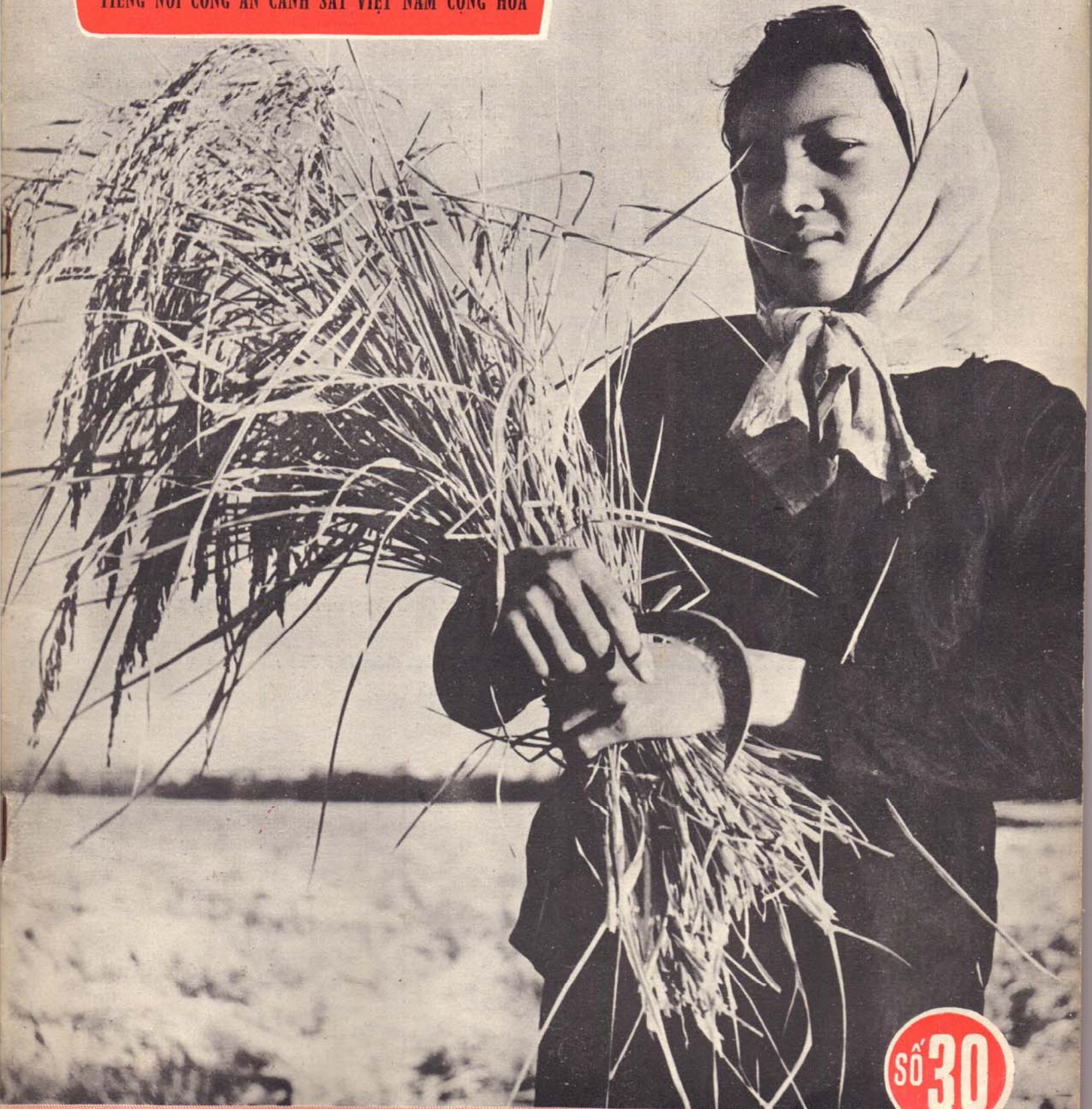


Wason
HV7879
V5 B2+

Ban Dân


TIẾNG NÓI CÔNG AN CẢNH SÁT VIỆT NAM CỘNG HÒA



SỐ 30

ĐƯỢC MÙA
(Ảnh Văn Thông)

Ngày 15-8-1962



Ban Dân

Tòa soạn :

241. Đại lộ Cộng Hòa — Saigon

Điện thoại : 24.822/05

Giám đốc, Chủ-bút : NGUYỄN-VĂN-HAY

Quản-lý : ĐẶNG-VĂN-ĐỨC



Bìa trước :



ĐƯỢC MÙA

(Ảnh : Văn - Thông)

GIÁ BÁO :

Một Số 10đ — Sáu tháng 60đ

Một năm 100đ.

Mọi việc giao dịch, thư từ và bài vở, liên lạc
với TÒA SOẠN BAN DÂN

qua phiếu, chỉ phiếu, ngân phiếu, đề tài
đăng Quản lý : ĐẶNG-VĂN-ĐỨC

241. Đại lộ Cộng-Hòa — Saigon



Cấm trích dịch, phóng đăng vào sách báo
ngoại quốc mà không xin phép

Giấy phép : Số 26 - BTT/NP ngày 12-2-60
In tại Chấn-Hưng 742. Phan-Thành (Sài Gòn)

Trong số này :

- Sắc lệnh thành lập ngành Cảnh-Sát Quốc Gia Trực Hành
- * Thư tìm hiểu Tổ chức và thẩm quyền của Tòa án Quốc tế La Haye Lê Nguyên
- Trà trung tùy bút P.V.X
- * Rượu và tội phạm Đàm Trung Mộc
- Sát Kim Trần đình Khải
- * Một mái nhà Lê xuân Nhuận
- Cứu tinh của thành phố Luân Đôn Nguyễn Đại
- * Ngũ Hành và Bát Quái Mai Nguyệt
- Những yếu tố căn bản của sự huân luyện (tiếp theo) Đặng Khôi
- * Vụ án Trê Cóc (tiếp theo) N.V. Ích
- Việc C.A.L.B. Hoa Kỳ : Đột kích đỏ Nguyễn văn Hội
- * Gaszyna, lò đào tạo gián điệp Nga sô Hoàng Long
- Thò đuôi Châu đình Thịnh
- * Thất bại vì thiếu lý tưởng Nguyễn Việt
- Cặp kiềng màu lơ (tiếp theo) N.V.H
- * Vụ án Tidings Hoài Bảo
- Những nguyên nhân tai nạn lưu thông N.C. Chánh
- * Chỉ có bậc anh hùng mới làm nên lịch sử Đại Sơn
- Truyện Trinh thám Phi Thử : Anh yêu anh Anh Đăng

Bìa sau :



Bờ biển SÔNG CẦU

(Ảnh : Văn - Thông)



Áp Chiến-Lược hiến cho những người có nhiệt tâm, một cơ hội để luyện tập khổ hạnh, cho tâm hồn thanh khiết, tự mình vượt quá mình. Mục - đích của Áp Chiến-Lược là để cứu vớt và giải phóng toàn diện con người, đứng trước hiện tượng chậm tiến của khối Á-Phi. Áp Chiến-Lược nêu lên một chủ trương lớn lao, một lý tưởng để phụng sự, một cuộc cách mạng để hoàn thành. Áp Chiến-Lược giúp chúng ta tránh khỏi sự sai lầm của thuyết trung lập chỉ trì hoãn thời kỳ, mà không đem lại giải pháp.

TRUNG LẬP

KHÔNG PHẢI

Là

VẤN đề trung-lập.hóa một Quốc-Gia, đặt ra như một giải-pháp để giải quyết những trường hợp xích mích giữa 2 khối Cộng-sản và Tự-do, hiện nay đang gây sôi nổi trong dư luận. Nhưng thực sự đó có phải là một giải pháp không ?

MỘT

Trên thế giới, không có những nước thực sự trung-lập

Chúng ta không cần nói đến những thứ trung-lập giả hiệu và dôi trá dèn tro trên theo kiểu ngụy quyền miền Bắc Việt-Nam, chúng ta chỉ nói chung về sự trung-lập trên thế giới.

GIẢI

Giữa một tình trạng trong đó hai khối chông đối nhau, mà hai khối lại quá lớn, quá mạnh bao trùm gần khắp thế giới, sự trung-lập chỉ là một hình thức bề ngoài của mấy nước nhỏ yếu, muốn che giấu thực trạng của họ. Ta hãy lấy bất kỳ một nước trung-lập nào để làm tỷ-dụ, bất kỳ một nước trung-lập nào ở Á-Châu hay Phi-Châu. Nước đó có sống được một mình không ? Nước đó có phải xin viện trợ không ? Nước đó có thể tự lực đứng vững trước một cái « búng tay » của Mỹ, của Nga không ? Ai cũng có thể trả lời là « không ». Mà đã không tự lực sống được, không đủ mạnh để chông Nga hoặc Mỹ trong lúc cần, thì sự trung lập không thể có được. Sự trung-lập ấy, nếu có, chỉ là trung-lập của một kẻ thứ ba, vì quá yếu, chấp tay lạy cả hai đảng. Nhưng nếu một trong hai kẻ không lồ đó cứ lần tới, không buông tha thì kẻ trung-lập ấy đành cúi đầu chịu chết.

PHÁP

Đó mới chỉ là trên lý thuyết.

Còn trong thực tế thì trên thế giới, một là có nước thiên Cộng mạo xưng là trung-lập ; hai là có nước xưng là trung-lập nhưng rất thân Tây-phương. Còn những nước nào muốn thực sự trung-lập thì sớm muộn gì cũng sẽ bị chìm đắm dưới làn sóng Cộng-sản. Thực tế đã chứng rõ rằng Cộng-sản không tha một ai ; Cộng-sản vẫn theo đuổi chủ trương làm bá chủ cả hoàn cầu bằng cách này hay bằng cách khác. Trung-lập hóa một Quốc-gia chỉ là một hình thức tranh đấu của Đệ-quốc Cộng-sản để vượt trôi Quốc-gia đó. Bởi thế, trên thế giới, các Quốc-gia luôn luôn cảnh giác đối với chủ trương trung-lập. Có thể nói một nước trung-lập chỉ là một nước trong chế độ « tiền Cộng-sản ».

Sách lược của Cộng—sản

Một nước đứng trong khối Tự-do, liên minh với khối Tự-do, tức là được sự bảo vệ và tương trợ của khối Tự-do về mặt quân sự và kinh tế. Sách lược của Cộng-sản trước hết nhắm loại trừ sự bảo vệ đó. Nghĩa là : Cộng-sản nhắm đưa nước đó vào một tình trạng tạm gọi là trung lập ; khi nước đó đã trở thành trung lập rồi, Cộng-sản không còn sợ khối Tự-do can thiệp nữa. Lúc đó, Cộng-sản mới bắt đầu tấn công mạnh bằng những phương pháp giao quyết.

- * Không thể có một nước nào thực sự trung-lập
- * Trung-lập chỉ là để thay đổi hình thức tranh đấu hoặc là để trốn trách nhiệm, hoặc là để bảo vệ danh dự trước những sự thất bại liên tiếp.
- * Khối Tự-do chấp nhận chế độ « trung-lập » tức là thoái lui trước Cộng-sản.

Khi hai người chiến sĩ đánh nhau, cùng cầm gươm, cầm mộc thì kẻ nào mất mộc là phải chết. Sách lược của Cộng-sản là làm mất cái mộc che đỡ cho các nước.

Đã biết cái nguy hại như vậy, sao người ta còn chủ trương con đường trung lập ?

1) — Một vài Quốc-gia, thiều nhìn xa trông rộng tưởng rằng trung-lập thì sau này, khi Nga Mỹ đánh nhau, họ sẽ buông tha mình. Tâm gương của những nước trung-lập Bỉ, Hòa Lan bị Đức-Quốc.Xã dấy xéo, thật đã rõ ràng. Chiến tranh không buông tha một ai.

2) — Có thể Tây-phương đã chủ trương trung-lập-hóa một vài nước cũng là để tránh chiến tranh, phải nhượng bộ, cứ lùi dần, lùi dần, chứ không chịu nhận thực trạng và nhận trách nhiệm. Giả tỷ họ cương quyết chông lại bọn gây chiến thì chiến tranh có thể không bao giờ xảy ra.

3) — Có thể Tây-phương chịu đẩy một vài Quốc-gia thuộc phe mình chuyển sang chế độ trung-lập là để trốn tránh trách nhiệm, hoặc là để che đậy một sự thất bại mà khỏi bị mang tiếng. Trường hợp Ai.Lao có lẽ là như thế. Người ta đã phải ngạc nhiên thấy rằng Tây-phương đã quá « hiền lành » trong khi Việt-Cộng đã găm đầu « tiền tới » bằng cách tung quân vào đánh mau, đánh mạnh.

Trung-lập không phải là một giải pháp

Như thế, nhận chịu sự trung-lập, nhất là sự trung-lập do Cộng-sản chủ xướng, không phải là đã tìm ra một giải pháp thích ứng mà chỉ là một sự lép vế nếu không muốn nói là đầu hàng.

Tuy nhiên, vẫn có một số người trong khối Tự-do lại quả quyết rằng « Trung-lập » là một giải pháp vừa để đem lại hòa bình, vừa để ngăn chặn Cộng-sản.

Quả quyết như thế chỉ là hạng người thiển cận hoặc vì cá nhân họ đang lâm vào đường cùng, nên hy vọng và tìm cách gỡ gạc cầu may.

Thật vậy, trong một nước trung-lập, Cộng-sản bao giờ cũng có hoàn cảnh thuận tiện hơn để hoạt động và tổ chức cơ sở để chiến đấu theo sách lược của chúng. Trung-lập-hóa một nước tức là tạo cho Cộng-sản có thêm những phương tiện để xich hóa nước đó.

Chính bởi thế mà *Trung-lập không phải là một giải pháp mà chỉ là một cách kéo dài thời kỳ khó khăn để rồi gặp những khó khăn gấp trăm ngàn lần hơn*, làm nguy hại cho bất cứ nước nào phải chịu đựng nó, làm suy giảm ảnh-hương của khối Tự-do, trước khi đưa đến sự thất bại cho chánh sách Tây-phương.

SẮC LỆNH 146 - NV NGÀY 27 - 6 - 1962

THÀNH LẬP NGÀNH

CẢNH-SÁT QUỐC-GIA

★ TRỰC HÀNH

TỔNG-Thống Việt-Nam Cộng-Hòa vừa ban hành sắc-lệnh số 146-NV ngày 27-6-1962 cải tổ ngành Công-An Cảnh-Sát. Mới đọc qua, có người đã vội tưởng đây chỉ là một biện-pháp bành-trướng cơ quan cho lớn mạnh thêm, nhưng đọc đi đọc lại nhiều lần, đem đối chiếu với những văn-kiện tổ-chức cũ, và sau khi nghiên cứu kỹ mới thấy sắc-lệnh 146-NV không những quy-định một cuộc cải-tổ sâu rộng nhưng còn có một giá trị tinh-thần nữa.

Chúng tôi thiết nghĩ cũng thử nên phân tách nội-dung để tìm hiểu đại ý văn kiện đó.

Sắc-lệnh gồm 74 điều, chia làm 4 đoạn :

I.— **Đoạn đầu**, gồm các chính-điều tổng quát.

II.— **Đoạn 2**, (chương I), ấn định cách tổ-chức các cơ quan Trung-Ương tức là Nha Tổng Giám-Đốc Cảnh-Sát.

III.— **Đoạn 3**, (chương II), ấn định cách tổ-chức các cơ-quan ngoại bộ, tức là các Nha Cảnh-Sát Địa-phương và 2 Trung - Tâm Huấn - Luyện Trung - Cấp và Sơ-Cấp.

IV.— **Đoạn 4**, (chương III), quy định danh-hiệu, thủ-tục bổ-nhiệm, phẩm trật, phụ-cấp chức-vụ và phương-pháp áp dụng trong thời kỳ chuyển-tiếp.

*

I.— Những chính-điều tổng-quát

Điều 1 của sắc-lệnh có tính-cách lập-quy rất quan trọng nên xin trích đăng nguyên văn như sau :

« Nay sáp nhập toàn bộ Cảnh-Sát và Công-An « Quốc-Gia, Cảnh-Sát Đô-Thành, Cảnh-Sát Thị-xã và « Cảnh-Sát Hương-thôn tại Nam-Phần thành một ngành « thuần-nhứt lấy tên là NGÀNH CẢNH-SÁT QUỐC-

« GIA, quản hạt gồm toàn lãnh-thổ Việt-Nam Cộng-Hòa. Lương-bổng, phụ cấp, sắc phục, cấp hiệu Cảnh-Sát Quốc-gia đều theo một quy-chế thống-nhất.»

Tưởng cũng nên nhắc lại, từ trước đến bây giờ, trong Ngành vẫn có 2 danh từ : « CẢNH-SÁT » và « CÔNG-AN ».

« Cảnh-Sát » chỉ định những nhân viên hầu hết mặc sắc-phục hoạt động tại Đô-thị, các Thành-phố, các Thị-xã, và phụ-trách những công-tác trật-tự lưu-thông, Tư-pháp và Hành-chánh.

« Công-an » chỉ định những nhân-viên không mặc sắc-phục, hoạt động tại Tổng Nha, các Nha Giám-Đốc Địa-Phương, các Ty Công-an Tỉnh và các Chi Công-an Quận, phụ-trách các công-tác thuộc những bộ-môn Cảnh-sát Đặc biệt, Cảnh-sát Tư-pháp, Cảnh-sát Hành-chánh, Giáo-nghiệm, Căn-cước và Hành-chánh, nghĩa là cả những công-tác chìm lẫn những công-tác nổi.

« Cảnh-sát » và « Công-an » là những danh-từ dịch theo danh-từ Pháp để lại, và cũng vì theo cách tuyên-bổ cũ của người Pháp (lương bổng Cảnh-sát do ngân sách Trung-Ương đài thọ) cho nên chỉ vì danh-từ khác biệt mà không những người ngoài Ngành, đến cả một số người trong Ngành, cũng hiểu lầm « Cảnh-Sát » và « Công-An » là hai ngành riêng biệt.

Ngoài ra, riêng tại Nam - Phần, người Pháp còn đặt ra « Cảnh - Sát Hương thôn », lương bổng hàng tháng của một nhân-viên có khi không bằng một phần nửa lương - bổng của một nhân-viên Cảnh-Sát Đô-Thành, hay một nhân-viên Công-An ở cấp bậc tương đương. Hầu hết những Cảnh-Sát Hương-thôn ấy lại hoạt động ngay ở những tỉnh-ly cho nên mới gây ra sự chênh-lệch về lương bổng. Mặt khác vì khả-năng ngân-sách các tỉnh không đồng đều nên sắc-phục và có khi cả đến cấp-hiệu của Cảnh-Sát hương-thôn cũng không được duy-nhất.

Tất cả những sự-khiến ấy cần phải được chấm dứt và theo Sắc-lệnh mới, từ nay chỉ có một lực-lượng an-ninh dân-sự là « Ngành Cảnh-Sát Quốc-Gia ».

Chúng tôi được biết các cấp chỉ-huy trong Ngành đã lưu-tâm từ lâu đến vấn đề sáp-nhập các lực-lượng Cảnh-Sát và Công-An thành một Ngành thuần-nhứt, bằng chứng là trong mấy năm về sau này đã có một số tỉnh chỉ có một Trưởng-Ty chỉ-huy cả 2 lực lượng Công-An và Cảnh-Sát.

« Cảnh-Sát Quốc-Gia » từ nay sẽ phụ trách không những vấn đề trật-tự, lưu-thông, tư-pháp, hành-chánh, nhưng cả những công-tác an-ninh nữa.

Điều 2 của Sắc-lệnh cũng khá quan trọng, đó là liệt-kê và thích nghĩa những thẩm quyền của « Ngành Cảnh-Sát Quốc-Gia ».

Trong những vấn-kiện cũ (như Nghị-định số 60-Arr/Min/SP/Per ngày 29.11.1951), những thẩm quyền đó chỉ được ấn-định lờ mờ hoặc còn nhiều thiếu sót nên khi thi hành mới có sự « dẫm chân lên nhau » trong công tác.

Từ nay trở đi, « Cảnh-Sát Quốc-Gia » có 8 trách-vụ như sau :

- 1— Cảnh-sát Đặc-biệt.
- 2— Cảnh-Sát Tư-pháp
- 3— Cảnh-Sát Trật-tự Lưu-thông
- 4— Cảnh-Sát Hành chánh
- 5— Cảnh-Sát Chiến-đấu
- 6— Cảnh-Sát Khoa-học
- 7— Kiểm-soát ngoại-kiều
- 8— Huấn-luyện và Tu-nghiệp chuyên môn.

Không đi sâu vào chi-tiết từng bộ môn, chúng tôi chỉ xin nêu lên một nhận định : trách-vụ của « Cảnh-Sát Quốc-Gia » rất phức tạp và quan trọng, đòi hỏi ở các viên chức những kiến thức rộng rãi vì những viên-chức ấy không phải chỉ riêng làm việc Tư-pháp và Chánh-trị, nhưng còn phải có những kiến thức về Hành-chánh, Quân sự, Khoa-học và Giáo-duc.

*

II. Tổ chức các cơ quan

Trung-Ương tại Tổng Nha Cảnh-Sát

Từ trước đến bây giờ tại Tổng Nha có 5 Sở. Đem đối chiếu trách-vụ của 5 Sở ấy với 8 thẩm quyền đã ghi ở trên, thì thấy có những trách vụ mà đến nay không được đặt vào địa vị tương xứng, hoặc tại Tổng Nha chưa có cơ quan nào phụ trách (thứ dụ như Cảnh-Sát Trật tự Lưu-thông).

Trong tổ-chức mới, 8 thẩm quyền của Tổng Nha được phân phối cho 12 Sở chia thành 3 « Khối », mỗi Khối do một Ông Phụ-tá Tổng Giám-Đốc điều khiển.

Trong mỗi « Khối » còn có nhiều « Phòng Biệt lập » trực thuộc các Ông Phụ-tá.

Ngoài 3 Khối nói trên, còn có những cơ cấu và Phòng biệt lập khác, vì tính cách đặc biệt hoặc tối mật, mà đặt trực thuộc Ông Tổng Giám-Đốc hoặc Ông Phó Tổng Giám-Đốc.

Trong số các Sở :

— Có những Sở phải tập trung và trực tiếp phụ trách những công việc hiện thời của các địa phương ;

— Có những Sở phân quyền hẳn cho địa-phương, chỉ giữ nhiệm-vụ kiểm-tra đôn-đốc và tập trung tài liệu.

— Và có những Sở vừa phân quyền cho địa-phương, vừa giữ lấy một phần hoạt-động trên toàn quốc.

Tuy nhiên, dù theo phương pháp phân-quyền, hay tập quyền, mỗi Sở đều có một bộ phận, căn cứ vào những tài liệu của các địa phương gửi về, lập thống kê và đồ biểu để kịp thời đề nghị lên cấp trên những giải pháp bổ khuyết hoặc đề chặn đứng những phạm pháp đang tăng phát. Những bộ phận ấy còn có thể đề-nghị cải-cách những thủ-tục không còn hợp thời, đề guồng máy Cảnh-sát được mềm dẻo, linh-động và hợp lý hơn.

Như vậy ta thấy tổ chức mới đòi hỏi ở các viên-chức tinh-thần trách-nhiệm cùng những sáng kiến để cải-tiến liên-tục nghề nghiệp, và đó cũng là đường lối đúng của Ngành, vì quan-niệm của « Cảnh-sát » cũng là quan-niệm của Hành Chánh (Cai-trị là tiên-liệu) và cũng giống như quan-niệm của Y-Tế (Phòng bệnh hơn là trị bệnh).

*

III.— Những Cơ-quan Ngoại-bộ.

Theo tổ chức mới, các cơ-quan ngoại bộ gồm có 7 Nha Cảnh-Sát địa-phương và 2 Trung - Tâm Huấn-Luyện.

Trong đoạn này, chúng tôi thấy có những đặc điểm sau đây :

1.— Trừ Nha Cảnh-sát Đô-Thành mà phần-vụ vừa có tính cách hành động trực tiếp vừa có tính cách kiểm tra đôn đốc, các Nha Cảnh-sát địa-phương chỉ giữ nhiệm-vụ kiểm-tra đôn đốc và phối hợp mà thôi ; trái lại các Ty Cảnh-sát tỉnh và Chi Cảnh-sát Quận lại hoàn toàn phụ-trách hoạt-vụ.

2.— Các « Quận Cảnh sát » tại Đô-Thành Sài Gòn (cũng có người gọi là Cảnh-sát Cuộc) thì nay được đổi là « Ty Cảnh-sát » như các Ty tỉnh, và các « Bót Ngánh » được đổi thành « Chi Cảnh-sát ».

3.— Những công việc thuộc địa-phương sẽ giao trả về địa-phương, vì thế mà Ty Cảnh-sát Thương-Khẩu trước thuộc Sở Chuyên-Môn Tổng Nha nay được sáp nhập vào Nha Cảnh-sát Đô-Thành, trái lại hai Ty Cảnh-sát Gia-Định và Tân-Bình, trước thuộc Nha Cảnh-sát Đô-Thành vì phương diện kỹ-thuật thì nay được giao-hoàn tỉnh Gia-Định.

4.— Ty Cảnh-sát tỉnh nào lấy tên theo tỉnh ấy chứ không được lấy tên thị-xã như trước (thí dụ Ty-Cảnh-sát Khánh-Hòa, không phải là Ty Cảnh-sát Nha-Trang v.v.) và thẩm quyền sẽ bao gồm toàn hạt tỉnh chứ không phải chỉ đóng khung trong thị-xã như trước. Cũng nên nhắc lại, theo tổ chức cũ, phạm-vi hoạt động của Cảnh-sát tỉnh chỉ thu gọn trong thị-xã mà thôi, nhưng hoạt động của Ty Công An tỉnh ấy lại bao gồm toàn địa hạt. Nếu nay đem sáp nhập 2 Ty làm một, lẽ dĩ nhiên phần-vụ của « Ty Cảnh-sát mới » phải bao gồm toàn hạt tỉnh, và như vậy sự kiểm soát những trục lưu thông nối liền hai thị xã, lúc trước thuộc thẩm quyền Hiến binh, thì nay phải do Ty Cảnh-sát sở quan phụ trách.

5 — Tổ chức Cảnh-sát nay đã ăn sâu đến cấp xã (Phân-Chi Cảnh-sát).

Về phần hai Trung-Tâm Huấn-Luyện, tổ chức không có gì thay đổi nhiều, điều đáng chú ý là những giảng viên sẽ hợp thành Giảng-viên-Đoàn trực thuộc Giám-đốc, và hai Trung-Tâm sẽ đặt dưới quyền kiểm soát trực tiếp của ông Phụ-Tá Khố Hành-chánh.

*

IV.— Danh hiệu, bổ nhiệm, phẩm-trật phụ cấp chức vụ và phương pháp áp dụng trong thời kỳ chuyển-tiếp.

Đoạn này chỉ là phần thủ-tục Hành-chánh để minh-định danh-hiệu phẩm trật, và ấn định cách thức bổ nhiệm và những phụ cấp chức vụ.

Những điểm nên lưu ý là :

1.— Ngoại trừ những người có công-tác đặc biệt không được tiết lộ tung tích, tất cả nhân viên dù hoạt động ở ngoài hay ngồi tại phòng giấy đều phải mặc sắc phục và đeo cấp hiệu ;

2.— Những viên chức ở cấp điều khiển được đeo cấp hiệu giả định tương đương với chức vụ.

3.— « Chi-Trưởng Cảnh-sát » ở Quận và « Phân-Chi-Trưởng Cảnh-sát » ở xã cũng được hưởng phụ cấp chức vụ.

Một điểm đặc-biệt khác là từ nay thủ tục tuyên thệ của các viên chức Cảnh-sát có tư-cách tư-pháp cảnh lại đã được thống nhất. Cho đến bây giờ, từ Phan-Thiết trở ra đến Quảng-Trị, viên chức Cảnh-sát có tư-cách tư-pháp cảnh-lại phải tuyên thệ trước Tòa-án, nhưng ở Đô-Thành Saigon những viên chức ấy lại tuyên thệ trước ông Bộ-Trưởng Nội-Vụ.

Đề thống nhất thể thức tuyên thệ, điều 68 của Sắc-lệnh đã quy định như sau :

« Các viên-chức do Sắc-lệnh này thừa nhận có « tư cách tư-pháp cảnh-lại, phải làm trọn thể thức « tuyên thệ tại Tòa-án địa phương trước khi nhận việc. « Lời thề định như sau :

« Tôi xin thề làm tròn chức vụ của tôi một « cách trung thành, và trong mọi công việc xin giữ « đúng các bổn phận do chức vụ của tôi bắt buộc « phải theo.

*

Xem như trên, chúng ta thấy Sắc-lệnh số 146-NV ngày 27-6-1962 của Tổng-Thống đã đem lại một luồng gió mới cho Ngành Công-an Cảnh-sát.

Công cuộc cải tổ sâu rộng này nhằm mục tiêu :

- Thống nhất danh hiệu
- Thống nhất đường hướng
- Thống nhất tổ chức
- Thống nhất thủ tục và hoạt động
- Thống nhất sắc phục, cấp hiệu và lương-bổng và liên tục Cải tiến nghề nghiệp.

T. H.



**BẠN
DÂN**

— Cùng các bạn gửi thư đặt mua sách « Kỹ-thuật Điều-tra Cảnh-sát Khoa-học của ông Nguyễn-Công-Chánh.

Có nhiều bạn gửi thư về hỏi mua sách nhưng không gửi tiền. Xin trả lời chung, chúng tôi không áp dụng phương pháp « lãnh hóa giao ngân » ; các bạn có thể ghi tên tại Ty hoặc Chi nơi đang tòng sự nhờ ông đơn-vị-trưởng làm danh sách chung gửi về Tòa Soạn Bạn Dân 241 Đại-lộ Cộng-Hòa Saigon. Chiều danh sách, chúng tôi sẽ gửi sách đến đơn-vị, và nhờ ông đơn-vị-trưởng thu tiền giúp. Mong các bạn thông cảm.

— Bạn Bùi-Quan-Phú, Ty Công-an Bình-Tuy.— Đã nhận được bưu-phiếu 100\$ và sẽ gửi sách.

— Quý bạn Châu-đình-Thịnh, Mặc Y-Sy Tuần Dũng, Trần Khương Thái Sơn, Quang Ngọc.— Sẽ có thư riêng.

— Bạn Luân Vũ.— « Nói buồn hai đũa » không hợp với tôn chỉ Bạn Dân. Trông những sáng tác mới của bạn.

NHÂN VỤ TRANH CHẤP
THÁI LAN — CAMBODGE VỀ
NGÔI ĐỀN PREAR VIHEAR

Bài của LÊ NGUYỄN

VẤN đề bảo vệ an-ninh thế-giới là mục đích quan trọng nhất của cộng đồng quốc-tế. Chương thứ 6, điều 33, Hiến-chương Liên-Hiệp-Quốc nói về thủ tục giải quyết tranh chấp quốc-tế, kể đến điều khoản xác định thể nào là sự gây ra mối bất hòa giữa các quốc-gia và nghĩa vụ mà các quốc-gia phải thi hành ngõ hầu giải quyết ổn thỏa tranh chấp. Sau nữa, điều 33 còn ấn định rằng các quốc-gia có tự do chọn lựa thủ tục giải quyết.

Các tranh chấp quốc tế có thể giải quyết bằng các thủ tục như : nhân vật trọng tài, tòa án quốc-tế hay thủ-tục ngoại giao, chính trị. Các thủ tục này đòi hỏi sự can thiệp của quốc-gia đệ-tam. Tuy nhiên người ta vẫn thấy được sự khác biệt giữa các thủ tục ngoại giao, chính-trị và thủ tục trọng tài : quyết định của thủ tục ngoại giao không có tánh cách cưỡng bách. Trái lại khi quốc-gia trao thẩm quyền giải quyết cho trọng tài, quyết định đó có hiệu lực bó buộc. Ngoài ra, trọng-tài chiếu theo luật quốc-tế mà xử án, trong khi thủ tục chánh trị chỉ theo đường lối ngoại giao để giàn xếp và quốc-gia tương tranh muốn theo hay không theo sự giàn xếp này cũng được.

Thủ tục trọng tài đã được áp dụng từ thượng cổ và dần dần đã được phổ quát. Thủ tục này cũng có tánh cách nhiệm-ý và ước định, nghĩa là cần có sự chấp thuận và quyết định của các quốc-gia tương tranh trao quyền phân xử thì trọng tài mới được thụ lý. Nhưng khi đã trao quyền xét xử cho trọng tài, bản án của trọng tài có tánh cách bó buộc.

Mặc dầu thủ tục trọng tài đã có từ lâu, vẫn được áp dụng trong hiện tại, nhưng người ta đã trù liệu thành lập một tòa-án hoàn bị hơn. Thật vậy, trọng tài chỉ có sự mạng nhứt thời, tức là khi tuyên bố quyết định rồi, nhiệm vụ sẽ chấm dứt. Mặt khác chúng ta còn thấy có rất nhiều cơ quan trọng tài nên có nhiều bản án khác nhau. Do đó án-lệnh trọng tài không có tánh cách thống

Thư tìm hiểu

TỔ - CHỨC VÀ THẨM
QUYỀN CỦA TÒA-ÁN
QUỐC - TẾ LA HAYE

nhất và giá trị của bản án cũng không đồng đều. Vì thế, sau thế chiến thứ I, người ta cố gắng thành lập một cơ quan mệnh danh là Pháp-viện thường trực quốc-tế.

Tại Hội nghị La Haye năm 1907, Hoa-kỳ đề nghị lập Pháp-viện thường trực có khóa hợp nhất định, gồm các thẩm phán do những quốc-gia đề cử. Nhưng số quốc gia nhiều và Pháp-viện thường trực sẽ gồm nhiều thẩm phán, lúc đó người ta ngại Pháp-viện sẽ biến thành cơ quan thảo luận chánh trị, chứ không còn là chuyên môn nữa. Do đó, đề nghị của Hoa-kỳ bị gạt bỏ và phải đợi đến năm 1920 quy chế Pháp-viện thường trực mới được 50 quốc-gia trên thế giới phê chuẩn. Năm 1929 có sự sửa đổi quan trọng : thay vì nhiệm vụ của thẩm phán Pháp-viện thường trực chấm dứt khi xử xong vụ tranh chấp, người ta muốn đổi Pháp-viện thường trực thành một tòa-án thường trực, liên tục có những phiên họp như những tòa-án thường, ngoại trừ các kỳ nghỉ.

Cũng nên nhấn mạnh rằng thời kỳ này là thời kỳ của Hội Quốc Liên. Đến năm 1940 thì Pháp-viện thường trực ngừng hoạt động. Về sau tại Hội-nghị San Francisco (1945), các quốc-gia nhận thấy cần thành lập một Pháp-viện mới để thay thế cho Pháp-viện thường trực củ của Hội Quốc-Liên, tuy nhiên cách tổ chức và điều hành đều được rập theo quy chế Pháp-viện thường-trực cũ. Với tòa-án mới này, người ta đổi tên là Tòa-án Quốc-tế La Haye, tức Pháp-viện Quốc-Tế hiện thời.

Về Pháp-viện Quốc-Tế hiện thời, chúng ta sẽ lần lượt xét những điểm sau :

— Sự liên quan giữa Liên-Hiệp-Quốc và Pháp-viện Quốc-Tế.

Cách tổ chức Pháp-viện Quốc-Tế.

— Thẩm-quyền của Pháp-viện Quốc-Tế

— Phán quyết của Pháp-viện Quốc-Tế,

(Xem tiếp trang 57)

ĐỘI HOẠT-VỤ

TÌNH - BÁO

TỔNG NHÀ C.A.C.S.

ĐÃ GIẢI THOÁT ĐƯỢC 10 THƯỜNG DÂN BỊ VIỆT-CỘNG BẮT TẠI CẦN - GIUỘC

Sau thời gian bỏ trốn theo dõi Cộng-phỉ chủ trương phá hoại Ấp Chiến Lược, đêm 16 rạng 17-7-1962, Đội Hoạt-Vụ Tình-Báo 4 và 51 thuộc Nha Tổng Giám-Độc Công-An Cảnh-Sát đã đột nhập tấn công sào huyệt của chúng tại một địa điểm thuộc xã Trường-Bình Quận Cần - Giuộc, Tỉnh Long-An.

Bị tấn công bất ngờ, bọn chúng chạy tán loạn.

Kết quả : Ta bắt sống được 8 cán-bộ Việt-Cộng thuộc Đội võ trang xã Trường-Bình, và tịch thu được 5 súng trường, 2 ghe lớn, 1 xuồng và 1 số đạn dược (hình trên)

Trong dịp này, lực lượng ta đã giải thoát được 10 thường dân bị Việt-Cộng bắt trói và bịt mắt đưa đến địa điểm nói trên để trưng trị. (hình giữa)

Những đồng bào do nhân viên đội Hoạt-Vụ của ta giải thoát, đã được săn sóc đặc biệt (hình dưới) và kê đó được đưa về xum họp với gia đình tại nguyên quán.



TÔI có thói quen : cứ mỗi chiều thứ bảy sau khi cơm nước xong đánh một giấc đến 4 giờ. Rồi vào ngồi trong một phòng trà.

Vừa ngồi xuống, một chiều đãi viên ghé lại nhỏ nhẹ : « Thưa ông dùng gì ? »

— « Cho tôi ly café đen, thật n ng », tôi trả lời. Rồi lấy thuốc ra hút, vừa vút que diêm vào đĩa gạt tàn, chợt nghe đằng sau có tiếng : « như Anh, Pháp mới là dân chủ chứ ».

Tôi ngoảnh lại, thấy hai người đầu tóc không chải, ăn mặc bình dị, trông có vẻ như những triết gia, hay nhân sĩ trùm chân gì đó. Một người mập mạp, mặt đỏ gay, hình như hơi say thì phải ; một người gầy, mang cặp kiềng trắng. Người này mỉm cười nói : « Tôi, đồng ý Anh, Pháp là dân chủ, nhưng không phải dân chủ của họ là cái gì cũng hay cả, cứ xem tình trạng nát như tương bần của Pháp hiện nay thì biết. Phải chăng là hậu quả của nghị viện chính trị ? »

Nhưng thôi, ta không cần phê bình họ hay họ dở, tôi chỉ muốn nói với anh rằng về vấn đề dân chủ thì ai cũng phải chấp thuận, nhưng sự áp dụng phải sao cho thích nghi với trình độ với hoàn cảnh của nước mình mới được. Thử hỏi sau 80 năm bị trị, kinh tế phá sản, dân trí thấp kém, lại thêm nạn Cộng-Phi quấy phá... như hiện nay, nếu chúng ta mang áp dụng dân chủ một cách máy móc, vụng về, thiếu suy xét thì có khác nào nổi giáo cho giặc kh'ng ? »

Người kia hỏi : « anh nói như vậy, có nghĩa là chúng ta đã có một nền dân chủ hoàn toàn và nhân dân ai cũng thỏa mãn

cả sao ? Thế trường hợp ông Vũ-vân-Thái lấy mấy triệu rưỡi ra ngoại quốc ở, trường hợp ông Nghiêm-xuân-Thiện vì phê bình chính phủ mà bị giam giữ là thế nào ? ».

Người mang kiềng đáp : « Không, tôi không nói là hoàn toàn, tôi xin nhắc lại, tôi chỉ nói phải thích nghi. Bất cứ một chính sách nào muốn thực hiện ững phải có kế-hoạch, mà kế hoạch đó phải chia ra hoãn, cấp, trước, sau, phải đi từng bước, từng giai đoạn, chứ đâu phải hề muốn là mang ra làm ngay một lúc được.

Còn nói đến vấn đề thỏa mãn của nhân dân, chúng ta phải nói ngay rằng có một số người không thỏa mãn chứ. Nhưng, những người không thỏa mãn này là những ai ? Phải chăng là một thiểu số hoặc vì quyền lợi riêng tư của cá nhân hoặc vì tự ái của bè phái ? Những người này thuộc lớp người chậm tiến, không theo kịp với trào lưu tiến hóa của thời đại và dân tộc ; thiếu giác ngộ, chỉ bắt Quốc-Gia có trách nhiệm với mình mà không tự hỏi mình có trách nhiệm gì với Quốc-Gia.

— Về trường hợp ông Vũ-vân-Thái thì có phải ông Thái lấy tiền rồi trốn ra ngoại quốc đâu, nguyên trước kia chính phủ dùng ông Thái là vì vấn đề chuyên môn ; nhưng sau xét thấy ông Thái kém tích cực trong công vụ nên chính phủ đã cho ông Thái nghỉ việc còn việc ông Thái ra ngoại quốc là do đơn xin xuất ngoại du học để bổ túc về chuyên môn của ông đã được chính phủ chấp thuận. Ngoài ra, khi ở ngoại quốc hoặc giả ông Thái có phản nản gì

chính phủ thì chẳng qua cũng chỉ là phản ứng tất nhiên của những người bất mãn vì địa vị và quyền lợi cá nhân mà thôi.

— Về trường hợp ông Nghiêm-xuân-Thiện bị giam giữ hoàn toàn không phải vì viết báo phê bình chính phủ. Ông Thiện bị giữ là vì ông còn thiếu thuế của chánh phủ, mà ông ngoan cố nhất định không chịu trả, nên chính phủ vì tôn trọng luật pháp buộc lòng phải giữ ông, nếu ông thanh toán thuế cho chính phủ thì chính phủ trả tự do cho ông liền.

Người kia hỏi : Theo lời anh thì chính phủ đã thực hiện dân chủ và đã đặt những tiêu chuẩn để bảo đảm công bằng xã hội. Tại sao không tăng lương cho công-chức công-nhật để phù hợp với giá sinh hoạt ?

Người mang kiềng đáp : vấn đề tăng lương để phù hợp với giá sinh hoạt, mới nghe tưởng là hay, là hợp lý. Nhưng, sự thực trái ngược hẳn. Muốn đặt vấn đề tăng lương trước hết phải đặt câu hỏi, có phải vì vật giá cao mà tăng lương không ? Vậy, tăng lương có giải quyết được vấn đề vật giá không ? Ta có thể trả lời ngay là không. Vì vậy giá cao không phải tại lương ít, mà do mấy nguyên nhân sau đây :

1) — Có sự chênh lệch giữa sản xuất và tiêu thụ, sức cung không kịp với sức cầu.

2) — Chưa giải quyết binh quân được vấn đề xuất-nhập cảng.

3) — Sự phân phối thiếu điều hòa và hợp lý.

4) — Có sự đầu cơ tích trữ của gian thương.

Nếu không trừ tuyệt được những nguyên nhân trên thì dù có tăng lương lên gấp mấy lần hiện nay cũng vô ích. Cũng không giải quyết được vấn đề.

Cho nên công việc chính vẫn là làm thế nào giải quyết vấn đề vật giá, để giảm giá sinh hoạt.

Để giải quyết vấn đề này chính phủ ngoài công việc khuyến khích nông nghiệp để tăng diện tích canh tác, tổ chức hợp tác xã để điều hòa sự phân phối, tích cực dùng mọi biện pháp bài trừ gian thương để trừ tuyệt nạn đầu cơ tích trữ, còn đặt kế hoạch kinh tế ngũ niên, thực hiện chính-sách kinh tế

BẠN ĐỌC VIẾT

TRÀ TRUNG TÙY - BÚT

tự túc, để tăng số lượng xuất cảng, giảm số lượng nhập cảng, để thủy chuẩn hóa vắn đề sản xuất và tiêu thụ.

Các vắn đề này lần lần được thực hiện vật giá tự nhiên giảm và mức sống của nhân dân sẽ lên cao, không cần tăng lương nữa nhân dân tự nhiên phú túc.

Giải quyết như vậy, mới là giải quyết vắn đề tận gốc, trường cửu và hợp với tình trạng một nước chậm tiến như nước ta hiện nay.

Người kia lại hỏi : « như vậy có nghĩa là chính phủ đã được tổ chức hợp lý rồi sao ? Tại sao không đặt Tổng Nha Ngân-Sách và Ngoại-viện thuộc Bộ Quốc-Phòng ? Tại sao không tập trung ngân sách của các cơ quan tự trị như Công-Quản Chuyên Chở Đô-Thành, Hòa-Xa, Hàng-Không Việt-Nam... vào Bộ Tài-Chánh ? Sao không bỏ những cơ quan như Hợp-Tác-Xã, Nguyên-Tử Lực Cuộc đi ?

Người mang kiềng : « Ô nói vậy té ra anh không hiểu gì hết ! Tổng Nha

Ngân-Sách và Ngoại-Viện có nhiệm vụ quản trị toàn thể ngân sách Quốc-Gia, mà ngân sách Quốc-Gia chỉ có Tổng-Thống là có quyền chuẩn chi mà thôi-Vậy, Tổng Nha Ngân-Sách và Ngoại-Viện phải đặt thuộc Tổng-Thống Phủ mới hợp lý chứ. Bộ Quốc-Phòng chỉ là một Bộ cũng như các Bộ khác trong chính phủ, chỉ phụ trách một số công việc nào đó, như bình định, an ninh lãnh thổ... chẳng hạn, thì đặt Tổng-Nha Ngân Sách thuộc Bộ Quốc-Phòng thế nào được.

Còn các cơ quan như Hàng Không Việt-Nam, Hòa-Xa, Công-Quản Chuyên Chở... là những cơ quan có tính cách thương mại, hàng năm có vắn đề lỗ lãi, nên cần có ngân sách tự trị, để tiện cho việc phát triển của các cơ quan này. Nhưng, không vì thế mà các cơ quan này không phải là ngân sách Quốc-Gia. Tổng-Thống có thể cho tăng (nếu xét thấy lỗ hay cần để khước trương) hay rút bớt ngân sách của cơ quan này (nếu xét thấy

lời hay không cần khước trương) để làm việc khác.

Ngoài ra, các tổ chức như Nguyên-Tử Lực Cuộc, hay Hợp Tác Xã là để đáp ứng nhu cầu tiền bộ của Quốc-Gia, để phân phối điều hòa mức sản xuất và tiêu thụ trong nước, đồng thời còn để tránh cho các nhà sản xuất cũng như người tiêu thụ nạn trung gian đầu cơ trực lợi. Những tổ chức hữu ích như thế làm sao lại bỏ đi. Và lại, không riêng nước ta mà hầu hết các nước tiến tiến trên thế giới ngày nay không nước nào là không có các tổ chức này ».

Mãi nghe quên cả thời gian, lúc nhìn lại thấy đã hơn 7 giờ, nhớ đến bữa cơm chiều, tôi vội đứng dậy trả tiền và ra về. Trong khi đi đường tôi thầm nghĩ : Ngày xưa Trần-Cang chỉ hỏi ông Lý có một điều mà biết ba, nay mình tuy không được đi tản bộ ngoài châu thành, nhưng được nghe một cuộc mạn đàm rất là thích thú.

P.V.X.

Đã phát - hành

KỸ - THUẬT ĐIỀU - TRA

CẢNH - SÁT KHOA - HỌC

- Một quyển sách rất hữu ích cho các giới có liên quan đến ngành CẢNH-SÁT TƯ-PHÁP
- Một quyển sách làm thỏa mãn những ai muốn tìm hiểu : THẾ NÀO LÀ CẢNH-SÁT KHOA - HỌC.

Soạn giả : Nguyễn-công-Chánh

Chủ-sự Phòng Giáo-nghiệm Nha Tổng Giám Đốc C. A. C. S.

Giá mỗi quyển 50đ

Mọi giao dịch xin liên lạc với :

TÒA - SOẠN TẬP - SAN BẠN - DÂN

241, Đại lộ Cộng-Hòa — Saigon

RƯỢU

và

TỘI - PHẠM

★ ĐÀM - TRUNG - MỘC

CÁCH đây ít bữa, báo đăng anh Phải ở Đa-kao đang tay chém đũa con gái ruột 4 tuổi đầu lia khỏi cổ chết tươi Nhà chức trách tới can thiệp, miệng anh còn sặc mùi rượu. Ông Tòa Trác năm xưa, không hiểu uẩn khúc ra sao, vác súng áp đảo nhà quen, để rồi tự kết liễu cuộc đời một cách... uống mạng. Ngoài cửa, chiếc xe lộng lẫy của ông máy còn đang chạy, và trong xe : một chai Bisquit còn chừng phân nửa.

Những sự kiện loại này khiến bất đắc dĩ phải trở lại một vấn-đề « xưa » như trái đất, vấn đề Rượu, giới khoa học gọi là chất C2 H5 OH.

Từ những dân tộc bán khai chậm tiến, mình trần với hũ rượu cần, cho tới những con người văn minh Âu Mỹ cổ cồn ca-vát chung quanh những Whisky, rượu mùi, chung quy cũng là rượu cả, mặc dầu hình thức có vẻ dị đồng. Phần vì cái nghiệp con người ở đâu cũng vậy, thường ưa tìm những giây phút mơ mộng để mê, ru hồn lên bổng chồn thần tiên huyền ảo. Muốn vậy, chẳng tiện nhờ đến « nàng tiên má hồng nâu » thì đã sẵn có... rượu. Phần vì tục lệ chung quanh. Vận đồ, sự nghiệp hanh thông, đường mây thăng tiến, phút chốc công danh một bước lên voi, người ta phải kiếm chén rượu làm mừng. Vận túng cơn đen, buồn hận người đời, cũng phải cùng nhau một chén giải khuây. Hỷ ngộ ai lạc, quan hôn tang tế, hay là tứ thời bát tiết, khi xum họp lúc chia ly, đều là những dịp để người ta chén thù chén tạc, cùng nhau nửa tỉnh nửa say.

« Bạn ơi, quan hà xin cạn chén ly bôi », không mấy ngày là chúng ta không nghe câu hát đó... (Xin chú ý :

chén là chén ly bôi chứ chẳng phải chén tầm thường. Ông bạn già của tôi nghe tôi hát câu này đòi thêm là « xin cạn tách chén ly bôi », rồi lại gật gù ngâm câu về xưa : Nửa đêm giờ Tý, canh Ba, Vợ tôi, con gái, đàn bà, nữ nhi. Không kiểu ý ông ra sao).

Lại cũng có những thời kỳ, hay những địa phương phép giao tế buộc phải uống rượu, có biết uống, có « tửu lượng » cao, mới ra người hào hoa phong nhã. Nam vô tửu như kỳ vô phong, và Cầm Kỳ Thi... Tửu, thay vì Thi Họa.

Loanh quanh bấy nhiêu nguyên nhân giúp cho rượu được trường tồn, mặc cho thế cuộc bải bệ nương dâu. Người ta uống, uống hoài, mặc dầu trong lòng biết là uống nhiều có hại. Hại sức khỏe, hại tiền tài, hại hòa khí gia-đình hay lối xóm, hại cho con cháu về sau, hại cá nhân hại tập thể, hại đơn hại kép, hại mãi về lâu về dài. Nhà bác-học đã nghiệm thấy, chỉ uống nửa lít vang trắng là sau đó chưa đầy một giờ, trong tinh khí đã có chất rượu (Nieloux), và khám nghiệm thì thấy 50% những trẻ con bị bệnh thần kinh là đều do có cha mẹ nghiện rượu (nói một nửa cũng vậy, nhưng nói 50% cho nó có vẻ).

Cho nên thường thấy chính quyền các nước phải can thiệp, lắm lúc mạnh mẽ, để hạn chế những mối tai hại đó như kiểm soát việc sản xuất, điều khiển việc buôn bán; chế giảm sự tiêu thụ rượu. Dầu sao, đó là những chủ trương thuộc lãnh vực hành chánh chánh-trị. Ở đây

(xem tiếp trang 54)

SÁT KIM

TRẦN - ĐÌNH - KHẢI

GIỚI THIỆU : Đây là chương « Sát kim » trong thiên «Thận Đại Lãm» của bộ Lã-Thị Xuân-Thu, đại ý thuyết-minh sự bất-đồng của cổ kim về thời gian cũng như về hoàn cảnh địa phương. Muốn định chế trị-quốc phải minh sát thời thế của hiện tại mà không nên câu nệ ở đường lối cũ.

Lã-Thị Xuân-Thu là một pho sách do Lã-Bất-Vi xướng xuất việc soạn thảo.

Họ Lã vốn là nhà phú thương ở đất Dương-Địch nước Triệu, với óc tính toán của nhà buôn đã nhìn thấy ở vị Thái Tử làm con tin của nước Tần là một mối hàng rất có lợi.

Y bèn tìm hết cách để giao kết, rồi dốc hết tiền của vốn liếng vào việc xoay sở cho Thái Tử được về nước làm vua tức Tần Trang Tương Vương.

Bất-Vi được làm Tướng Quốc phong tước Văn Tín Hầu.

Y bắt chức tác phong Mạnh Thường Quân tập hợp mấy nghìn tân khách, trong số đó có nhiều học giả và danh sĩ. Y bèn cho soạn thảo một pho sách tóm thâu đủ cả cổ kim thiên địa vạn vật và lấy tên là Lã-Thị Xuân-Thu. Nội dung pho sách chú trọng về mục-tiêu đạo đức, tham bác cả học thuật của bách gia chư tử, lấy lẽ vô vi làm kỷ cương, lấy điều trung nghĩa làm phẩm thức, có thể nói là một pho sách gồm cả Nho, Đạo, Mặc cùng chư gia học thuyết.

Tác giả của pho sách đó không phải là một người, mà nhiều người đã tập hợp tất cả sở trường sở học để biên tập.

Về giá trị cuốn sách ngay đương thời, sau khi soạn thảo hoàn tất, Lã Bất Vi rất lấy làm đắc ý và đã dám tuyên bố là một pho sách tập đại thành tất cả những cái hay cái giỏi của muôn đời.

Để chứng thực lời nói của mình là chân xác, Lã Bất-Vi cho bày pho sách ở giữa chợ Hàm Dương và treo giải thưởng nghìn lạng vàng cho bất cứ ai có thể sửa được, dù một chữ trong pho sách.

Ta miễn bàn tới ý tưởng muốn sửa chữa ấy là chân hay nguy, chỉ nhìn về phương diện giá trị pho sách thì được biết nhiều học giả đời sau cũng rất ca ngợi.

Như vậy, đối với văn hóa họ Lã cũng đã cống hiến được một công trình quý giá.

Giới thiệu đoạn văn sau đây, mục đích để đọc giả thưởng thức một lối hành văn cùng những ý tưởng rất sát với thực tế, rất cần thiết cho thực dụng, của một pho sách quý thời Chiến Quốc.

*

SÁT KIM

NHỮNG bậc lãnh đạo quốc gia không theo pháp tắc của bậc tiên vương để trị quốc, không phải là bất hiếu, sở dĩ không theo vì theo không thể đúng được.

Pháp-tắc của bậc tiên vương, từ đời xa xưa truyền lại, người ta đã, hoặc thêm vào, hoặc bớt đi, như vậy bây giờ làm sao mà theo cho đúng được.

Giả dụ không ai thêm bớt gì, cũng không thể theo được.

Mệnh lệnh ban hành ở miền đông phương, ở miền Hoa Hạ, pháp tắc của cổ của kim, lời nói khác nhau mà điển chế cũng khác nhau.

Vì vậy mệnh lệnh của thời xưa, phần nhiều không hợp với ngôn ngữ của thời nay, và mệnh lệnh của thời kim phần nhiều không hợp với pháp tắc của thời cổ.

Dân tộc khác nhau về tập tục, cũng cùng lý do ấy ; ý nguyện thúc đẩy đề thi hành muốn giống nhau, nhưng cách thức thi hành thì lại khác.

Mệnh không diễn tả được rõ ràng thì mệnh lệnh áp dụng, như sự không giống nhau về thuyền xe, áo mũ, mùi vị, thanh sắc. Có người cho là phải, có người lại cho là không phải rồi đâm ra bài xích nhau.

Những học giả thích biện luận trong thiên hạ, sử dụng lời lẽ linh hoạt đảo điên, không câu sự thực mà chỉ cốt hủy báng nhau, mục đích để chiếm phần thắng.

Như vậy pháp-tắc của bậc tiên vương làm sao mà có thể theo đúng được. Dù pháp-tắc có đúng chăng nữa cũng không theo được vì những lý nêu ở trên.

Huống hồ pháp tắc của bậc tiên vương đặt ra chính vì nhu yếu của thời đại. Thời đại có đến cùng với pháp tắc đâu. Ngày nay tuy pháp tắc ấy dấu mới đến cũng không thể áp dụng được.

Vì vậy muốn bắt chước bậc tiên vương chỉ có thể bắt chước ở phương diện sở dĩ vì sao phải đặt ra pháp tắc mà chẳng nên áp dụng những pháp-tắc đã đặt thành rồi.

Vậy sở dĩ vì sao tiên vương phải đặt ra pháp tắc ?

Sở dĩ tiên vương đặt ra pháp tắc chính là vì người thế mà mình cũng là người, nên xét mình có thể rõ được người, do đó xét thời nay có thể rõ được thời xưa. Cổ kim chỉ là một, người và ta cũng cùng như nhau.

Bậc hữu đạo xét gần để biết xa, xét kim để biết cổ, căn cứ ở sở kiến để biết sở bất kiến; cho nên nhìn bóng tối ở dưới sân có thể biết được sự tuần hành của mặt trời mặt trăng, biết được sự biến hóa của âm dương; nhìn miếng băng trong bình nước có thể biết được sức lạnh của trời đất, biết được sự ẩn nấp của cá của ba ba ; nếm một miếng thịt trong nồi, có thể biết được hương vị của nồi thịt.

Đứng ở lập trường tìm những điểm tương đồng thì thấy tương đồng, nếu phải phân tích với dụng tâm tìm những điểm tương dị thì lại thấy vô cùng cách biệt. Vì vậy lập luận trên tựa hồ như mâu thuẫn.

Đoạn đầu đề cập tới thời đại cổ khác với thời đại kim, người địa phương này khác với người địa phương khác rồi để đoạn dưới lại kết luận là đã là người thì ai cũng như ai, và cổ kim chỉ là một.

Trong cái luận quần của lối hành văn ấy, dụng ý của người viết muốn độc giả phải tĩnh tâm hội ý để

tự mình định lấy ở phương diện nào thì là giống và ở phương diện nào thì là khác.

Một vấn đề thuộc về tinh cảm về tinh thần, hoàn toàn trừu tượng nếu dùng những biện pháp cụ thể để giải thích để phân định, cưỡng giải tuy cũng được, song ấn tượng vào tư tưởng người đọc không được mạnh mẽ sâu xa.

Vì vậy ý tưởng then chốt của đoạn văn là: kỳ sở vi dục đồng, kỳ sở vi dị (cùng mục đích nhưng khác thủ đoạn).

Cho nên hỉ nộ ai lạc ái ố dục, thất tinh của con người, đồng cũng như tây, cổ cũng như kim, nhưng cách biểu hiện thất tinh, phương pháp điều dưỡng, và đường lối cũng như tiêu hưởng áp dụng thất tinh thì chẳng cứ đồng tây cổ kim mà ngay người cùng thời, cùng địa phương, cùng hoàn cảnh, đã có thể khác nhau rồi.

Giống thì cực giống, mà khác cũng cực khác. Vì khác mà không thể nhất luật áp dụng một cách máy móc cho bất cứ ai và cho bất cứ thời đại nào một pháp-tắc cố định.

Nhưng cũng vì giống nên cái lòng thương dân chí tinh của người thời xưa vẫn có thể đem áp dụng mà không hề lỗi lầm cho người thời nay. Mục đích xây dựng cho nhân loại, hoài bảo vị tha, từ ngàn xưa được tôn trọng là cao đẹp, thì hiện tại và cả ngàn sau, những tư tưởng ấy có bao giờ bị giảm giá.

Để minh chứng cho lập luận « phải biến cải để duy trì những ý nguyện tương đồng », người viết đã đưa ra những thí dụ dẫn chứng sau đây :

Người nước Kinh muốn đánh úp nước Tống sai người đi đánh dấu trước trên khoảng sông Ung. Khi mực nước dâng cao, người nước Kinh không biết, đem đèn cho quân theo dấu lội sang, chết đuối mất hơn nghìn người, quân lính sợ hãi tan vỡ rời loạn. Lúc trước người đi dò đường đánh dấu thì mực nước còn thấp, có thể theo dấu lội được, đến nay nước dâng cao, còn theo dấu cũ, làm gì người Kinh không thất bại.

Bực vua chúa thời nay, nếu theo pháp tắc của tiên vương cũng tương tự như thế.

Thời đại của tiên vương cùng với pháp tắc của tiên vương đã xa xưa rồi, thế mà còn cố giữ luận điệu « Đây là pháp tắc của bậc tiên vương » rồi theo đó cho là phương pháp trị quốc an dân hữu hiệu nhất, như vậy có đáng buồn thay không ?

Cho nên trị quốc mà không có phép thì loạn, giữ phép mà không biết biến cải thì trái lẽ. Loạn và trái lẽ đều không duy trì nổi quốc gia. Đời đổi, thời thay, pháp tắc phải biến cải là cần thiết. Cũng ví như thấy lang

(Xem tiếp trang 56)



BÀI CA

TUỔI TRẺ

T HỀ hệ chúng ta :

Những người Trai đôi mươi
 Hồn ngát trăng sao, xây mộng cao vời,
 Những thư sinh tinh khôi trang vở mới
 Mây vờn trán rộng phơi phơi niên hoa
 Thề sự đầy vơi bài toán kỹ hà
 Sự nghiệp ngàn pho kinh sử
 Đấng quả mười năm tòa ước mơ.

Những công nhân,
 Máu áo xanh bát ngát thành-đô
 Cánh tay lao động khơi nguồn sông
 Ngực phồng căng gió lộng phương bờ

Những nông dân của đồng ruộng thôn ở
 Năm tháng cần lao phơi gội nắng mưa
 Mầm lúa xanh từ bàn tay sáng tạo
 Đã vươn lên trong tiếng hát câu hò

CHÚNG ta,

Những người trai đất nước
 Lớp tuổi đôi mươi vừa tròn mộng biển
 Với tiếng chèo ca những bình minh cảm thạch
 Với hoàng hôn ngọc bích mờ sương

... Đã gặp nhau khi vào mùa quân dịch
 Cùng hẹn hò trong tiếng gọi lên đường,
 Xếp bút nghiêng để chọn nòng súng thép
 Mộng nào hơn là bảo vệ Quê hương ?

Người công nhân những bắp tay cuộn sóng
 Mắt ngời tia lửa can trường
 Anh nông phu cũng ôm ghì cây súng
 Hẹn mai về cùng đồng lúa xanh non

Tất cả chúng ta, những người trai trẻ
 Quyết tiến lên rửa sạch quốc hồn
 Phờng Bắc ngụy một ngày kia tan vỡ
 Dòng sông xanh sẽ nổi lại tình thương.

Người thư sinh sẽ trở về kinh sử
 Trang sách ngày xưa ướp mộng canh trường
 Nhà máy vươn cao, khói tuôn ngạo nghệ
 Chàng công nhân vui kiêu thiết ca vang
 Anh nông phu với lưỡi cây sáng tạo,
 Đồng lúa mênh mông chiu nặng bông vàng...

Ta ươm lại những mùa hoa mộng cũ
 Có bình minh lấp lánh ngàn sương
 Có hoàng hôn chuốt ngọc tà dương
 Có tiếng hát em thơ, lời mẹ già câu nguyện
 Đất nước rạt rào tình Sông ý Biển
 Cao vút không gian khúc nhạc giáo đường.

HOÀNG LONG

ĐÔI DÒNG CẢM NGHĨ

T ừ thuở còn ờn lờng, ở lổ, loài người đã biết đắp tuyết, xây đá, dựng thành những hang, những hầm nấp nắng, nương mưa. Mỗi một kiến trúc thô sơ là một công trình sáng tạo ; ở đấy, loài người tìm thấy bóng mát trưa hè, hơi ấm đêm đông ; ở đấy, loài người nghỉ ngơi sau những buổi làm cực nhọc ; ở đấy, loài người đợi chờ một ngày tiếp theo, săn nhiều thú hơn, đánh nhiều cá hơn, hái nhiều trái cây hơn, gặt nhiều quả hơn ; ở đấy, loài người vẽ lên trong óc những điều mơ ước huy hoàng cho một ngày mai ; ở đấy loài người ăn dụn đề dành, tích trữ ít nhiều cho tuổi về già, cho lũ sơ sinh ; ở đấy những lớp trẻ nhỏ nói nhau ra đời, những đồng tiền nhân trở về với đất ; ở đấy, loài người đã tốn công phu, đã hao tâm trí, để mở rộng thêm, để cát cao thêm, để bồi vững thêm, để tô đẹp thêm, cái mà hôm nay chúng ta gọi là MÁI ẤM GIA ĐÌNH.

Tuy thế, không phải người nào cũng đều có sẵn một mái nhà riêng, dễ dàng, nhanh chóng. Khi một phần tử trưởng thành tách ra ở riêng, y phải nghĩ đến túp lều trú thân trước hết. Bao nhiêu sức lực, bao nhiêu thì giờ, bao nhiêu vốn liếng, bao nhiêu nợ nần. Mỗi một mái nhà là một kho tàng, là một thế giới. Người ta sung sướng vì nó, đau khổ vì nó, hãnh diện vì nó, nhục nhã vì nó. Những mối thâm tình này nở ở đó, phát triển ở đó, và những cuộc sống tinh thần thăng liêng bắt nguồn từ đó. Cho nên không ai chấp nhận một kẻ dưng sơ bỗng nhiên chiếm quyền, dù một phần quyền sinh sống ở đó, hiện diện ở đó, nếu không tự nguyện biến thành tế bào của một gia đình là cơ thể chung.

Nhưng khi có đủ điều kiện đắp móng, xây nền, người ta phải chọn nguồn sông, lịch núi làm nơi cư ngụ lâu dài. Kẻ sống miền rừng, nhờ gỗ, nhờ than không thể thiên di về vùng cát biển nơi mà lười búca dẫn cây không chém chết cá dưới nước, que diêm đốt rẫy không nung khô được muối lỏng trong hồ. Có chăng chỉ là thiếu số thiếu may, đất mẹ không dung, đành một ly hương để tìm sinh kế ; song dù khách địa đãi người, họ vẫn hướng lòng về nẻo quê xưa, như trong lời thơ thiên cổ :

« Ngựa Hồ hí gió Bắc

Chim Việt đậu cành Nam »

Thử hỏi, trong hơn một triệu đồng bào từ Bắc di cư vào đây, có ai dù là chức trọng, quyền cao, sự nghiệp lớn, tài sản nhiều, mà không trông mong một ngày sớm về cố quận. Dù ở ngoài đó không còn ngôi nhà nguyên vẹn hôm kia, hay dù ngôi nhà ngày trước không rộng bằng biệt thự hiện nay ở đây, nhưng mảnh hồn quê vẫn nương theo ngọn mây Tần : mái nhà chỉ là một vật thể ; những gì tạo nên mái nhà, bao phủ mái nhà, nâng đỡ mái nhà, chứa đựng mái nhà, mới là linh hồn của một cuộc đời, ôm ấp vô vàn kỷ niệm, tiềm tàng nỗi nhớ niềm thương. Mỗi kẻ ra đi đều đã ngậm ngùi già biệt mái nhà thân yêu là nơi ký thác tâm hồn của khách ly hương.

Ồi, mái nhà ! Lịch sử đông tây há đã chẳng ghi hận lòng của những tài n hân lãng tử, gót chân đã in trên khắp nẻo đường, vẫn ngàng trông trời mà than : đất rộng sông dài thiên hạ bốn phương, mà ta không tìm thấy một mái nhà ! Cũng như đã có biết bao vị vương, biết bao khanh tướng, một tay xây nổi cơ đồ, điện ngọc lầu vàng, mà lúc xế chiều chỉ cần lui về nệm rơm, mái cỏ ! Ồi, quý hiếm thay, và quý báu thay, chỉ MỘT MÁI NHÀ !

* LÊ-XUÂN-NHUẬN



★ Bài của NGUYỄN ĐẠI

Cứu-tinh củ

L. T. S. Dưới đây là bài tường thuật công trạng của một người Pháp tên là Michel Hollard, một trong những gián điệp có tên tuổi của Đồng Minh trong Đệ Nhị Thế Chiến đã có công cứu thành phố Luân Đôn khỏi bị tiêu diệt vì Đức Quốc Xã.

MỘT buổi sáng tinh sương tháng mười năm 1943, năm thứ năm của trận Đại chiến II, Michel Hollard, một người Pháp vạm vỡ khỏe mạnh, 45 tuổi, đang sẵn sàng để vượt biên giới Pháp sang Thụy Sĩ. Trên vai anh ta đeo một cái bị đầy nhóc khoai tây, và anh ta cầm lăm lăm nơi tay một chiếc riu. Trông bề ngoài, anh ta đúng là một người tiêu phu vào rừng kiếm củi.

Anh sáng mặt trời ban mai gạn lọc qua hàng lá cây um tùm, chiếu thưa thớt xuống con đường mòn trong rừng và Hollard len lỏi bước đi thoàn thoắt như một con mèo. Anh ta cần thận từng bước, cố tránh không gây tiếng động mạnh vì một tiếng động mạnh cũng có thể đưa anh ta sang tận bên kia thế giới chứ không phải bên kia biên giới mà thôi: vì quanh quần đầu đó trong rừng, là những đội

tuần tiễu của Đức với đoàn chó săn tinh khôn nổi tiếng.

Hollard vốn là một người chuyên vẽ kiêu mẫu về các sản phẩm kỹ nghệ đã trở nên một gián điệp phục vụ cho tổ quốc Pháp của anh và đã từng qua lại biên giới Pháp Thụy Sĩ 49 lần. Mỗi lần vượt biên giới là anh ta lại mang theo những tin tức quân sự để báo cáo về Tổng Hành Dinh Đồng Minh ở Anh quốc. Anh và những người phụ tá đã vẽ những bản đồ về các sân bay quân sự bí mật của Đức ở Pháp, những ổ súng đại bác đặt dọc theo bờ biển, khám phá được chương trình của Đức thiết lập một căn cứ tàu ngầm ở Boulogne, phúc trình các sự điều động của từng sư đoàn quân Đức ở Pháp.

Tất cả những tin tức đó đều có một giá trị tinh báo rất lớn. Tuy nhiên, không một tin tức nào từ trước lại có giá trị có thể so sánh

được với tin tức anh ta đang mang trong mình lần vượt biên giới này.

Lần này, để lẩn trong bị khoai tây là một tờ giấy, một tài liệu, không những sẽ cứu vãn được Luân Đôn khỏi bị hoàn toàn san phẳng thành bình địa, mà còn có thể rút ngắn lại được nhiều tháng, trận Đại Chiến kinh khủng đã reo rắc quá nhiều tang tóc cho nhân loại. Anh ta đang mang theo một họa đồ những căn cứ bí mật của Hít-le để phóng những bom bay V.1 sang Luân Đôn.

Hít-le đã dự định phóng 50.000 trái bom bay V.1 sang Luân Đôn theo đà 5000 trái một tháng. Những công tác sửa soạn đã được thực hiện và được bao phủ bằng một tấm màn bí mật thật kín, không một kẻ hở. Phần nhiều những nhân công được tuyển mộ để làm công việc này đều là người Đức và người Ba lan không biết nói tiếng Pháp. Họ có bồn phạt xây cất những con đường giốc thoát thoải để phóng bom đi. Những đường này đã hoàn thành được tại hơn 100 căn cứ.

Hollard, người duy nhất của Đồng Minh được biết về các chi tiết của kế hoạch này, đang tiến tới gần biên giới. Anh ta bắt đầu chạy.

Hàng rào giây kẽm gai ngăn đôi biên giới Pháp, Thụy Sĩ đã hiện ra trước mắt. Anh ta vừa vút bị khoai tây và chiếc riu sang bên kia hàng rào bỗng thấy đau nhói ở đùi: một con chó của đội tuần tiễu Đức vừa ngoạm vào đùi anh.

Con chó cứ đứng mà ngoạm chặt lấy đùi anh, không nhúc nhích. Hollard không cựa cựa được. Nhưng anh biết phải tìm ngay phương thế để gỡ khỏi miệng con chó vì chỉ trong chớp mắt nữa là bọn lính Đức sẽ hiện ra.

Nhưng anh không một tác khí giới trong tay. Từ trước anh vẫn nghi trang là một người dân quê

lính Thụy Sĩ đứng ngay bên cạnh, tay cầm súng đang chĩa về phía biên giới Pháp. Anh ngoảnh lại: Hai người lính Đức đang sắp sửa nhả đạn vào anh. Nhưng anh thấy chúng bỏ súng xuống, rồi bỏ đi, miệng lầm bầm những gì nghe không rõ.

Sau khi Hollard thoát được sang bên kia biên giới thì không bao lâu các máy bay Đồng Minh bắt đầu bắn phá, oanh tạc các căn cứ phòng V.I. Trong 5 tuần lễ, 73 căn cứ bị hoàn toàn phá hủy hay bị tàn phá nặng nề không thể dùng được nữa. Mặc dầu chúng cố xây cất những căn cứ mới nhỏ hơn, nhưng chương trình đại quy mô của chúng để hoàn toàn tiêu huỷ thành phố Luân Đôn đã bị phá. Hít-le chỉ có thể phóng được độ dưới 2500 trái bom V.I thay vì 50.000 trái như đã dự định. Và những trái bom đó mãi đến tận giữa năm 1941 mới phóng được thay vì nếu phóng vào cuối 1943 thì kết quả đã ác liệt hơn nhiều.

Trong cuốn hồi ký về trận Đại chiến này, Đại tướng Eisenhower đã viết : « Có lẽ nếu Đức thành công phóng những trái bom bay đó sớm hơn được sáu tháng thì cuộc đổ bộ lên Âu Châu của chúng ta sẽ khó khăn gấp vạn phần và có khi không thể thành công được. »

Điều đáng phục nhất trong câu chuyện gián điệp này là Michel Hollard người đã trở nên một trong những gián điệp cử khôi nhất của trận Đại chiến II, đã hoạt động gián điệp do tự ý mình. Không ai huấn luyện anh, mà cũng không ai « tổ chức » anh cả. Khi có tin tức muốn báo cáo, anh lại vượt qua biên giới Thụy Sĩ. Anh không có máy truyền tin, không có đồ thả dù xuống và cũng không có hệ thống liên lạc với các bạn anh nữa. Anh trước là một người làm công rất tần tảo của một tổ chức khảo cứu, lương rất ít không đủ ăn. Khi quân Đức chiếm thành phố Ba-Lê, và những chủ nhân của anh bắt đầu làm việc cho Đức thì anh cảm thấy đời anh đang đi đến một chỗ rẽ. Anh thôi việc và xin làm cho một hãng xe hơi chế tạo than đốt. Công việc này rất phù hợp với công việc mà anh đã dự

định công tác để phục vụ cho tổ quốc : nó giải thích sự có mặt luôn luôn của anh trong những khu rừng gần biên giới với lý do là anh đi kiểm củi về để đốt than.

Một hôm anh định vượt qua biên giới sang Thụy Sĩ để tìm đến một tổ chức gián điệp của Anh xin gia nhập nhưng nửa đường anh bị bọn Đức bắt được. Anh đã biện bác đủ mọi lý do để bào chữa và bọn Đức đành phải thả anh ra. Lần thứ nhì, anh vượt qua được biên giới. Người Anh bắt anh phải chỉ rõ những đơn vị Đức và phúc trình về những sự điều động của chúng.

Thế rồi cứ đà đó anh liên tiếp công tác trong ba năm. Anh tổ chức lấy những bạn bè thân hữu của anh trong đám nhân công hỏa xa. tài xế xe vận tải, công nhân các khách sạn v.v.. để giúp anh. Từ một tổ 5 người lúc đầu, anh dần dà đã tổ chức được tới 120 người, trong số đó, có 20 người bị quân Đức bắt và giết chết. Một số khác bị tra tấn trọng thương và một số khác may mắn thoát được. Có một lần vào ban đêm, trong khi vượt biên giới từ Thụy Sĩ trở về, anh đã đại dột ngấm một liều thuốc lá cháy dở trên mình. Khi nghe thấy tiếng hò « Ai đó, đứng lại » của một tên lính Đức từ bóng tối xa xa vọng đến, anh vội nằm lăn ngay xuống đất bò đến một góc cây, rồi từ từ đứng giậy tìm cách cấm đoán thuốc lên thân cây rồi lại bò đi chỗ khác : Hai phát súng nổ ghim đúng vào thân cây. Anh đã thoát chết nhờ một sự nhanh trí khôn trong lúc cấp bách !

Thành tích oanh liệt nhất của Hollard - việc theo dõi các chương trình kế hoạch phóng bom bay V.I của Đức — bắt đầu từ một quán cà phê ở Rouen, tháng 8 — 1943. Một nhân viên của anh ở đây báo cáo rằng có nghe thấy hai nhà thầu khoán xây cất nói chuyện với nhau về một công trình xây cất đặc biệt của quân Đức. Điều họ lấy làm lạ nhất là số lượng bê tông đã được dùng trong công tác. Ngày hôm sau Hollard vội đi Rouen. Ăn mặc đồ công nhân nghèo nàn, anh đến trụ

(xem tiếp trang 49)

L của THÀNH PHỐ LUÂN ĐÔN

làm ăn lương thiện để tránh mọi sự nghi ngờ của quân Đức. Nhìn quanh thì may thay anh thấy một chiếc gậy ngăn ngay trong tầm tay. Với chiếc gậy đó, anh thọc ngay vào cổ họng chú chó khôn ngoan, thọc sâu mãi. Mấy phút sau, con chó bỗng buông mồi, lăn ra đất tắt thở

Nhanh như cắt, Hollard nhào qua hàng rào, nhặt bị khoai tây lên Vừa đứng dậy, anh thấy một người

Lời Tòa Soạn.- Trong Ngũ Kinh, có lẽ « Kinh Dịch » là bộ sách cao siêu hơn cả nên ít người hiểu được cái triết lý uyên thâm « thiên địa vạn vật nhất thể » của đạo Nho, vì phải biết dùng trực giác mà suy luận toàn diện mới thấu triết được triết lý đó, chứ dùng lý trí mà xét đoán cũng chưa đủ.

Từ đời Vua Văn Vương nhà Chu khi bị đày ở ngục Dữu-Lý đến thời Đức Khổng Tử, DỊCH đã lần lần biến cải từ « Thoán từ », « Hào từ » đến « Kinh » nhưng tiếc thay về sau, nhất là thời bây giờ, nhiều người đã quá thiên về phần thuật số mà lãng quên phần đạo lý, cho nên mỗi khi nghe nói đến « Ngũ Hành, Bát quái » người ta chỉ liên tưởng ngay đến bói toán, tử vi, hắc lục.

Gần đây, được biết Chính phủ đã cử một hội đồng gồm các vị tác nho để phiên dịch và nghiên cứu « Kinh Dịch » thiết nghĩ bài khảo luận nhỏ dưới đây của bạn MAI-NGUYỆT chỉ là một hạt bụi trong biển học mênh mông, nhưng dù sao cũng không ra ngoài phương châm « thuật nhi bất tác, tín nhi hiệu cổ » của đạo Thánh Hiền.

Ngũ hành không phải là trò bịa đặt của một khối óc tưởng tượng viển vông, mà chính là kết quả trừu tượng của một cuộc kinh nghiệm rộng rãi và sâu sắc.

Thoạt đầu tiên, các triết gia tiền thời nhận thấy rằng một ngày chia rõ rệt ra làm 4 độ : sáng, trưa, chiều, tối, cũng tỷ như một năm chia rõ rệt ra 4 mùa : Xuân, Hạ, Thu, Đông.

Lấy óc lý luận mà suy nghĩ và xét đoán, người ta mới phân biệt bốn mùa ra bốn thể Mộc, Hỏa, Kim, Thủy.

Bốn chữ Mộc, Hỏa, Kim, Thủy, là 4 danh từ cụ thể dùng để tượng trưng 4 nguyên liệu căn bản và thiết yếu cho cuộc sinh hóa vô cùng vô tận của Tạo vật. Mộc là cây, song cây ở đây dùng để làm biểu hiệu cho tất cả những lực lượng sinh tồn trong vũ trụ. Những sinh vật, động vật, sở dĩ có sức sống nối tiếp nhau không ngừng, là nhờ ở đức Mộc. Cho nên Mộc là mùa Xuân mà cỏ nhân mới gán cho hành Mộc

NGŨ HÀNH và BÁT QUÁI

★ MAI NGUYỆT

TẤT cả thiên hình vạn trạng của Vũ-trụ, rút cục lại, chỉ nằm gọn lỏn trong năm nguyên tắc căn bản mà cỏ nhân gọi là Ngũ hành.

Không phải chỉ riêng một mình người Trung-Hoa mới biết có ngũ hành mà thôi. Những dân tộc văn minh thời thượng cổ cũng đều có quan niệm ngũ hành như người Trung Quốc.

Đôi với dân tộc Ấn-Độ, thì ngũ - hành là « Tanmatra » mà bát quái là « tattva ». Người Bà-La-Môn thừa xưa cũng có bộ Kinh Vệ Đà và Kinh Upanishad, luận về ngũ hành, chẳng khác gì Kinh Dịch của người Tầu cả.

Theo người Ai-Cập, vũ trụ được cấu tạo ra, cũng là do ở ngũ hành. Người Ai-Cập tượng trưng ngũ hành bằng hình tượng quái vật « Sphinx », đầu người mình thú, có cánh chim đại bàng và móng vuốt sư tử.

Đức Nguyên, nghĩa là đầu mối của vạn vật, của Trời Đất. Mà đức lớn của Trời Đất là nẩy nở. « Thiên địa chi đại đức, viêt sinh ». Do đó, đức lớn của con người là lòng Nhân vậy.

Mộc sinh Hỏa. Hỏa thuộc về mùa Hạ, là lửa. Lửa ở đây là sức mạnh bùng bột của tâm linh, lửa thiêng trong lòng người, và lửa sáng trong vũ trụ. Hỏa là mặt Trời, đức Hạnh soi suốt cả mọi nơi mọi chốn, bồi dưỡng cho cuộc sinh hóa. Không có lửa ấm ầm thì cỏ cây, cùng muôn loài, khó lòng mà phát triển được. Song lửa nóng quá, thường làm cho con người đi quá trớn. Cho nên phải lấy Lễ mà ràng buộc. Bởi đó đức Lễ mới tiếp theo đức Nhân.

Thứ ba đến Kim, tức là mùa Thu. Kim tượng trưng cho nguồn lợi tức vô biên của Tạo Hóa, vì Kim là cả không gian và thời gian, là cả Vũ-Trụ do quẻ Kiển phát động mà biến ra. Kiển là Kim, mà

Kim cũng là vàng bạc, kim khí. Bởi lẽ ấy, đức của hành Kim là Lợi, mà con người muốn kim hãm lòng ích kỷ vụ lợi, thì phải biết trọng Nghĩa. Cho nên Nghĩa nổi theo Lễ và Nhân.

Kim sinh Thủy. Thủy là mùa Đông. Giữa Tạo Vật, Thủy là nước, mà trong con người, tức là giòng sông ý thức, ngọn nguồn lý trí đó. Đức của nước là Trinh, nên con người cần phải liêm khiết trong sạch. Đến mùa Đông của cuộc đời, thì con người cũng đã đầy kinh nghiệm, biết rộng, hiểu xa, vì đó mà có đức Trí.

Nhưng Trí mà xảo quyết, tàn ác, là bởi bảm sinh con người hành Thổ. Thổ là vật chất, vị trí đứng ở giữa bốn hành để dung hòa cho cả bốn hành. Muốn cho bốn đức Nhân, Lễ, Nghĩa, Trí được hoàn hảo và đầy đủ, con người cần thêm một đức cuối cùng nữa là Tín. Có Tín thì Nghĩa mới đẹp, và Trí mới toàn thiện, toàn mỹ.

Xét như thế, ngũ hành tuy ở ngoài vũ trụ, mà cũng ở trong lòng mình. Con người biết theo đúng ngũ thường tức là hợp với đạo thiên nhiên vậy.



N G ũ hành là năm yếu tố căn bản phát sinh ra Vũ Trụ. Vũ Trụ phát triển ra thiên hình vạn trạng, mà thu lại, chỉ có ngũ hành mà thôi. Bởi đó, hiểu được sự chề hóa của ngũ hành, tức là hiểu rõ được tất cả Vũ Trụ.

Hiểu được Vũ Trụ, cũng là hiểu được con người. Vì con người là một vũ trụ nhỏ. Trong con người, thì ngũ hành là ngũ tạng, mà cũng là ngũ quan.

Ngũ hành hợp thành một hệ thống, tuân theo một qui tắc nhất định. Qui tắc đó là Lý. Khi vũ trụ nằm trong thể Tĩnh, thì Lý có tính cách tuyệt đối. Đến khi vũ trụ lâm vào thể Động, thì Lý bỗng có tính cách tương đối mà hóa ra Đạo.

Đạo là con đường luân chuyển của ngũ hành. Mặc dầu có sự luân chuyển ngũ hành cũng vẫn cứ theo qui tắc nguyên thủy, tức là luật tương sinh và tương khắc

Mỗi một hành lại do một hành khác sinh ra, và tự mình cũng sinh ra một hành khác nữa. Tỷ dụ : Thủy do Kim sinh ra, và Thủy lại sinh Mộc,

Luật tương sinh như sau này : Thủy sinh Mộc, Mộc sinh Hỏa, Hỏa sinh Thổ, Thổ sinh Kim, và Kim sinh Thủy

Như thế, tức là cứ mỗi một hành thì lại có hai thể sinh. Hành Thủy, do Kim sinh ra, đó là Sinh nhập. Hành Thủy lại sinh ra Mộc, đó là Sinh xuất.

Hành nào cũng đều đứng giữa hai trạng thái Nhập và Xuất. Cứ thế mà xoay, thì thành ra một vòng tròn không có đầu, cũng không có đuôi, hay nói đúng hơn, thì đầu cuối cũng như nhau.

Người Ấn-Độ thừa xưa tượng trưng vòng tròn luân chuyển của ngũ hành bằng một con rắn tự ngậm lấy đuôi, và uốn thành một vòng tròn, gọi là « Pasha ». Tục truyền vòng « Pasha » là của Thần Shiva vẽ ra, nên cũng kêu là « vòng Pasha của Shiva »

Vòng « Pasha của Shiva » tượng trưng luật Sinh. Nhưng trong lòng luật sinh, lại có luật Khắc.

Mỗi một hành hợp với hành khác, thì lại cũng xung khắc với 2 hành khác nữa. Tổng cộng hai sinh hai khác, cùng với chủ vị, vẫn là Năm.

Thủy hợp với Kim và Mộc, nhưng lại khác với Thổ và Hỏa. Nước chui vào đất, đó là Khắc nhập, nước làm tắt lửa, đó là Khắc xuất.

Đền lược Kim, thì hợp với Thổ và Thủy, song lại khác với Mộc và Hỏa. Kim khí chém gỗ, đó là Khắc nhập, Kim khí bị lửa thì cháy ra, đó là Khắc xuất.

Luật Khắc cũng như luật Sinh, đều có xuất và có nhập.

Tóm lại, thì vòng sinh khác có thể biểu dương bằng bản đồ vẫn tắt sau đây :

	Sinh nhập	Sinh xuất	Khắc nhập	Khắc xuất
Kim	Thổ	Thủy	Mộc	Hỏa
Thủy	Kim	Mộc	Thổ	Hỏa
Mộc	Thủy	Hỏa	Thổ	Kim
Hỏa	Mộc	Thổ	Kim	Thủy
Thổ	Hỏa	Kim	Thủy	Mộc

Nếu vẽ thành hình vòng tròn, thì trông còn rõ hơn nữa. Vòng ngoài hiện ra luật Sinh, mà trong lòng thì nhận thấy luật Khắc. Sinh Khắc chề hóa ra tất cả bí quyết của ngũ hành. Ai mà thấu triệt được luật đó, thì có thể thu toàn thể vũ trụ vào trong lòng bàn tay một cách dễ dàng, không có sự gì là bí mật nữa cả.

(xem tiếp trang sau)

TÀ T cả bí quyết của Kinh-Dịch, là ở chỗ Ngũ hành mà sinh ra Bát Quái.

Nhìn lá cờ của nước Đại-Hàn bây giờ, ngày xưa là nước Triệu-Tiên, tức Cao-Ly, chúng ta đều trông thấy rõ ràng 8 quẻ trong Kinh-Dịch. Tuy nhiên lá cờ đó không gọi cho ta một ý niệm gì về Ngũ hành sinh ra Bát Quái cả.

Theo hai bản đồ của Phục-Hy và Hạ-Võ, tức là Hà-Đổ và Lạc-Thư, thì trong khắp Trời Đất chỉ có 5 hành và 8 quẻ mà thôi. Tại sao lại không có 3 hành và 4 quẻ, hay 2 hành và 7 quẻ chẳng hạn ? Chắc hẳn phải có một lý do mà cổ nhân đã nhận xét, mà hậu thế chưa cắt nghĩa rõ rệt đó mà thôi.

Chung qui thì trong vũ trụ, tóm tắt lại, chỉ có mỗi một thể bất di bất dịch, bao trùm hết cả mọi vật, tuyệt đối mà vĩnh viễn, người ta không biết tả ra làm sao, nên gọi là Thái Cực.

Thái Cực là thể duy nhất tự mình dung hòa mình, đứng trong một thể quân bình độc nhất vô nhị. Song lẽ thể quân bình đó mà giữ được, lại là ở hai nguyên tắc căn bản nằm trong lòng Thái Cực. Đó là Âm và Dương.

Âm Dương là hai trạng thái chia đôi Thái Cực, hóa ra lưỡng Nghi. Người Trung-Hoa thời cổ tượng trưng thể lưỡng Nghi đó, hoặc bằng vòng tròn phân ra làm 2 hình con cá, một đen, một trắng, hoặc bằng chữ « Thập » là mười.

Chữ Thập một nét ngang, một nét dọc, hàm ý một bên trái, một bên phải, một bên trai một bên gái, hay là một cách trừu tượng hơn, là một Âm, một Dương.

Có lẽ người La-Mã cũng đồng một quan niệm như người Trung-Hoa, nên hình dung số mười bằng chữ X, tức là chữ « Thập » vẽ nghiêng. Đền lượt người Á-Rập, thì hai thể Âm Dương được biểu

đương một lời cụ thể bằng hai con số 0 và số 1. Số 1, theo người Ấn-Độ là Linga, còn số 0 là Yoni.

Hai số Âm Dương hợp lại thành số 10. Số 10 là số hoàn toàn đầy đủ nhất của Tạo Hóa.

Một Âm một Dương, là 10 tất nhiên phải sinh ra con số ở giữa là 5. « Một » là Cha, « Không » là Mẹ, « Năm » là con. Năm là ngũ hành, nối liền hai thể âm dương vậy. Chúng ta cứ nhìn hai bàn tay thì nhận thấy lý đó.

Năm đứng ở chính giữa, thì từ số 1 đến số 10 chỉ còn có 8 số. Trên 5 thì có : 1, 2, 3, 4. Dưới 5 thì có : 6, 7, 8, 9. Tám số đó là Bát Quái.

Sở dĩ trong Ngũ hành, chỉ có Bát Quái là như vậy. Không thể nào có Lục Quái hay Cửu Quái được. Về sau này, lúc Vũ Trụ phát triển rồi, thì quẻ Đoài lùi vào, nên còn có Bảy quẻ mà thôi, hợp với 7 ngày trong tuần lễ.

Nhưng nguyên thủy, thì vẫn có 8 quẻ. Bởi đó người Trung-Hoa mới vẽ bàn cờ tướng có 8 đường ngang, 8 đường dọc, là 64 ô, song lại chỉ có 7 thứ quân cờ, từ Tướng tới Tốt, mà Tốt lại có 5 con. Tám đường là Bát Quái, năm con Tốt là ngũ hành, bảy thứ quân cờ là 7 quẻ phát triển :

Bát Quái được hình dung rõ rệt nhất bằng Bát Tiên: Trương-quả-Lão là quẻ Kiển, Tào-quốc-Cửu quẻ Khảm, Hàn-Tương-Tử quẻ Càn, Lữ-đồng-Tân quẻ Chấn, Lâm-thể-Hòa quẻ Tồn, Hớn-chung-Ly quẻ Ly, Lý-thiết-Quài quẻ Khôn và Hà-tiên-Cổ quẻ Đoài.

Trong thần thoại Hy Lạp, thì Kiển là Ouranos, Khôn là Gae, Chấn là Zeus, Tồn là Mercure, Khảm là Neptune, Càn là Mars, Ly là Apollon, và Đoài là Artémis.

Quan niệm Đông Tây không khác gì nhau về vấn đề sinh ra Vũ-Trụ vậy.

M. N.

Chủ-trương Nhân-Vị làm cho chúng ta có một thái độ luôn luôn phấn đấu và cảnh giác. Chúng ta hãy tránh những thứ Nhân-Vị giả mạo, hãy gạt bỏ những thói viển cớ và những lý lẽ mập mờ, để dấn thân vào một cuộc đương đầu toàn lực, chiến đấu anh dũng thanh toán tất cả áp lực và mọi bất công. Như vậy, chúng ta sẽ trung thành với chí khí anh hùng cổ truyền của Tổ-Tiên. Bởi lẽ cố nhiên không bao giờ có một cuộc Hòa-bình không chiến đấu, không bao giờ có một nền Tự-Do không gian hiểm !

NGŨ-TỔNG-THỐNG

ĐĂNG
KHÔI
BIÊN
KHẢO

NHỮNG YẾU TỐ CĂN BẢN

của

SỰ HUẤN-LUYỆN

(Xem Bản Dân từ số 27)

PHƯƠNG PHÁP BIỂU DIỄN CHỨNG MINH

DÙ dạy về lý thuyết hay thực hành giảng viên vẫn cần phải làm biểu diễn cho học viên xem để học viên hiểu cách làm như thế nào. Biểu diễn chứng minh có một tác dụng quan trọng là đánh thẳng vào thị giác của học viên, cũng như khi trình bày những trợ huấn cụ vậy. Đồng thời sự biểu diễn của giảng viên cũng gây thêm hứng thú của học viên đối với lớp học.

Có thể tóm tắt các cách biểu diễn chứng minh vào 5 cách thức như sau :

Biểu diễn thông thường.— Thường để giải thích và trình bày cách điều hành của một dụng cụ. Lời biểu diễn này thường được tiến hành ở trong lớp học và trong những giờ huấn luyện căn bản.

Biểu diễn theo lối trình bày.— Các dụng cụ được trình bày thường được trưng bày đầy đủ và được chỉ dẫn hết cho học viên xem. Phải lưu ý đến số học viên ở trong lớp học. Nếu quá đông, thì phải chia ra từng nhóm và mỗi nhóm được xem một lần các dụng cụ trưng bày.

Biểu diễn ở ngoài trời.— Thường được dùng để biểu diễn các phương pháp chiến đấu. Những cuộc biểu diễn phiến phức thường được chia ra làm nhiều kỳ, mỗi kỳ biểu diễn một phần của đề tài, và các học viên phải hiểu thấu triệt một phần ấy trước khi tiếp tục biểu diễn sang phần khác.

Biểu diễn bằng phim ảnh.— Đây là một phương pháp hữu ích nhất để cho các học viên nhận xét thấy cách thức thực hành điều mà họ được nghe giảng.

Biểu diễn bằng cách đóng kịch.— Dùng các học viên ở trong lớp, giao cho mỗi người một phận sự hay một vai trò, rồi giảng viên đứng dẫn giải cách thức thi hành. Có thể biểu diễn cách làm thế nào là sai cho cả

lớp thấy rồi lại biểu diễn ngược lại cách làm thế nào là đúng cho học viên nhìn và nhận xét so sánh.

Muốn làm một cuộc biểu diễn.— Phải có chương trình, kế hoạch :

1-) Sắp đặt các đồ dùng, dụng cụ cho đầy đủ để khỏi mất thì giờ. Nếu phải di chuyển chúng trong khi biểu diễn, thì phải sắp đặt để sự di chuyển được dễ dàng mau chóng.

2-) Các học viên phải được nhìn thật rõ và nghe thật rõ. Phải liệu số đông học trò, số dụng cụ cần dùng và thời gian cần cho sự biểu diễn. Điều nên chú ý là nếu dụng cụ hay máy móc đem biểu diễn mà gây tiếng động nhiều, thì giảng viên không nên giải thích, nói vào lúc có tiếng động, vì tiếng động sẽ làm át tiếng nói của mình đi, học viên không nghe thấy.

3-) Phải biết chắc là học viên đã hiểu thấu trước khi chấm dứt cuộc biểu diễn hoặc sang phần biểu diễn khác

4-) Phải hoạt động. Giảng viên cần tìm chỗ đứng sao cho khỏi che lấp dụng cụ làm cho học viên không nhìn thấy được. Trong trường hợp bất đắc dĩ vì thế đứng bất buộc của mình che lấp phần nào dụng cụ thì giảng viên phải nói thật to cho cả lớp nghe thấy và biết là mình đang làm gì.

5-) Phải hỏi luôn luôn xem học viên có theo dõi và có hiểu ý nghĩa cuộc biểu diễn không. Có những giảng viên mãi mê làm cuộc biểu diễn cho được thành công thành ra quên mất cả việc hỏi xem học viên có hiểu không và có theo kịp mình không. Đến khi làm xong thì có một số đông học viên chẳng được nhìn thấy gì, và cũng chẳng hiểu gì cả.

6-) Khuyến khích cho học viên đặt câu hỏi trong khi mình tiến hành cuộc biểu diễn. Những câu hỏi và trả lời như thế rất có lợi để học viên hiểu kỹ bài học và cuộc biểu diễn. Họ sẽ ghi nhớ mãi.

7-) Phải vừa làm biểu diễn, vừa giải thích cho học viên. Trước khi làm biểu diễn, trong khi và sau khi biểu diễn xong, phải luôn luôn giải thích cho học viên. Nếu có thể, nên có một hay hai người phụ giúp mình để giải thích cho các học viên đứng xa không nhìn thấy cuộc biểu diễn hoặc không được nghe rõ lời mình giảng.

8-) Trong khi làm biểu diễn, phải lưu ý đến vấn đề an toàn, đừng để xảy ra những tai nạn hay điều gì đáng tiếc về phía học viên cũng như về phía các dụng cụ: học viên bị thương, dụng cụ hư hỏng v.v...

Giảng viên làm thế nào để cải tiến mãi các cuộc biểu diễn chứng minh của mình. Phải luôn luôn tìm cách thay đổi các cuộc biểu diễn. Không nên cứ một cách biểu diễn mà tiếp diễn mãi hết lớp này đến lớp kia, năm này đến năm khác. Luôn luôn tự đánh giá việc làm của mình tham khảo nghị luận với các bạn đồng nghiệp và trau dồi kiến thức để tìm ra những cái mới lạ; mình tự cải tiến mình mà cũng tự cải tiến luôn cả cách thức, kỹ thuật huấn luyện của mình cùng là cải tiến luôn cả học viên nữa.

Phải có thái độ phục thiện, biết nghe lời phê bình của các đồng nghiệp.

GIẢI ĐOẠN THỰC HÀNH

Giải thích.— Thực hành là học bằng việc làm. Sau khi đã học về lý thuyết, đã được bảo cho biết cách làm, các học viên phải tập thực hành những điều ấy, cho đến khi làm được thành thạo. Các giảng viên nên nhớ rằng ngoài việc *dạy cách làm* cho học viên, chỉ dẫn biểu diễn cho họ thấy làm cách nào, lại còn phải bắt các học viên tự tay làm lấy tức là *tập thực hành* cho quen và chóng nhớ hơn nữa.

Tập thực hành hay là áp dụng những điều đã học được có thể được tiến hành ở bất cứ giai đoạn nào trong khi đang giảng dạy, nhưng thường là sau phần giảng và biểu diễn chứng minh. Tuy nhiên tốt hơn là nên tập thực hành vào sau giờ học, để học viên có dịp được ôn lại đề tài, nhớ lại đặc điểm và hiểu rõ việc phải làm.

NHỮNG ĐIỀU LỢI TRONG KHI TẬP THỰC HÀNH

Học viên phải phát triển sự khéo léo chân tay cũng như óc hiểu biết về kỹ thuật. Đồng thời, họ còn được dịp biết tự tìm cách giải quyết vấn đề một cách thực tế và mau lẹ, phát triển óc quan sát.

a-) *Phát triển khả năng.*— Các học viên có khả năng hấp thụ lãnh hội bài học dễ dàng nhờ:

- Phần biểu diễn chứng minh.
 - Phần giải thích của giảng viên
 - Sự nghiên cứu tìm tòi thêm của riêng họ.
- Khả năng của họ sau đó được phát triển hơn lên nhờ:
- Bất chú ý cách làm theo sự biểu diễn của giảng viên
 - Công việc làm của họ được chỉ dẫn và giám sát
 - Phần phê bình, tự đánh giá công việc của mình làm hay bài mình học.

Giải quyết vấn đề: Điều quan trọng ở đây là giảng viên dạy cách cho họ biết phát triển các phương pháp để giải quyết các vấn đề hơn là sự đi đến được một giải pháp đúng của vấn đề.

Các học viên phải biết cách:

- Nhận xét vấn đề
- Thu thập các dữ kiện, tài liệu liên hệ đến vấn đề
- Tìm các giải pháp
- Đánh giá các giải pháp có thể được
- Chọn lựa lấy giải pháp hay nhất để thi hành

CÁC PHƯƠNG PHÁP THỰC HÀNH

— *Phương pháp làm từng nhóm có kiểm soát:* Các học viên trong lớp cũng làm một việc, cũng trong một thời gian, dưới sự kiểm soát của giảng viên

a-) Trước hết, giảng viên cắt nghĩa và chỉ bảo cách làm từ đầu đến cuối (tháo súng chẳng hạn). Học viên quan sát.

b-) Sau đó, học viên bắt đầu làm, dưới sự chỉ bảo của giảng viên.

— *Phương pháp độc lập:* Học viên được tùy tiện làm, nhanh chậm không cần, miễn sao đi đến đích thì thôi. Giảng viên đứng giám sát xem họ làm, nhưng không kiểm soát.

— *Phương pháp chia học viên, một người làm một người đứng coi và ngược lại.*— Phương pháp này dùng đến khi các học viên đã có một trình độ hiểu biết khá, có thể tự bảo nhau hay tự giám sát lấy nhau.

Dù áp dụng phương pháp nào đi nữa, thì nói chung, cách để cho các học viên có dịp được tập thực hành những điều họ được nghe giảng vẫn là có lợi. Giảng viên tùy phương tiện, tùy hoàn cảnh lớp học mà áp dụng các phương pháp thực hành để cho tất cả mọi người có dịp được thực hành và được mình chỉ bảo cho họ mỗi khi họ mắc phải lỗi lầm.

Càng thực hành nhiều bao nhiêu thì đến khi thực sự bắt tay vào việc học viên sẽ không bị lúng túng và họ càng rút được nhiều kinh nghiệm bấy nhiêu.

Đ. K.

VỤ ÁN TRÊ, CỐC

(Tiếp theo Bạn Dân 28)

★ NGUYỄN-VĂN-ÍCH

NÓI tiếp về việc Trần-văn-Cốc đệ đơn khởi tố tên Nguyễn-văn-Trê tại văn-phòng Quan Tri-Phủ Hải-Giang, được Phủ đường chấp đơn, truyền cho Nha lại thảo trát đòi thủ phạm là tên Trê và nội bọn phải đích thân lên hầu xét về vụ tên Trê can tội « đoạt nhân nhự tử », chiếm đoạt đàn con của tên Cốc là đàn nòng nọc :

Sau khi bắt tên Cốc nạp tiền « thông lệ », mấy thầy Nha lại đã thảo xong Trát, đệ lên Quan phủ xin chữ ký và giao « Trát dẫn giải » này cho một chú lính Lệ để thi hành.

Chú lính Lệ nắm được Trát, lòng mừng vô hạn vì đây là một dịp cho chú tha hồ ăn nhậu, hạch sách ; phen này thì từ hương lý cho đến tên Trê và nội bọn đều phải cung phụng, lạy van « bằng thích ».

Một buổi sáng đẹp trời nọ, chú lính Lệ vận bộ quần áo dấu biểu hiệu của lính Lệ thuộc dinh quan Tri-phủ, đầu đội nón chóp đồng, cỡi con ngựa ô đen bóng. Thằng yên cương mới và bộ nhạc thật kêu, chú phóng ngựa chạy nước đại, nhạc kêu nhoong nhoong, bụi tung mù mịt, lướt trên mặt đường đê.

Khi đến đầu xã Bích Khê thì chú

Lệ ngừng lại, cho ngựa đi thong thả rẽ vào điểm canh đầu làng ; già, trẻ, lớn, nhỏ trong dân xã đều xông xao, ngấp ngó, coi như một tai vạ tầy đình đã xảy đến, nguy quá ! Bọn tuần phu trông thấy, cuống cuống khấp vĩa, dứa thì đánh trống đánh mõ báo hiệu, dứa đi báo thầy Lý, dứa thì ra giắt ngựa hầu chú lính Lệ - Chú Lệ lúc đó tự thấy mình quan trọng quá, uỡn ngực bệ vệ đi vào làng, mặt đặng đặng sát khí, ngọn roi ngựa vất vèo cầm tay như chỉ định quất vào đầu tên nào hỗn xược.

Do trương-tuần hướng dẫn, chú Lệ đi thẳng đến thôn Thanh-Tri, cho đòi tất cả hương lý chức dịch trong làng lại, cho biết trát lệnh của Quan Tri-phủ ra sao, triệu dụng các lý dịch phải tuân hành, lập tức cho gọi thủ phạm là tên Trê và đồng bọn cùng chứng tá đến hầu để nghe trát quan. Bọn Trê nghe tin, hồn xiêu phách tán ! Thôi chết rồi ! Lính quan Phủ về bắt rồi ! Tính sao đây ?

Chưa biết phải đối phó ra sao, song công việc thứ nhất là phải cùng nhau sửa soạn một mâm rượu cho tươm tất để các cụ lý dịch cùng chè chén hầu tiếp thầy Lệ bình hộ cái đã

« Nghe tin chứng tá đầu đầu,
Sửa sang chè rượu cùng nhau khuyển
mời

Lệ rằng : quan pháp như lời,
Chỉ đâu đánh đó mặc tôi thi hành !
Trê kia rõ mặt gian manh,
Chúng bay hợp đảng đồng tình nhất
môn

Trước khi đưa chén rượu lên môi, thầy Lệ tạm ra oai, nói sơ sơ mấy câu để kể tội tầy đình của bọn Trê, Giếc, Rô, và tên Chép tên Mè đang co ro ngồi xó nhà, ngược mắt nhìn thầy Lệ và các thầy Hương, Lý đang nhai thịt gà điểm lá chanh.

Muốn cho nó « ngấm đòn », thầy Lệ bồi thêm một « cú » nữa :

— Ta mà cứ phép việc quan,
Chúng bay thật nát xương tan chẳng
lành !

Song bên lý, có bên tình,
Xử sao cho phải, rồi mình sẽ ra,
Kéo khi quan lại còn xa,
Đấy mà nổi giận, hóa ra nhiều điều !

Đúng là giọng lưỡi lính Lệ, đủ kiểu mềm rắn, nhân nghĩa ; bọn Trê nghe mà điên cả người, vội gãi tai ngồng cổ lên mà kêu nài rằng : « — Trăm sự nhờ thầy soi xét chúng con là dân đen lương thiện, chúng con có gian manh bao giờ đâu, con mà nói sai thì « chết một đời cha, ba đời con », việc này là người ta bày đặt, « gắp lửa bỏ bàn tay » chúng con, oan ức quá !

« Chử rằng nhất nhật tại tù,
Hết bao nhiêu cũng xin lo dám nể.
Còn như tên Chép tên Mè,
Người cùng lân lý một bè với tôi »

Thôi thì nhờ thầy ra tay cứu giúp, con xin đứng lên chịu đựng hết cả mọi sự tổn phí.

Lệ nghe lời nói êm lòng,
Hôm sau dẫn đến cửa công diện trình.

Sau khi nhậu no say, lại cầm tạm « tí tiền » chè nước, thầy Lệ tỏ ra rất bằng lòng, hôm sau vui vẻ dẫn bọn bị cáo : Trê, Mè, Chép, Giếc, Rô lên Phủ để hầu kiện.

CUỘC THĂM VẤN SƠ KHỞI

Lên đến cửa Phủ đường, để bọn bị cáo ngồi chờ ở cổng, thầy Lê vào bẩm trình quan Phủ trước.

Quan đăng đường và cho dẫn bọn Trê vào hầu.

Vừa thấy Trê, Quan đã đập án ra oai hét lên rằng :

— « Trê kia ! sao dám gian manh làm vậy ?

Cứ đơn tên Cóc quỳ đây,
Đoạt nhân nhự từ, tội này có không ? »

Trê nghe giật bắn cả người lên, mặt tái xanh, run run như thằn lằn đứt đuôi, quỳ xuống mà kêu rằng :

« Sự này tại chú Cóc tôi,
Đang đêm vô có xuống ngồi bờ ao !
Bây giờ tôi có rêu rao
Hòa quang kiến diện, nhậy rào
chạy ra,

Sợ rằng ngộ tiếng tăm ra,
Vây nên thưa kiện cho qua đờ đờ,
Vi dù Cóc lại có con,
Lẽ nào để cách nước non cho đành !
Đen đầu con giống phù sinh
Đền trời soi xét kéo tình con oan ».

Chú cá Trê này khá thật, đã gian lại ngoan, lý sự ra phết, khai tình hợp lý lắm đấy chứ ! Ừ mà nếu quả Cóc ta có con thực thì sao lại để con ở dưới ao trong khi hai vợ chồng du dương ở lâu đài « góc đình » kia ? Như thế là Cóc muốn che lấp cái tội « đột nhập tư gia, phi dâm tặc đạo » kia nên mới man cáo để gỡ tội trước đó thôi.

Quan Phủ nghe chú cá Trê cung khai một cách cứng cáp như vậy nên cũng khó nghĩ, phân vân, liền hỏi mấy nhân chứng.

— « Mè, Nheo, Chấm Chép bò ra,
Khâu đầu lạy trước quan Nha diện
trình :

— Chúng tôi thật là kẻ vô tình,
Xưa nay ngay thực, hiền lành
biết chi.

Mặc ai vùng vẫy giang Khê,
Biết thân tránh khỏi lưới nghê
chừa xong,

Ngờ đâu Trê, Cóc sự lòng,
Buộc cho cái tội phù đồng khổ thay.

Đền trời soi xét gian ngay
Lẽ đâu ao cá vạ lây chày thành ?

Nghe Trê và bọn Mè, Nheo khai như vậy, Cóc ức quá, đang quỳ gối, chầu mồm ở góc cổng đường vội nhẩy ra, nghiêng rặng ken kết mà cãi rằng :

«— Chẳng qua chúng nó đồng tình
muru gian

Người thân thích, kẻ lân bang,
Cùng trong vây cánh một đoàn
nó thôi,

Vả chẳng dặt nước khác nơi,
Cóc khô ở chôn què người biết sao.
Ngừa trông lạy đức quan cao,
Cứ đàn con nhỏ phiêu lưu kéo mà !

Thế là Cóc phản công lại, buộc cho bọn cá Trê và Mè, Chép cùng họ cùng làng nên đã bênh nhau khai láo.

Quan Phủ cũng bí quá, chưa định xử ra sao, hãy tạm giam chú Trê vào xà lim, hậu hồi phân giải :

— Quan truyền cho Cóc lui ra,
Đem Trê giam lại hậu tra tội gì !

Trê ta cay quá, thế là bị nằm « bốp » để cho rệp, muỗi liên hoan.

Cổ nhân nói, « nhất nhật tại tù thiên thu tại ngoại » là đúng lắm, Trê từ thuở lọt trứng mẹ đến giờ đã nếm qua cái mùi lao tù đâu, quen nghênh ngang riêng một biên thù, vẫy vùng ở ao sen, có tiếng là ngang bướng, vênh râu Trê lên mặt với bà con. Nay, bị Cóc chơi cái đòn nặng quá, không kịp đề phòng nên bị câu lưu ! Chính lính Lê hôm qua tử tế thế, mà nay lại trở mặt rồi, nghe quan truyền lệnh là « gạt la vạ » chào cái « cốp » rồi quay lại nắm cổ Trê kéo xuống trại giam, cùm lim đóng vào chân, gông đeo cổ, đồng thời chú

Lê lại bắt đầu làm cái việc « cổ truyền » của sai nha là : giã cho Trê một chầu đến nổi bệt cả cái đầu, rụng cả đôi râu, mẻ cả 2 cái gai ngành sắc bén. Trê đau quá, uất ức quá nhưng chả làm gì được, quan thì xa, nha thì gần, chống cự hay kêu thì chỉ thêm ốm đòn mà thôi !

THẦY CÒ XUẤT HIỆN

— Vợ Trê ở trên phủ đường ngó xuống nhà giam, thấy mấy chú Lê đang thực hành cái lối « đòn khảo của » rất ư là « độc » kia, nghĩ mà rơi nước mắt, thương xót cho bố Trê nó quá, xụt xùi nói với bọn Mè, Chép rằng :

... Ra vào phí tổn biết bao cũng đành.
Cò công lợi xuôi trèo ghềnh,
Tìm thấy lý sự hồi tình sâu nông.
Nghe đồn Triều đầu anh hùng,
Nhờ người đưa đến, tỏ lòng phải
chăng,

Thực là chông nào vợ ấy, Trê gian manh lại thêm chị vợ cũng thủ đoạn đáo để. Thấy chồng bị đòn đau quá, chị đâm ra xót ruột và cay cú về sự thua trí vợ chồng anh Cóc nên chị đã xi ra mấy quan dứt lốt cho bọn lính Lê để đỡ đòn cho chồng. sau đó, chị ra về, kiếm một ông thầy cò lý sự nhất để lập mưu chơi nhau với vợ chồng anh Cóc, kiện nhau thì kiện, lành làm gáo, vỡ làm môi, sợ gì. cái tài đăm đàng của một bà vợ lúc này sẽ được tận dụng.

Được người ta mách bảo, vợ Trê biết rằng : Vùng Bích Khê này có ông Cá Triều Đầu (cá lóc) là một tay sừng sỏ, anh hùng nên chị không quản công lao, trèo non lội suối, cố tìm đến để nhờ Cá Triều Đầu làm quân sư chỉ bảo mưu cao kế độc cho chị theo kiện và phản công lại chú Cóc cho hả dạ.

Đến nơi, gặp mặt Triều Đầu là chị Trê bù lu bù loa khóc, kể lẽ sự oan ức rằng chồng bị Cóc kiện gian

nên bị giam cầm và tra tấn, vậy nhờ quân sư chỉ giáo.

« Thực tôi là phận tảo tần chàng Trê.

Vì đơn tên Cóc kiện kia,
Nên Trê mới phải bắt đi vào tù,

Đàn bà em vốn vụng lo,
Mong ơn quan bác liệu cho phận nhờ.

Triều Đầu nghe xong, tỏ ra con người kẻ cả, đường bệ, mưu lược vào hạng sư tử, đầu có thềm đầu trí với cái tên Cóc khờ kia làm gì, hẳn chỉ cho vợ Trê đến nói với tên đàn em của hắn là Lý Ngạnh :

Triều rằng chẳng ngại việc chi,
Ta đây nào phải lụy gì đến ai,

Có tên Lý Ngạnh thôn ngoài,
Cũng trong thủ hạ tôi đòi ta đây.

Vốn người thủ đoạn xưa nay,
Cho đi phù giúp việc này ắt xong..

Vợ Trê vâng lời cả Triều Đầu tìm đến nhà Lý Ngạnh, với lễ vật chu đáo. Sau khi nghe vợ Trê kể lễ gót đầu và thỉnh cầu, quân sư Lý Ngạnh ra tay phù tá. Lý Ngạnh cười « ẹc ẹc » một hồi, dáng điệu tỏ ra một tay sừng sỏ, mưu mô hiểm độc có thừa.

Thoạt trông Lý Ngạnh, thấy giống Trê như đúc ai cũng biết ngay là chúng cùng họ, đầu hắn cũng đẹp, có hai cái râu vểnh lên, hai bên mang có hai cái ngạnh sắc như hai cái kim, thân hình nhỏ thó mà nhanh nhẹn vô cùng, mỗi khi đụng độ với các loài thủy tộc khác hẳn chỉ khê lác cái đầu là địch thủ đã bị trọng thương bởi hai cái gai nhọn của hắn, nhức buốt không sao chịu nổi. Ngoài bản năng « du côn » và mưu mô, Lý Ngạnh còn có tật tham ăn tục uống, thấy vợ Trê đưa đến một mâm lễ vật đủ các món ăn ngon lành hẳn liền ưng thuận, nhận chức quân sư « quạt mo » chỉ đường lối cho vợ chồng anh Trê theo kiện với vợ chồng chú Cóc, hẳn nói:

... Quan sự đã am,
Những phường cáo mượn oai hùm
ghê thay !

Việc này muốn xử xong ngay,
Thời trong Tào lại có thấy thông
Chiên.

Muôn cho trong âm ngoài êm,
Phải đưa lễ tốt các phiên mới đành...

Lý Ngạnh vốn là Lý Trường cự, thâm niên trong làng xôi thịt, có kinh nghiệm về môn kiện cáo và rất quen thuộc với các nha lại ở phủ đường. Với óc thực tế, Lý Ngạnh đưa ra kế hoạch là phải « xuống bò » cầu cứu với thầy thông Chiên thì mới xong.

Thông Chiên (cá Chiên) là một thầy đê lại già đời thuộc nhóm Tào-lại ở dinh quan phủ Hà Giang chuyên việc ghi khẩu cung, lập biên bản các vụ kiện cáo, có biệt tài biến đen ra trắng, trắng thành đen, xoay như con thò lò sáu mặt.



Nói đến bọn đê Lại ở các phủ huyện thời xưa, Cụ Nguyễn-Du đã phê bình :

Một ngày lạ thói sai, nha,
Làm cho khóc hại chẳng qua vì tiền !

Hiểu được cái triết lý « quan thì xa Nha thì gần » và « Nén bạc đâm toạc tờ giấy » rất màu nhiệm này, nên Lý Ngạnh áp dụng triệt để, bắt vợ Trê kiếm cái lễ cho tốt để hắn dẫn vào cầu cứu với thông Chiên.

CUỘC ĐỐI CHẤT

Sau khi nhận lễ của vợ Trê rồi, chả rõ thông Chiên « nhỏ to » với quan phủ Đầm thế nào mà ngay sáng hôm sau ngài cho đăng đường, đem vợ Trê Cóc ra xét xử và cho đối chất

Trước khi vào hầu kiện, Lý Ngạnh đã lên vào tư thất Quan phủ. Khi ra công đường, vợ Trê đầu đội mâm lễ vật dâng lên quan Phủ, Lý Ngạnh đứng bên đỡ lời cho vợ Trê và trình bày :

Gọi là lễ mọn kính dâng,
Dám xin soi xét phận dân ngu hèn,
Chàng Trê giam cầm mấy phen,
Cũng vì điên đảo làm thiên án tìn,
Lòng ngay chẳng dám mưu mìn,
Lưới Hình rộng mở, ơn nhờ xiết
bao !

Tốt lẽ dễ van, lại thêm miệng lưỡi
Tô-Tàn của Lý Ngạnh, quan Phủ nghe có phần hợp lý, bốt cơn thịnh nộ và truyền rằng :

...Kêu vậy biết sao ?
Đây ta cũng chẳng « sự mao cầu tỳ ».
Cứ trong tình lý mà suy,
Thời như đơn Cóc có khi cũng huyền!
Cho cùng đôi tụng đôi bên,
Cố bên bị, cố bên nguyên mới tường.

Thật là « miệng quan có gang có thép » ! Hôm trước thì vỗ án quát nạt tên Trê là gian manh, cùng với lũ tên Mè tên Chép hợp đảng cam tời « đoạt nhân nhự tử » đáng bỏ tù cả lũ ! Nay chỉ nghe Lý Ngạnh thối nhẹ mấy câu và ngó thấy mâm lễ đầy ắp các món trân cam của vợ Trê mà quan Phủ lại thay đổi « lập trường » nhanh như chớp ! Ngài nghi rằng tên Cóc này có lẽ cáo gian, cho hai bên ra đối chất ! (công-phông ta-xi-ông).

Cóc ngồi chực sẵn bên tường,
Nghe lời Quan phán vội vàng
nhảy ra :

— Trê kia chớ có ba hoa,
Hùm dẫu mọc cánh ta đà chẳng ghê!!
Quả tình nào có hổ nghi,
Ra điều « bán dạ lâm trì » khó coi !
Phù sinh mây kiếp ở đời
Làm cho rắn cắn được voi còn chầy.
Chỉ nghề dạy khi leo cây
Xui nguyên giục bị rồ hay bày trò...

(Xem tiếp trang 45)

F. B. I.

II. — VIỆC C.A.L.B.

(Tiếp theo)

ĐỘT - KÍCH ĐỔ

12 giờ 01 ngày 16 tháng 9 năm 1920 tại thành phố Nữu-Uớc. Một chiếc xe ngựa dừng lại gần phố Broad, trước Sở Chứng Khoán quốc gia, đối diện tòa lầu J. P. Morgan. Đến giờ ăn bữa sáng, nên hè phố đông người, thơ ký, thợ thuyền, thương gia ở các ngân hàng lũ lượt kéo nhau ra. Chẳng một ai để ý tới người ngồi gục mặt trên ghế sà ích cứ thông thả chằm chằm buộc lại giây cương, rồi từ từ bước xuống, rồi lại từ từ... đi mất, chẳng ai để ý.

Thế rồi nổ ! Chiếc xe ngựa có mang một trái bom, làm bằng cốt mình và gang. Những mảnh gang vung ra tứ phía, tiếng rít sét lở tai, khiến đàn ông đàn bà ngã lạng đùng đầy đường. 30 người chết, 300 người bị trọng thương. Tòa lầu Morgan bị hư hại, một công nhân bị tử thương ở bên trong. Rất nhiều ngân hàng khác nữa bị hư hỏng nặng nề.

Khủng bố... lại xuất hiện trên đất Mỹ.

Cuộc mưu sát tại Wall Street, mà chẳng bao giờ tìm ra được thủ phạm, khiến cho thiên hạ tỉnh ngộ, mở mắt ra, hết chối cãi là chẳng còn có bạo động. Tiếng bom mới rồi là tiếng vọng của những trái bom năm trước.

Sau những vụ mưu sát năm 1919, Thượng nghị viện bắt buộc ông chủ ngân hàng Palmer phải hành động, và hành động ngay. Đúng là một tội hậu thơ !

Ông Palmer đã thử quyết định, trong những trường hợp mà sự giải quyết đã thành ra án lệ, xem luật pháp đối với tội gián điệp thời chiến có thể đem áp dụng lúc thời bình cho những hoạt động của tội vô chánh phủ mà người ta đã gán cho tội khủng bố bằng bom.

Chẳng hạn như trường hợp của hội El Ariete, ở Buffalo, Nữu-Uớc. Đó là một hội của người Ý-Pha-Nho vô chánh phủ, đã đưa ra một bản tuyên ngôn gây loạn.

Quan tòa liên bang John Ramond Hazel chủ trương rằng, theo ông, những nhà chức trách đã không thể chứng thực được là những lời lẽ trong bản tuyên ngôn đủ tự là một cuộc âm mưu lật đổ chánh phủ. Ông nói : « Quả vậy, Bản Tuyên ngôn quả có vài câu đáng trách, bất trung, gây loạn... nhưng những câu đó không có phạm vào một luật nào như người ta đã bảo tôi chú ý đặc biệt tới ».

Khi ông đã biết chắc chắn rằng không thể nào lấy luật xử gián điệp để xét xử những hoạt động của cánh tả, ông Palmer bèn nhất quyết lấy một điều luật khác ra xử :

« Ngoại kiều nào, mặc dầu đã ở Hoa-Kỳ ít hay nhiều năm, nếu bị chứng xác rằng trước khi nhập nội hay từ lúc nhập nội là một đoàn viên của một đảng ngoại quốc cổ vũ lật đổ chánh phủ bằng bạo động thì ngoại kiều đó sẽ bị... giam cứu hay trục xuất ».

Liên đoàn Thống nhất Lao động Nga Sô là cái bia chịu bắn trước tiên. Liên đoàn này gồm toàn ngoại kiều sau 5 năm ở Hoa Kỳ rồi mà vẫn chẳng chịu lập các thể thức để nhập tịch Hoa Kỳ. Ông Thứ Trưởng Bộ Lao Động quyết định trục xuất những ngoại kiều này vì đã vi phạm điều luật của ông Palmer nêu ra. Bộ Lao Động không thể làm gì được trên địa hạt đó, vì Quốc hội chối từ không chịu biểu quyết những ngân khoản để thi hành những luật về sự phóng trục. Dù vậy, Bộ Lao Động vẫn cứ cho trát bắt, do đó nhân viên Sở Công An và Sở Ngoại Kiều đã bắt được, trong 12 thành phố, hơn 250 đảng viên và cán bộ Liên đoàn T.N.L.Đ. Nga Sô. Cuộc ráp này là cuộc ráp đầu tiên, một loại ráp mà dân chúng thường kêu là « Những vụ đột kích đồ của Palmer ». Lần đột kích sau cùng, bắt được Emma Goldman và Alexandre Berkman, hai tay vô chánh phủ hiển nhiên, rành rành, trong thời chiến đã bị kết tội đồng mưu xúi giục binh sĩ đào ngũ.

CÔNG-AN

LIÊN-BANG

H

O

A

K

Y

Cả hai đều cãi rằng những bài diễn văn và những bài viết của họ đều là những hành động cá nhân, phát biểu ý tưởng của họ đối với chiến tranh ra sao : họ không có thành lập đồng mưu hội đảng gì cả. Nhưng Tối Cao Pháp Viện tuyên án có tội, và cả hai đều bị phạt vạ mỗi người 10 ngàn đô la và giam 2 năm tù.

Goldman và Berkman là người vô chánh phủ đã từ lâu lắm. Chánh phủ viện chứng rằng những bài diễn văn và những bài viết nẩy lửa của Emma Goldman đã thúc đẩy Léon Czolgosz ám sát Tổng Thống Mc, Kinley. Còn Berkman, trong vụ đình công ngành thép năm 1892 tại Homestead ở Pittsburg, đã vào phòng giấy ông Vua thép là Henry C. Frick và giết Frick đúng ngay tầm súng.

Goldman và Berkman bị truy tố trước tòa án xử lưu đày, ở Ellis Island. Ông Hoover trình bày những tố cáo yếu kiện của Chánh phủ. Hai can phạm bị phát vãng. Tối cao Pháp Viện phê chuẩn bản án.

Vấn đề chuyên chở những tay gây loạn bị án lưu đày đó sang Nga Sô giải quyết được nhờ ở quân đội cho mượn một chiếc tàu, tên là Buford. 249 ngoại kiều xuống tàu, báo chí gọi tàu đó là « con tàu Sô Việt ».

Rất nhiều nghị sĩ Quốc hội từ Hoa Thịnh Đốn đến Nữ-Uớc để dự cuộc khởi hành của con tàu Sô Việt. Khi Emma Goldman, được đưa bằng sà lúp từ bờ đến chỗ tàu đậu, từ sà lúp bước lên tàu thì có một nghị sĩ gọi to « chúc tết Giáng sinh, Emma ! » Nhưng cô Emma lấy tay bịt mũi để trả lời bằng điệu bộ.

Berkman, đi giầy ống cao cổ kiểu Nga; quần áo màu vàng ca ky, nón vành rộng. Y vẫn còn thao thao ra lệnh cho một bọn, giọng rất có uy lực. Khi y trông thấy Ô. Flynn Giám đốc Sở Công an đứng ở trên bờ cùng với mấy nhân viên, y nắm tay chìa về phía đó :

« Chúng tôi sẽ trở lại, — y la to vậy, — và lúc đó anh không chượt khỏi tay chúng tôi đâu ».

Thêm đây vài chi tiết về hai nhân vật và vụ án trên. Tòa đã dùng những lời khai của Léon Czolgosz

★ Nguyễn-văn-Hội dịch DON WHITEHEAD

sau khi bị bắt vì hạ sát Tổng Thống Mc. Kinley. Crolgosz khai rằng mình bị thúc đẩy giết người vì những bài diễn văn và những bài viết của Emma. Lúc bị bắt, y có mang trong túi một bài diễn văn của cô này.

Còn Emma Goldman và Berkman về sau mất hết cả tin tưởng mộng ảo vào Nga Sô. Emma viết : « Tôi đã lầm lẫn nặng nề khi ủng hộ Lénine và đảng như những tay thực sự vô địch cách mạng ». Cả đôi rời bỏ nước Nga năm 1921, và cùng lang thang hết nước này đến nước khác. Emma Goldman đã sống ở Đức, Anh và sau cùng ở Canada. Năm 1934, cô được phép cư trú 3 tháng tại Hoa Kỳ và đi diễn thuyết một vòng khắp mọi nơi. Tại Nữu-Uớc, cô gặp George Sokolsky đương diễn thuyết ở phòng hội bên cạnh. Cô nói cho George rõ là cô muốn được chết ở đất Hoa Kỳ. Cô trở lại Canada và chết năm 1940. Còn Berkman thì tự vẫn ở Nice năm 1936.

Nói trở lại « Con tàu Sô Việt » đoạn trên.

Tờ « New York Herald » có đoạn rằng : « Ông Giám đốc Flynn đành chịu nín thinh và mời Berkman một điều xí gà. Từ trước đến nay, Berkman cứ bị người ta dọa giết mãi, vậy thì cơn giận dữ lúc này của y là điều rất thường tình của thể nhân. Y hình như đương ở nhà y vậy ».

Tất cả những người ra đi ai cũng giàu tiền bạc cả. Có một người nhờ ông Hoover đi lãnh giùm cho một ngân phiếu 3000 đô la. Ông Hoover khuyên người này nên nhờ bạn bè lãnh giùm cho thì hơn.

— Nhờ tay ông giao tám ngân phiếu cho bạn hữu của tôi à ! Điều này tôi chẳng dám tin.

— Tùy ý ! Vậy cứ mang luôn sang Nga và tin luôn ở Bon-Xơ-Vích !

Con tàu Sô Việt rời bến đi Nga Sô ngày 21 tháng 9 năm 1919.

Tám ngày sau khi tàu đi, Ông Hoover đệ trình ông Chương lý một văn kiện chánh thức, đầu đề « Luận thuyết về trường hợp Ludwig Christian Alexandre Kaslovitch Martens — Thi hành luật do Quốc hội bầu ngày 16 tháng 10 năm 1918 ».

Đây là một trong những bản luận thuyết chánh thức, lập ra để chống Đảng Cộng-Sản được coi như một đảng thường trực dự vào âm mưu chống lại tất cả những chánh phủ không Cộng sản trên thế giới. Để cho quan điểm này có thể thích dụng vào trường hợp

đặc biệt của Martens, người ta có ý chỉ nói riêng đến âm mưu chống chánh phủ Hoa Kỳ. Là đảng viên một đảng thường tán dương việc lật đổ chánh phủ bằng bạo lực, Martens có thể bị kết tội tù đầy phát vãng.

Trong đại cương, Hoover biện luận như sau : Đứng đầu Chính phủ Sô-Việt và Đảng Cộng-sản Nga, cũng có bọn tương tự như vậy. Đảng này cổ võ lật đổ Chính phủ Hoa Kỳ bằng bạo lực. Những người Cộng-sản Nga, cũng như Cộng-sản Hoa-Kỳ và Cộng-sản khắp thế giới, đều tán đồng những nguyên tắc và chánh sách thừa nhận bởi đệ Tam Quốc tế. Đệ tam Quốc tế, thực sự chỉ là một bộ hạ của những người Cộng-sản Nga-Sô.

« Những điểm này đã đặt xong, người ta phải kết luận ngay rằng nếu Ludwig C. A. K. Martens là đảng viên của Đảng Cộng-sản Nga-Sô, và nếu đảng Cộng-sản Nga Sô cổ võ lật đổ chính phủ Hoa Kỳ bằng bạo lực, Martens phải thuộc vào hạng người bị trục xuất, theo luật Quốc hội bầu ngày 16 tháng 10 năm 1918 ».

Ông Hoover, bằng một luận điệu lý luật, đã cố gắng thu gọn cái âm mưu chánh trị xã hội rất vĩ đại của nền độc tài Cộng-sản vào trong những giới hạn hẹp hòi của một trường hợp duy nhất. Ông cũng viết những bản luận thuyết tương tự về Đảng Cộng-sản Hoa Kỳ và về Đảng Cộng sản thợ thuyền. Ông Chương lý Palmer liền lấy hai đảng này làm bia diệt Cộng.

Ông Frank Burke, phụ tá ông Flynn, thông tri mọi chỉ thị cho nhơn viên Sở Công an : sẵn sàng để đi khám xét những phòng hội Cộng sản, đêm thứ sáu 2 tháng 1 năm 1920. Nhân viên cũng nhận được những bản sao bài luận thuyết của ông Hoover. Họ phải làm báo cáo cho ông Hoover ở Tỉnh báo ục để cơ quan này lập danh phiếu cho từng tên và cho mọi hoạt động của bọn đối lập.

Đoạn dưới đây trích trong những chỉ thị của Burke :

« Tịch thâu truyền đơn, sách vở giấy tờ và tất cả mọi thứ treo trên tường. Dò vách dò trần để xem có những chỗ bí mật không... Triệt để tránh bạo động với ngoại kiều... Nếu bắt họ từng bọn, phải bắt họ đứng xếp hàng quay mặt vào tường, và khám xét từng người... Tùy ý chọn lựa cách đột nhập vô nhà, cốt sao cho kín đáo.

« Nếu... bắt đắc dĩ phải cần đến trát khám nhà, hãy xin tại các vị chức trách địa phương... Lý do trực xuất chỉ được căn cứ vào điều đương sự gia nhập Đảng Cộng sản Hoa Kỳ hay Đảng Cộng sản Thọ thuyền ».

Đúng giờ nhất định, tại 33 đô thị, nhưn viên Công-an, mang theo vào khoảng độ 3000 trát khám nhà do Sở Ngoại kiều cấp, tập trung vào khoảng 2500 ngoại kiều để truy tố trước tòa án. 446 người phải lưu đày, suốt trong thời gian hoạt động, công tác này chấm dứt ngày 30 tháng 6 năm 1921, nghĩa là đúng 18 tháng.

Uất ức ầm vang mấy năm trường nổi lên chống lại những mối bất công đã xảy ra trong những vụ « đột kích đồ » ấy. Đơn kiện từng bó. Không phải chỉ Cộng sản hay đối lập phát đơn, nhưng lại cả Luật sư, chủ tịch nghiệp đoàn, và Báo chí nữa. Người ta buộc tội nhân viên Công an khám xét tư gia và phòng hội không có trát Biện lý, bắt giữ ngoại kiều và công dân Mỹ cũng không có trát nữa. Người bị bắt không có quyền kêu trạng sư. Người ta còn nói là nhưn viên Công an đã đánh đập, đã làm giả cái tài liệu và chứng cứ.

Trước Ủy ban Tổ tụng, ông Thứ Trưởng Bộ Lao Động, Louis F. Post, và ông Chương lý Palmer đấu khẩu mãi không xong. Ông Post phủ nhận cái lý do chắc chắn trực xuất một số người. Ông nói báo chí đã gieo rắc sự kinh khủng khắp trong nước; ông cố vấn luật pháp cho ông Post cả quyết rằng ông Palmer, Chương lý, đã hành động « hoàn toàn quên hẳn những nguyên tắc Hoa Kỳ »; ông buộc tội Bộ Tư Pháp đã tạo ra những phe Cộng, đã lập ra những danh sách đảng viên rồi đưa cho ủy ban khai trừ phát vãng trực xuất.

Ông Chương lý tố cáo rằng những viện chứng, những luận cứ đó sai lầm một cách nhục nhã. Ông bào chữa cho những vụ đột kích và buộc tội Post đã khoan hồng với bọn vô chánh phủ. Ông lại còn bóng gió cho thiên hạ hay rằng, cứ một điều phủ nhận sự trực xuất trong khi chứng cứ tội vạ đã rành rành ra đây, thì ... ông Thứ Trưởng Lao Động quả là một nạn nhân vô ý thức của tuyên truyền Bon-Xơ-Vích

Một ủy ban gồm 12 luật gia, lại đổ dầu thêm vào lửa, bằng cách xuất bản cuốn « Báo cáo về những

thủ tục bất hợp pháp của Bộ Tư-Pháp Hoa Kỳ ». Một ủy ban thẩm cứu của ngành tư pháp được thành lập tại Thượng nghị viện để điều tra.

Ông Chương lý Palmer lại một lần nữa bị mời cắt nghĩa và trình bày về những hành động của nhưn viên Công an thuộc quyền. Thêm một lần, ông bào chữa cho bộ Tư pháp và chịu hết trách nhiệm về chính sách đã theo. Ông nhắc lại rằng chính một quyết định của Thượng nghị viện đã thúc giục ông hành động, sau những vụ mưu sát bằng bom ngày mùng 2 tháng 6 năm 1919. Ông nói :

« Tôi đã bị bêu riếu nhục nhã từ Đại Tây Dương tới Thái Bình Dương. Bị chửi bới la ó tại mỗi phòng hội. Bị mắng nhiếc từ khắp các diễn đàn. Tại tôi còn ầm vang tiếng giục đã hoạt động : phải làm một cái gì chứ ! mà phải làm ngay ! làm nhanh ! Phải làm sao ngăn cản những vụ mưu sát như vậy đừng tái diễn nữa trên đất nước Hoa Kỳ... Tôi chịu trách nhiệm về tất cả công việc làm của nhưn viên tôi. Nếu trong bọn có người vì hăn hái quá, hoặc vì lương tâm lương dân ái quốc bị sỉ nhục, cho nên đã làm quá tay, và tất cả đều bị như vậy, nếu họ đã xử hơi phũ phàng với ngoại kiều, tôi tha thứ cho họ. Tôi không bào chữa cho nhưn viên tôi, nhưng tôi không sẵn sàng để trừng phạt họ. »

Vị niên trưởng Luật khoa tại đại học đường Columbia, ông Harlan Fiske Stone tỏ bày ý kiến :

« Cứ theo như lời công khai tuyên bố của ông thì ông Chương lý đã thi hành luật pháp trên một nguyên tắc theo đó có một số ngoại kiều người ta từ chối không cho hưởng sự bảo đảm của Hiến pháp trong việc áp dụng thông thường luật lệ ».

Ông Stone lại đòi có ngay pháp chế che chở cho ngoại kiều.

Trong trận bút chiến về những vụ « đột kích đồ » của ông Palmer, ông Wilson Bộ Trưởng Lao Động đã nhất quyết rằng những ngoại kiều đảng viên Đảng Cộng sản Hoa Kỳ đúng tội bị trực xuất, vì Đảng có mục đích lật đổ Chánh phủ bằng bạo lực. Nhưng ông bênh vực Đảng Cộng sản thọ thuyền, cho rằng Đảng này chỉ chờ đợi một cuộc thay đổi chánh trị trong vòng kính trọng đường lối của Quốc Hội. Như vậy, nhân viên Đảng này không thể bị liệt vào loại nhân viên Đảng Cộng sản Hoa Kỳ



được. Nhưng ông Hoover thì cho là cá mè một lứa cả vì đều chung nguyên tắc, mục đích và tin tưởng. Nhà lãnh tụ Cộng sản William Z. Foster, sau này, cho ông Hoover là phải vì ông nhận thấy sự khác biệt của hai Đảng chỉ ở trong những điểm liên hệ đến « tinh thần phe nhóm » mà thôi. Nhưng quyết định của ông Bộ Trưởng Lao động đối với Đảng Cộng sản thợ thuyền là quyết định tối hậu rồi.

Trong những vụ khai trừ đem ra trước tòa án liên bang vấn đề tổ tụng chỉ quanh ở hai điểm : một là nhân viên công an không biết Dân luật, hai là quyết định của ông Bộ Trưởng Lao động cho rằng Đảng Cộng sản Hoa Kỳ cổ võ lật đổ chánh phủ Hoa Kỳ bằng võ lực bạo động.

Về hai điểm này, người ta đưa ra bao nhiêu dư luận kinh hoàng do lý luận trái ngược nhau. Người ta đến nỗi nói được rằng các ông tòa không phải là đương xử một vụ, mà là mỗi ông xử một vụ.

Tại tòa án hạt Massachusetts, quan tòa George W. Anderson thì cho rằng :

«... Đó là một hội ái hữu như loại Hội Tam điểm... tất cả phương pháp của hội được xây dựng trên sự tuyên truyền bằng lời nói, chứ không bằng hành động... Trong những vụ bỏ rập vừa rồi, có bao giờ người ta đã tóm thâu được dao găm lựu đạn chưa, những thứ thường dùng để làm cách mạng...? Không có một lý chứng cứ nào tỏ ra rằng người Cộng sản dự vào việc « lật đổ chánh phủ Hoa Kỳ bằng bạo lực cả »... Phải kết luận như sau : lực lượng độc nhất có thể đem ra thảo luận, lực lượng độc nhất mà Đảng ấy tin tưởng lực lượng độc nhất mà Đảng ấy cổ võ, đó là tổng đình công. Và lại những phương pháp Đảng đã dùng là những phương pháp của một phong trào chánh trị xã hội thông thường vẫn dùng. Cũng đúng là ở Bản tuyên ngôn và trong chương trình... người ta thấy... có vài đoạn chép y hệt nói đến « cướp chánh quyền »... Nhưng dĩ nhiên là những chương trình chánh trị đều có giọng khuếch khoác đại ngôn... ở đây, Âu Tây, đất tự do, vốn biết thưởng thức những cái hài hước thanh cao, vốn có sẵn những mực thước cho tất cả mọi sự việc, từ xưa cho tới những khoảng thời gian gần đây, chúng ta nhờ vì thế đã vẫn bình thần như thường trước những sự hùng biện khoa trương của bọn người lai chủng. Những cơ sở của chúng ta, đặt căn bản trên nền

tân tự do và công bình, dựa vào luật pháp đều đã ăn sâu mọc mầm mọc rễ chắc chắn' khiến cho chúng ta chẳng run sợ trước những sự phê bình chỉ trích khiến cho chúng ta chẳng hải hùng khi bọn người duy tâm đem tất cả đặt thành vấn đề thảo luận lại. Đảng Cộng sản, trong toàn bộ, không đáng cho ta chú ý ».

Tại Tòa án liên bang nhóm họp tại hạt Nam Tiểu bang Nữu Uóc, quan tòa John C. Knox lại nói về những người Cộng sản bằng một cách khác :

«... Ý kiến tôi là Bản tuyên ngôn cùng chương trình Đảng Cộng sản cũng như tất cả những vật tang chứng khác dĩ nhiên là khiến ngay cho bất cứ một người nào biết phải trái đều phải kết luận rằng Đảng Cộng sản muốn đi tới mục đích, nghĩa là nắm chính quyền và phá hoại guồng máy hiện thời của chánh phủ bằng võ lực và bạo động... Những bằng chứng của nguyên cáo gọi cho người ta trong vụ án này kết tội một trưu tượng duy tâm, tức là Cộng sản. Tôi xin tuyên bố là tôi không sao hiểu được người ta làm cách nào để mà sung công nổi, nếu không dùng những phương tiện bị cấm... Nếu dân không chịu để cho Đảng Cộng sản sung công, và nếu Đảng Cộng sản tự xét có đủ lực liệu chừng ta có thể nghĩ rằng Đảng Cộng sản sẽ do dự rồi tìm một cách ôn hòa khác để dân nghe theo chăng? Theo tôi thì Cộng sản sẽ dùng lối áp bức, dùng võ lực và bạo động nếu cần để thực hành... ý định... Tôi tự do mà nói rằng.., sự bất ngờ đó không phải dành cho ngày mai ở đây, câu chuyện không phải là để biết xem cái nguy lật đổ chánh phủ bằng võ lực là gần hay là xa. Nhưng chính là để biết xem sự lật đổ chánh phủ có phải thực chính là mục đích của Đảng Cộng sản hay không » ?



Hai ý kiến đó, phát biểu năm 1920. Một bên là những người coi chủ nghĩa Cộng sản là một lực lượng lý tưởng và đảng Cộng sản là một nhóm chánh trị như các nhóm khác. Còn một bên là những người coi chủ nghĩa Cộng sản là một âm mưu chống sự tự do của nhân loại, và Đảng Cộng sản là một dụng cụ của âm mưu đó. Một khi Đảng có quyền lực thì bạo lực nào Đảng cũng dám dùng đến để đạt mục đích.

Trong những tổ chức bí mật của Đảng Cộng sản, số Đảng viên vào khoảng 60 ngàn trước khi có các cuộc bỏ rập sau sụt xuống còn có vốn vẹn 10 ngàn : đó là công trình của ông Palmer.

Đến thời hậu chiến : thời kỳ mà thợ thuyền kích động dữ dội, thời kỳ thích ứng lại kỹ nghệ. Mọi hết chiến tranh thì đã có ngay cuộc đình công lớn của ngành thép, cuộc tổng đình công ở Seattle. Còn nhiều cuộc đình công khác nữa. Phe chủ nhân phải khó khăn chống đối với các nghiệp đoàn đương đòi hỏi quy chế và cải thiện điều kiện lao động. Những người Cộng sản và Đảng thợ thuyền lao động kỹ nghệ thế giới đua nhau đình công. Thiên hạ buộc tội Bộ Tư Pháp và Sở Công an đã đứng về phe chủ nhân và đã đem cái đòn « kinh khủng đở » để phá đình công.

Trong những tháng sôi nổi ấy, ông Hoover vẫn tiếp tục nhận được tin tức mật báo về những hoạt động của Cộng sản. Tháng 8 năm 1922, ông ghi trong ký ức như sau : « Đảng Cộng sản Hoa Kỳ họp hội nghị tại Bridgman, đô thị Berrien vùng Michigan. Có 3 nhân viên thuộc văn phòng Chicago đã bí mật theo dõi hội nghị và năm người thuộc thành phần hội nghị.

Năm người nói đây là 3 đại diện Đệ tam quốc tế đã tới bất liên lạc với những lãnh tụ Cộng sản hiện đang trốn tránh ở trong rừng bên bờ hồ Michigan. Nay là lúc họ quyết định xem nên cứ giữ bí mật cho tổ chức Cộng sản hay là nên giải tán để chung hoạt động trên một mặt trận Cộng đồng. Mạc Tư Khoa thì hạ lệnh rằng theo những nguyên tắc căn bản của chủ nghĩa « Mác Lê » phải cần có một cơ quan nổi và một cơ quan chìm. Suốt trong 3 ngày, những đại diện cãi cọ nhau về những chi tiết các cuộc tranh chấp chính trị. trong khi đó thì nhân viên Công an vẫn theo dõi sát họ. Những lãnh tụ này thực là chưa học thuộc bài : họ vẫn chưa theo đúng đường lối của Đảng. Họ còn đương học.

Hội nghị tán loạn, khi William Z. Foster đang tho thẩn trong rừng thì lại đụng đầu vào 2 nhân viên Công an. Báo động ! Các đại diện chuẩn thật lệ ! Một số bị Cảnh sát Michigan bắt và kết tội xâm phạm luật lệ nghiệp đoàn trong tiểu bang.

Hội nghị này chứng tỏ rằng Cộng sản cương quyết tìm kiếm những phương tiện mới để xâm phạm chính thể Hoa Kỳ. Vài tháng sau, vào tháng 4 năm 1923, Đảng Cộng sản bí mật đã sát nhập với Đảng thợ thuyền chính thức do Cộng sản thành lập vào khoảng cuối năm 1921. Thực sự thì tuy hai nhưng cũng vẫn chỉ là một tức là Đảng Cộng sản.

Từ lúc trốn thoát khỏi ở cuộc hội nghị Bridgman, những đảng viên Cộng sản đã bỏ sót lại một tập lịch sử đảng Cộng sản bí mật có đầy đủ chi tiết, gồm có cả danh sách tất cả những người dự hội nghị Bridgman, tìm được ở đáy hai thùng khoai tây chôn giấu trong rừng. Rõ thật là tổ tông Đảng Cộng sản Hoa Kỳ đã bị lòi đuôi. (còn tiếp)

BACH
62



ANH QUÂN DỊCH

*Anh : người con trai tuổi hai mươi chẵn,
Sức vóc phi thường, chỉ khí hiên ngang.
Trình diện xong, anh hăng hái lên đường,
Đi quân dịch, anh thi hành nhiệm-vụ.*

*

*Non nước Việt thêm người con ưu tú
Khoác binh nhung ra phụng sự quê hương.
Súng nổ rền vang khắp chốn thao trường,
Anh quyết chí đem tài trai giúp nước.*

*

*Nơi biên thùy anh diệt loài xâm lược,
Mong thanh bình nở nhụy đất quê hương
Để mai này trở lại với « người thương »
Anh sung sướng lo tăng gia cấy cấy.*

*

*Tuổi hai mươi, tâm hồn anh bừng dậy
Anh say sưa tung gió đến muôn nơi.
Súng ghim tay và cặp mắt sáng ngời,
Anh tin tưởng một ngày mai xán-lạn.*

*

*Nhờ quân dịch anh nên người bạo dạn,
Nhờ tập tành anh thành thạo giỏi giang.
Mảnh đất quê hương : tác đất tấp vàng,
Anh chiến đấu vì nước nhà, dân tộc.*

Mạc-Y-Sy Tuấn-Dũng
(Tuy Hòa)

Gaszyňa

LÒ ĐÀO TẠO GIÁN

* Nga-sô có 250.000 nam nữ điệp-viên đang hoạt động trên thế giới. Các điệp-viên Sô-viết phải thực-tập trong 12 năm, dài hơn thời gian thực tập của dòng tu khải hạnh Jésuite. Trường đào tạo gián-điệp là những khu vực cấm địa nằm trên lãnh thổ Nga. Trước khi được xác nhận ứng dụng hoạt động công tác, thí sinh điệp-báo bị bắt câu-lưu và bị tẩy não.

L.T.S. Theo những nguồn tin mới nhất qua những tài liệu báo chí quốc tế, cơ cấu kinh tế của Nga sô đang trải qua một giai đoạn khủng hoảng vô cùng nghiêm-trọng. Mức sinh hoạt của dân Nga dù rằng đã bị thua sút rất xa mức sinh hoạt của người dân Tây Phương, nay lại bị hạ xuống thấp hơn nữa vì sự gia tăng kinh khủng giá cả thực phẩm. Tình hình nông nghiệp tại liên bang Sô Viêt cũng rất bi quan. Mức sản xuất quy định cho năm 1961 theo kế hoạch mà chính quyền Sô Viêt dự liệu đã hoàn toàn thất bại. Nông dân Nga thiếu rất nhiều máy móc và dụng cụ cần thiết, đồng thời năng xuất của họ cũng rất kém vì họ bị cưỡng bức phải hoạt động tại các nông trường tập thể mà không được phục vụ cho chính lợi ích của họ

Sở dĩ Nga Sô thất bại trong kế hoạch kinh tế và nông nghiệp vì giai cấp lãnh đạo Nga đã tập trung tất cả tài nguyên, nhân lực vào kỹ nghệ chiến tranh: những nhà máy đúc thép, những hòa tiễn nguyên tử, đó là những nguyên nhân phá sản của nền kinh tế Sô-Viêt để đảng cấp thông trị Cộng sản tại điện Cẩm Linh có thể lên mặt với các chư hầu. Và... còn những trường đào luyện gián điệp với tổ chức đại quy mô, với những kinh phí khổng lồ đã làm nghiêng lệch ngân sách Nga Sô và dồn dân Nga đến đời sống cùng cực hiện nay.

Trên trường tranh đấu, « biết người biết mình » là một nguyên tắc không thể bỏ qua. Thiên tài này được ra mắt bạn đọc cũng với mục đích ấy.

CÁ T cánh từ Mạc Tư-Khoa, phi cơ bay thẳng về hướng đông-nam, trên miền đồng ruộng bao la trồng lúa mạch và lúa mì, phía trái phi cơ là miền Kouibychév, mà các du khách trên phi cơ, những thanh niên Nga trẻ không nhận ra, vì họ cũng không hiểu người ta sẽ đem họ tới đâu.

Bây giờ họ đã cách xa phi trường Mạc-Tư-Khoa 800 cây số. Và trước mắt, một đô thị hiện ra ở chân trời mà lát nữa phi cơ sẽ hạ cánh. Thị trấn huyền bí nào kia lại không có ghi trên bất kỳ một đồ bản nào, và có những thành lũy bao quanh?

Máy bay hạ cánh xuống một phi trường thôn dã. Du khách lần lượt bước xuống và được mời lên một xe « Ca lộng lẫy » của hãng chuyên chở Anh-Quốc « Green Line ».

Tài xế lái xe về phía nửa đường bên trái, qua một thôn xóm với nhà cửa kiến trúc khác kiểu Nga-sô, qua miền ngoại-ô và xe vào thành phố. Kỳ lạ quá, một xe chở hành khách màu đỏ, có 2 tầng vừa chạy ngược chiều, 1 xe buýt nhãn hiệu Anh và người cảnh-sát viên công-lộ đứng chỉ đường ở ngã tư, đội mũ sụp tới mắt và quai da ở cằm, cũng đúng là cảnh sát Luân-Đôn. Các nhãn hiệu toàn bằng tiếng Anh tại các cửa hàng, các xe taxi, những quảng cáo rượu whisky và rượu bia, nhiều người ngoại-quốc xếp hàng dài trước rạp chớp bóng sắp chiếu 1 phim của Arthur Rank.

Các du khách mới đến tưởng chừng mê ngủ. Họ không hiểu được ý nghĩa về khung cảnh Anh-quốc trên lãnh thổ Nga-sô tại một địa điểm cách Mạc-Tư-Khoa 850 cây số. Ít lâu nữa họ mới am tường, đó là một trong những trường đào tạo gián điệp kỹ dị nhất của cơ quan điệp-báo Sô-Viết, nơi đây trong 10 năm, người ta sẽ biến cải con người của họ thành những điệp-viên thực sự và phái họ tới hoạt động tại Anh-Quốc.

LIÊN-ĐIỆP NGA-SÔ

Đó là lò đào tạo Gaszyna sẽ hoá-thân họ thành những phong lưu công tử kinh thành Luân Đôn mà không một người Anh nào có thể hoài nghi về nguồn gốc của họ.

Nhưng trước khi tới điểm đó, họ sẽ bước vào một cuộc phiêu lưu trong 13 năm trường đăng đặng, và trước tiên là cuộc tuyển lựa.

Khi bắt đầu thành hình, cơ quan điệp báo Sô-viết đã ra một qui luật tuyệt đối: không bao giờ tuyển dụng những nhân viên sau này có thể dễ lộ nhược điểm vì những người này không đủ sức khoẻ hoặc trí lực để đối phó với những hoàn cảnh hiểm nghèo bất ngờ mà họ sẽ gặp trên đường công tác.

Như vậy công cuộc chọn lựa các nam nữ cán bộ tương lai ra sao, những phần tử có đủ bảo đảm thiết yếu? Đó là nhiệm vụ của những chuyên viên về tổ chức của Đảng trong mỗi tiểu tổ cộng sản tại Liên-Sô. Những chuyên viên này cung cấp những chi tiết vô cùng hoàn bị về đời tư, gia cảnh, bè bạn, bang giao, thói quen, sở trường của các đồng chí trong tiểu tổ, nhất là những chi tiết soi tỏ cá tính của từng người trong những hành vi ngoài sự sinh hoạt nội bộ đảng.

Những tài liệu này mà các chuyên viên hoàn toàn chịu trách nhiệm sẽ được gửi tới văn phòng chính trị địa phương nơi đây sẽ kiểm soát lại và chuyển đạt lên Ủy-ban cán bộ của ban chấp hành trung ương.

Danh sách tổng kết, do chủ tịch ủy ban trung ương đảm trách sẽ chuyển giao cho ban tuyển mộ Tổng Hành Dinh cơ quan điệp báo Mạc Tư Khoa, nơi đây các điều tra viên sở Công-An Liên-Sô sẽ kiểm soát lại một lần nữa. Và sau một bản phúc trình của Tổng Hành Dinh điệp báo Mạc-Tư-Khoa, tên thí sinh mới được ghi vào danh sách chính thức. Sau đó sinh viên được chọn lựa sẽ được ra mắt cán bộ chuyên viên và được phủ dụ như sau: « Đồng chí, trong sự khôn ngoan và tinh thần sáng láng, Đảng đã chọn lựa đồng chí vào một công cuộc đào luyện đặc biệt. Chắc chắn đồng chí sẽ chấp thuận danh dự vĩ đại đó và đồng chí sẽ nỗ lực trở thành sinh viên gương mẫu, một công chức có giá trị siêu đẳng để khỏi làm tiêu tan niềm hy vọng mà Đảng đã đặt nơi đồng chí. »

Không cần biết danh dự bất ngờ đó có thỏa mãn đương sự hay không, nhưng khi Đảng đã ra lệnh chỉ định ai vào chức vụ nào thì không thể có sự phản đối.

Sinh viên được chỉ-định phải lên đường nhập học ngay tại trường Marx-Engels tại Gorki gần Mạc-Tư-Khoa. Đó là trường sơ đẳng về điệp-báo, nhưng các học viên đâu có hay, họ tưởng là được huấn luyện để bổ nhiệm vào một chức vụ trong nội bộ Đảng.

Trường-sở ở về ngoại ô thành phố, xung quanh có tường gạch vây kín. Tất cả cửa ra vào có cảnh sát vũ trang canh phòng. Không một ai có thể đột nhập nếu không có giấy mời hoặc giấy phép đặc biệt.

Khi nhập trường, sinh viên phải trả lời nhiều câu hỏi. Những câu trả lời này sẽ được so sánh với bản tài liệu của cán bộ chuyên viên đệ trình trước đây. Nếu có sự khiếm khuyết nhỏ trong những câu trả lời của người sinh viên và phúc trình của chuyên viên thì sinh viên sẽ bị xếp vào loại « chưa chắc chắn ». Khởi điểm là những môn học thường thức tổng quát và trắc nghiệm trí óc sau đó mới bắt đầu vào cuộc huấn luyện sơ cấp kéo dài 4 tháng.

Trong thời gian này, các sinh viên sẽ không được phép xuất trại, họ phải cam kết không được tiết lộ về trường sở bất kỳ với ai và dưới bất kỳ hình thức nào.

4 tháng đầu tại trường huấn luyện sơ cấp hoàn toàn giảng dạy về phong trào lao động thế giới và lịch sử Đảng Cộng Sản Liên Sô.

Huấn-luyện tác chiến.

Chương trình thực tập trong 4 tháng khiến các cán bộ lãnh đạo lớp huấn luyện có một quan niệm về năng lực và năng khiếu từng người để có thể hướng dẫn mỗi người trong công tác nghiệp vụ của họ sau này. Họ sẽ trải qua 1 kỳ thi khảo sát để nhập học trường Kỹ thuật Lénine ở Verkhovnoye cách Kazan 120 cây số.

Trường Kỹ-Thuật Lénine được thiết lập tại một miền hoang địa gần biên giới cộng-hoà tự trị Tartare và chỉ có một độc lộ đi vào. Nơi đây cũng được canh phòng nghiêm mật. Học trình không có khoa chính trị học mà hoàn toàn là huấn luyện thực hành. Hiệu trưởng và các huấn luyện viên đều mặc đồng phục MVD. (công chức Bộ Nội-Vụ) tuy nhiên các học viên vẫn không mấy may nghi ngờ là họ đang sống tại trường huấn luyện của cơ quan điệp báo.

Tháng đầu dành riêng cho khoa thể dục, sau thời kỳ này các nam nữ học viên thực tập những môn khó hơn như leo tường, leo mái nhà, nhảy cao, vượt qua sông ngòi, hồ ao, đường núi với đầy đủ dụng cụ trang bị.

Sau đó, trong 6 tuần lễ, mỗi ngày 6 giờ, họ sẽ học về nhu đạo, thái cực đạo, quyền-thuật và đấu vật. Họ được huấn luyện để trở thành xạ-thủ ưu tú về khoa bắn súng lục, súng trường, liên thanh, học về cách xử dụng đủ loại chất nổ. Thời kỳ này công tác huấn luyện còn nhằm vào công cuộc phá hoại, phương pháp hủy phá nhà cửa, cầu cống và tất cả những mô hình cứ điểm chiến lược. Họ được giảng dạy không những

về cách sử dụng các chất nổ Dynamite, Trinitrotoluène và nhiều loại chất nổ khác đồng thời còn được học cách thức chế tạo bom để dùng trong những hoạt động khủng bố.

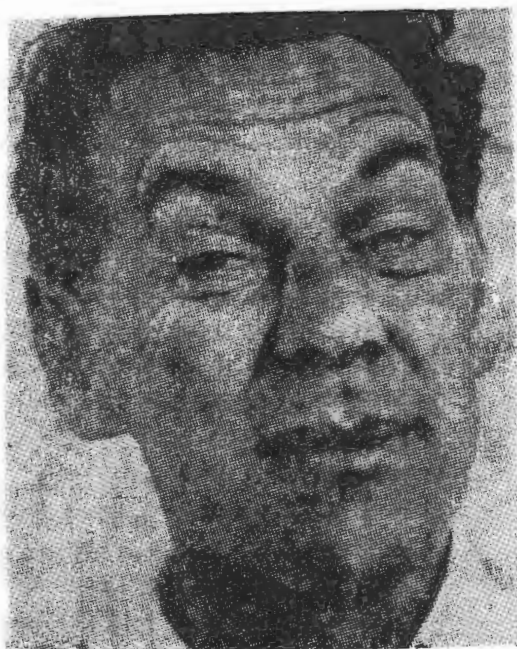
Họ cũng được chỉ dẫn bằng những phương pháp tân kỳ nhất để có thể phá hủy các ổ khoá, cửa thép, kết sắt, được chỉ bảo rành rẽ về cách sử dụng chất nổ trong mỗi vụ phá hoại khác nhau mà có thể làm giảm bớt tiếng nổ.

Phần cuối học trình là phương pháp sử dụng những chất nổ có cường lực cực-đại đặt trong bao thuốc lá, bật lửa, bút máy, đèn bấm, v.v

Như vậy, phần huấn luyện thực hành nhằm đào tạo người gián điệp tương lai có đủ sức đối phó với mọi sự bất ngờ, bảo đảm cho họ sự hữu hiệu trong khi thi hành công tác.

Họ còn phải theo lớp thực tập cách sử dụng nha phiến và độc dược trong thực phẩm, nước uống, thuốc hút. Họ được học cách sử dụng máy điện thoại, cách đặt máy vi âm cực mạnh tại một nơi nào thích hợp nhất ở phòng ngủ hay phòng giấy, cách thu âm vào băng nhựa hay vào đĩa các câu truyện bất ngờ và sau đó có thể xóa đi được.

Tất cả những khoa chuyên môn giảng dạy tại trường kỹ thuật Lénine được coi là có tầm quan trọng



Richard Sorge, tên gián điệp trứ danh xuất thân tại trường huấn luyện điệp báo GASZYNA hoạt động tại Đông-Kinh trong thời kỳ đệ nhị Thế chiến, bị bắt hồi tháng 10-1941.

đặc biệt. Tuy nhiên môn học quan trọng nhất là cách sử dụng máy vô tuyến điện và máy chụp hình. Các học viên được huấn luyện máy vô tuyến điện xách tay, không những về phương pháp thu nhận các tín hiệu vô tuyến nhưng với phương pháp sử dụng vô cùng khó khăn : phát tín hiệu với một tốc độ chớp nhoáng trong khoảng vài giây đồng hồ, để cơ quan phản gián ngoại quốc không đủ thời gian tối thiểu có thể bắt hoặc chặn được kịp thời. Họ được học hỏi những phương thức tinh vi khám phá ra các tín hiệu của đối phương ngay tạo là tín hiệu của hành dinh điệp báo Xô viết.

Song hành với công tác này họ còn học cách sửa chữa máy móc vô tuyến điện, họ tháo ra lắp vào luôn luôn để tìm hiểu mọi bộ phận li ti, giúp họ có thể sửa chữa máy nếu bị hỏng bất chợt.

Phần cuối chương trình dành cho khoa nhiếp ảnh, sửa chữa hình bằng phương pháp không sao nhận rõ tấm hình bị sửa. Các điệp viên Xô viết hoạt động tại ngoại quốc đều được trang bị bằng máy ảnh đặc biệt, rất nhỏ, nhưng họ cũng có thể sử dụng bất kỳ loại máy ảnh nào, trong trường hợp mà một máy bị hư không sửa chữa kịp.

Tất cả học viên tại Verkhovnoye đều tốt nghiệp kỳ thi mãn khoá, nhưng sự kiện đó không có gì đáng ngạc nhiên vì trong thời gian huấn luyện họ được chăm lo chu đáo và khảo sát nhiều lần để theo được tới đích. Nếu một phần tử nào non kém, sẽ phải học thêm giờ để bắt kịp các bạn đồng đội.

Cuộc sát hạch mãn khoá kéo dài một tuần, chấm dứt một niên học nhưng chưa được coi là tiêu chuẩn gia nhập cơ quan điệp báo. Thực sự, các viên giám khảo trường kỹ thuật Lénine không tuyên bố các học viên đã trúng tuyển, mà họ chỉ nhận định vào điểm khả năng của từng cá nhân. Do đó, họ không căn cứ vào những câu trả lời của thí sinh trong kỳ sát hạch mà chú trọng vào phúc trình của các huấn luyện viên về những tiến bộ của từng người theo từng giai đoạn tuần lễ một. Hành dinh điệp báo sẽ thu lượm đầy đủ tài liệu để có thể quán triệt trường hợp từng cá nhân học viên.

Trong khi chờ đợi tương lai được định đoạt, các học viên được nghỉ hè một tháng tại trung tâm Oktyabr ở miền Caucase.

Những người xét có thể phục vụ tại ngoại quốc thì sẽ được chọn lựa tập sự tại Hành dinh điệp báo Mạc Tư Khoa, còn những phần tử khác được bổ nhiệm vào tập sự tại cơ quan an ninh Xô-Viết. Thời gian của họ tập sự tại 2 cơ quan trên kéo dài từ 10 tới 12 tháng. Họ tìm hiểu sự điều hành những cơ quan này và gia tăng các sự hiểu biết.

Chính sau thời gian này, các sinh viên điệp báo đã bị bắt. Một hôm nào đó họ đã bị bắt hết sức bất ngờ, vô lý và không biết lý do ra sao. Họ bị dẫn tới phòng thẩm vấn Nha Công An, bị bắt đứng im quay mặt vào tường, hai tay để sau gáy để bắt buộc giữ cho thân hình ngay ngắn. Từng phút trôi qua, đầu và tứ chi đương sự mỗi rã rời. Một sự mỗi mét bất tận



Cũng như Richard Sorge, Đại tá Abel (hình trên) chỉ huy tổ gián điệp tại Hoa Kỳ, bị bắt năm 1957 và George Langsdale (hình dưới) chỉ huy hệ thống gián điệp tại Anh Quốc, bị bắt hồi năm 1961, điều xuất thân tại trường GASZYNA.

xâm chiếm cơ thể, cả thân hình lạnh toát mồ hôi, phạm nhân mong muốn diên người được gãi cho đỡ ngứa ngứa. Nhưng khi họ vừa nhúc nhích, một tiếng quát vang lên sau lưng : «động đây thì tao bắn vỡ óc !»

Không thể nào được, họ không thể chịu đựng hình phạt này quá một giây nữa. Ấy thế mà họ vẫn còn đứng vững, thời gian đối với họ hình như dài vô tận. Sau đó họ được dẫn tới trước mặt một cán bộ thẩm vấn và bị nạt nộ : « Anh là một tên gián điệp ngoại quốc, anh đã đột nhập vào cơ quan gián điệp Sô-viết

để thu lượm tài liệu cho ngoại quốc ! nhưng bây giờ anh đã bị lột mặt nạ ! »

Đương sự kinh hoàng ngạc nhiên, tự nghĩ sao mình lại có thể bị buộc tội tây đình như thế ! Anh cãi : « Sao lại có thể thế được, đó là một điều sai lầm, tôi không có tội ! » Đồng thời mặt anh bừng đỏ vì tức giận, anh la lớn là hoàn toàn vô tội. Nhưng cán bộ thẩm vấn thét lên : Hãy thú thật đi ! Hãy thú nhận những tội lỗi của anh ! Nhưng anh không lay chuyển, anh phủ nhận những tội mà người ta gán cho anh. Anh bị tống giam vào ngục thất, giữa bốn bức tường màu hắc ín, anh lờn lộn diên cuồng về sự oan ức đè nặng tâm hồn và thể xác. Giữa lúc đó anh lại bị gọi sang phòng thẩm vấn. Họ đặt anh ngồi trên một chiếc ghế, chiếu đèn pha vào mặt anh, luồng sáng độc ác có thể làm mù hai mắt, anh nhắm mắt lại và mồ hôi vã ra như tắm. Bên tai anh, một giọng nói đanh thép sang sảng vang lên : « Những lời thú tội của anh không cần thiết nữa, vì nhà chức trách vừa lấy được lời khai có chữ ký về tên đồng lõa của anh rồi ! Và như vậy anh sẽ bị đem xử bắn, đờ phẫn quốc ! » Anh cương quyết phản đối, không xác nhận về tên đồng lõa mà người ta vừa nêu lên, anh cố gắng trình bày về sự vô tội của anh, nhưng những tiếng đập bàn âm ỉm, những tiếng quát như lệnh võ đã cắt đứt những lời trần tình của anh.

Cuộc thẩm vấn kéo dài 24 giờ, họ đàn áp tinh thần, dọa nạt, nguyên rửa anh cho tới khi nào anh gục ngã vì mỗi một thí được dẫn về sà-lim cho tới lúc hồi tỉnh, lại bị đưa sang phòng thẩm vấn để màn kịch tái diễn, Cho tới khi tâm hồn anh trở nên hỗn loạn, thân thể rã rời họ đưa anh một trang giấy đánh máy sẵn, trong đó có ghi nhận những tội mà họ cưỡng bức anh phải thú nhận : « Ký vào đây, nếu không sẽ đem ra bắn tức khắc ! » Nhưng anh nhất định không ký dù tinh thần anh giao động cực độ, dù những vết thương rớm máu trên thân thể anh. Tới lúc đó mới tới mục tây nảo. Nhiều cán bộ chuyên viên tới đỡ dành anh, bằng những lời ngon ngọt nhưng đầy dọa nạt để anh phải thú nhận là gián điệp ngoại quốc, nhưng anh vẫn cương quyết không đầu hàng.

Màn chốt của vở kịch, anh ngạc nhiên khi bị đưa tới một căn phòng trống lếch. Anh thầm nghĩ : « Ta còn trải qua cực hình nào nữa đây ! » Một nhân vật phong độ lịch sự có vẻ là viên chức cao cấp tiếp đón anh vô cùng niềm nở, mời anh ngồi trước bàn giấy, mời anh dùng thuốc lá và hoan hỉ nói với anh : « Đồng chí rất xứng đáng gia nhập cơ quan tình báo Sô-viết. Đồng chí đã thắng vẻ vang kỳ sát hạch vừa rồi. Tổ quốc Liên Sô rất kiêu hãnh vì đồng chí ! » Con ác mộng đã tiêu tan, và người sinh viên mấy năm trước đây, giờ đã mặc nhiên trở thành cán bộ gián điệp mà Nga Sô sẽ tung ra khắp mọi nơi để thi hành công tác do thám phá hoại, lũng đoạn hàng ngũ thế giới tự do.

HOÀNG LONG

(Viết theo tài liệu tuần sau
Nouveau Candide)

H A Y vì thông cảm thì trong đời sống giữa người với người thường có những « trận du kích » — hằn thù nhau, hết hằn thù thì lãnh đạm — vì không phải ai cũng tính bản thiện cả mà vẫn có ít nhiều « người với người là lang sói trong rừng » (homo homini lupus), nhưng con người chỉ biết những khi :

*Còn duyên kẻ đón người đưa
Hết duyên đi sớm về trưa một mình*

hoặc là :

*Khó khăn thì chẳng ai nhìn
Đền khi đổ trạng chín nghìn anh em.*

Thật vậy, đi lâu mới biết đường dài, ở lâu mới biết con người phải chăng, nghĩa là có thời gian mới đo được một cách khá đầy đủ.

THÒ ĐUÔI

★ CHÂU-DÌNH-THỊNH

Tích xưa đã kể : Tề-Thiên bị Dương-Tiến đánh gấp quá, khi chạy ngang qua một cánh đồng mênh mông không nơi trốn thoát, bèn nghĩ ra diệu kế là biến thành cái miếu bên đàng : bốn chân làm cột, lưng làm mái, miệng làm cửa.

Kể ra thì đầu vào đó ổn cả rồi, duy còn cái đuôi không biết tính sao. Tề ta cũng còn khá thông minh để cho cái đuôi dựng ngược lên thành cái cột cờ và vài chiếc lông lưa thưa cũng thành lá cờ rách.

Nhưng vô quít dầy thì móng tay nhọn, nên khi Dương-Tiến đến nơi tìm không ra bóng dáng Tề-Thiên mà lại có cái miếu thờ bên đàng. Dương-Tiến nghi ngờ vô đầu suy nghĩ :

« Ủa, cũng thời cái miếu, nhưng sao cột cờ lại dựng phía sau ?? » Dương-Tiến cho là Tề hóa trang, bèn đâm một gậy vào cửa chính thì té ra đấy là « con nai vàng chính hiệu » họ Tề !!

Trong đời sống giữa người với người cũng khôn khéo không kém họ Tề nhưng vẫn đôi khi « thò đuôi ». Thò đuôi của những kẻ lưu manh, lấu cá, xu thời, nịnh bợ. Thò đuôi của những kẻ đăm cá cú cò, của gian phu dâm phụ, của những kẻ sát nhân, của những người vong ân bội nghĩa.

Ở Trung-Quốc, năm 1936, một đoàn đại biểu quan trọng của sinh-viên do Cộng-sản xúi giục, tổ chức một cuộc biểu tình núp dưới chiêu bài kháng Nhật. Họ kéo đến ngay trước dinh Thống-Chế Trương-Giới-Thạch ở Hán-Khẩu. Thống-Chế nhân nại chịu đựng nghe họ hò la, hát xướng cả đêm, hô khẩu hiệu nào là : « Đả đảo Nhật-Bản », nào là « Cương quyết kháng chiến chống đế quốc Nhật ».

Đến tờ mờ sáng, Trương Thống-Chế ra ngoài lan can tiếp họ. Theo sau là một vài sĩ quan, đem theo một quyển sổ. Đám sinh-viên biểu tình bỡ ngỡ, đồng thời tiếng hò la cũng ngừng khi Trương Thống-Chế giơ tay bảo họ yên đi. Thống-Chế nói :

« Tôi cũng đồng ý với các bạn : chúng ta cần phải kháng chiến chống xâm lăng Nhật. Chính tôi đây cũng chủ trương tuyên chiến với Nhật, nhưng tôi thiết tưởng nước nhà lúc này chưa có thể sẵn sàng để đương đầu với một chiến tranh toàn diện. Cái đó đòi hỏi quốc-dân rất nhiều hy sinh và gian khổ. Với tình trạng không sẵn sàng của chúng ta lúc này, tôi nghi ngờ không chắc thắng lợi được không. Tôi muốn rằng quốc dân không phải hy sinh chịu đựng gian khổ một cách vô ích. Và tôi nhắc lại với các bạn là, cũng như các bạn, tôi rất mong muốn chiến đấu chống xâm lăng Nhật. Nếu lúc này đây, các bạn nhất quyết hy sinh cho Tổ Quốc, tôi rất sẵn sàng nhận lễ hiến dâng của các bạn ».

Tất cả đám sinh viên biểu tình đều bỡ ngỡ một cách lạ lùng. Họ không ngờ thái độ của Trương Thống-Chế lại có thể như thế. Lúc đó Trương Thống-Chế tiến về phía các sinh viên với giọng nghiêm trang :

« Tất cả các bạn lúc này đều muốn hy sinh cho Tổ Quốc, các bạn hãy đến đây, ghi tên gia nhập vào trường Võ bị Quốc-Gia, các bạn sẽ trở thành Sĩ-quan trong đạo quân Quốc-gia, các bạn sẽ chiến đấu chống Nhật, bảo vệ quê hương. »

Một lúc yên lặng. Trương Thống-Chế và các Sĩ-quan đợi chờ. Một số sinh viên do Cộng-sản xúi giục bắt đầu rút lui, rồi rút lui... và họ bị « thò đuôi » đó !!

✱

THỒ đuôi là cái kỳ nhất giữa cá nhân với cá nhân cũng như giữa xã-hội với xã hội. Điều mà ta có thể thấy nơi cuốn sách nhan đề « Tân giai cấp » của Milovan Djilas,

một cuốn sách trình bày sự thối nát và ghê tởm của chế độ Cộng-sản — sai lạc tự căn nguyên dù bất cứ ở nơi đâu và bất luận thời đại nào, dù dưới quyền Staline hay Khrushchev — tố cáo những dã man : những trại lao công ở Đông-Đức, công trường cưỡng ép ở Ba-Lan, Hung-Gia-Lợi !

Một cuốn sách đã làm thò đuôi đồ : tố cáo những thanh trừng ghê rợn, đẫm máu với mục đích sản xuất một tân gia cấp, một giai cấp mà quyền thế đối với thiên hạ nhất là chuyên chế mà người ta không hề tìm thấy trong dĩ vãng, một giai cấp bành trướng tàn bạo sống trên xương máu nhân dân ! Nơi mà người ta có thể ngạc nhiên trước những kết quả họ thu đạt được nhưng sẽ hổ thẹn biết mấy khi biết phương pháp mà họ đã áp dụng ! ! Nơi mà lòng tham vô đáy, nịnh bợ, lấu cá, ghen ghét được tự do phóng túng, đưa đến ngông cuồng và bóp chết phẩm giá con người ! !

Để làm cho cái đuôi đồ đó thò ra, Milovan Djilas đã phải quả cảm và thiết tha, điều đó chứng tỏ trong những lời dạn dỏ của ông ta gửi cho các người Mỹ : « Hãy in gấp chừng nào quý hóa chừng ấy và đừng ngại ngùng thân phận tôi ».

Trong đời sống, biết bao cái đuôi đã bị thò ra, nhưng sẽ còn vô vàn cái đuôi còn che giấu như họ Tề ; điều đó là lẽ tất nhiên, vì không ai có thể sống dưới vòm trời thứ hai, nhưng điều quan hệ là cái tạo tâm hồn của chính mình mới đánh đổ kẻ thù ẩn kín trong đáy lòng con người.

HĂNG NGUYỄN - THÀNH

Lãnh khai Quan-Thuế và Vận-Tải

Điện-thoại : 23.173 — 292 Saigon

*

- Hăng được tin cậy nhưt
- Nhà làm nhanh chóng nhưt
- Việc làm cẩn thận nhưt

Văn Phòng
62, Trinh-Minh-Thê
Saigon

Kho Hàng
26B Lê-Quốc-Hưng
Khánh-Hội



TẶNG ĐỘI NÓN ĐỒNG

Tiếng còi rú ùng xa nghe rộn rã,
Chắc hẳn là thân hòa bộc đầu đây.
Xe trên đường xuyên bánh sát lẽ ngay,
Nhường quang lộ để đoàn xe hùng tiền.
Màu đỏ rực tượng trưng màu lửa biển,
Thêm tiếng còi rền rì giọng « cháy đâu ? ».
Đứng trên xe với nón sấm trên đầu,
Bộ quần áo cũng đồng màu xanh sẫm.
Người cứu hỏa, về hiền ngang quả cảm,
Giữa lửa hồng, từng dần bước xông pha.
Đã hy sinh cứu giúp biết bao nhà,
Khi bão táp phong ba giồng lửa cuộn,
Mặt lem luốc, vẫn leo trèo lên xuống,
Khói mịt mù, nào xá kể, luôn tay...
Kẻ sang Đông, người lại tiến phía Tây,
Cứu khổ chủ đang dưới tay thần Hòa.
Chẳng chồn gỏi, mặt mồ hôi là chã,
Mắt sáng ngời, khi lửa đã dẹp xong.
Thân lem lem trong bộ áo khói nồng,
Mặt xạm đỏ vì ánh hồng lửa tấp.
Tay gân guốc, không về chi dài các,
Gương hy sinh đã tỏ nét thanh cao ;
Tượng trưng một kẻ anh hào !

VIỆT-LIÊN



★ Bài của NGUYỄN - VIỆT

THẤT BẠI VÌ THIẾU... LÝ - TƯỞNG

Từ sau Thế giới đại chiến thứ 2, Đế quốc Cộng-sản bắt đầu gây loạn ở nhiều nơi. Một số quốc gia phải điêu đứng vì họa đỏ và đã có những đoàn người, nạn nhân của Cộng-sản, phải rời quê cha đất tổ kéo lê kiếp sống lưu vong hoặc đang tranh đấu nơi xứ người chờ ngày trở về cố thổ.

Trong dịp tình cờ, tôi được hầu chuyện với một trong số những nạn nhân ấy, ông Wong-Hoang, một cựu sĩ quan của Trung-Hoa Quốc-Gia đang sống tại miền Nam Việt-Nam.

Là những phần tử cùng tâm trạng — tâm trạng của người Quốc-gia trước hiềm họa đỏ — chúng tôi thông cảm với nhau rất dễ dàng. Ông Wong-Hoang có lắm nhận định chính xác. Ông nói rất hăng và rất nhiều như đề trút bớt nỗi bức tức đối với những ai có trách nhiệm lãnh đạo khối tự do. Thừa dịp, tôi có hỏi ông nguyên nhân sự thất bại của người Quốc-gia tại Trung-Hoa Lục-địa. Mặt buồn rười rượi, mắt nhìn xa xăm như cố ôn lại việc xưa, ông trả lời giọng trầm trầm :

— Đã có nhiều ý kiến về vấn đề này ; ý kiến của người ngoại quốc cũng có mà ý kiến của chính người Trung-Hoa chúng tôi cũng nhiều. Nhưng theo tôi là một người trong cuộc thì sự thất bại của chúng tôi trước đây tuy do nhiều nguyên nhân nhưng trong đó nguyên nhân *thiếu lý tưởng* đáng kể là chính yếu !

Nghe qua, tôi ngạc nhiên đến phải bàng hoàng. Như đọc được ý nghĩ của tôi, ông Hooang nói tiếp, giọng vẫn trầm buồn :

— Anh ngạc nhiên cũng phải vì anh và tôi cũng như bất cứ người nào ở thế hệ chúng ta đã và đang tranh đấu cho sự sống còn dân tộc mình đều quan niệm rằng *cuộc tranh đấu nhất định phải có một lý tưởng hướng dẫn*. Bởi lý tưởng là cây kim chỉ nam ; không lý tưởng, người tranh đấu nhất định sẽ bị lạc hướng đề rồi đi đến manh động.

Nhìn vào cuộc xung đột tư tưởng, xung đột về ý-thức-hệ ngày nay giữa các khối đối lập trên thế giới, ai cũng nhận chân điều đó. Bởi vậy, dĩ nhiên người Trung-Hoa Quốc-gia chúng tôi hay nói rõ hơn là Quốc-Dân-Đảng Trung-Hoa là một lực lượng đấu tranh có lý tưởng. Và, trong nhiệm vụ lãnh đạo tối cao cuộc đấu tranh cho dân tộc, vị lãnh tụ của chúng tôi không bao giờ xa rời lý tưởng đó. Nghĩa là chúng tôi tranh đấu có đường hướng rõ rệt. Nhưng than ôi, trong lúc đó thì đại đa số những người cốt cán có trọng trách lại *thiếu lý tưởng*. Họ thiếu là tại họ không chịu dùng đến, không trung thành với lý tưởng chứ không phải là họ không biết đến lý tưởng đấu tranh của người Quốc-gia Trung-Hoa. Họ biết rõ lý tưởng Tam-Dân chủ-nghĩa là gì và luôn miệng huênh hoang « ta đây là chiến sĩ » của lý

tưởng do Quốc-phụ TÔN-TRUNG-SƠN đề ra, và lúc nào họ cũng vỗ ngực tự cho mình là « cách mạng » sẵn sàng hy sinh để chiến đấu đến cùng. Mà đầu lòng thay, danh từ lý-tưởng đối với họ chỉ là sáo ngữ. Họ nói đến Tam-Dân chủ-nghĩa chỉ với ý nghĩ khoe khoang một món đồ trang sức có vẻ hợp thời chứ không phải để tin tưởng và thực hiện. Đầu óc họ rỗng tuếch và họ chỉ cách mạng, hy sinh ở đâu mỗi chót lưỡi.

— Thế, ông quan niệm lý tưởng là cái gì và người chiến đấu cho lý tưởng phải như thế nào ?

— Theo tôi, lý tưởng là cái gì tốt đẹp mà con người tôn thờ và quyết tâm theo đuổi thực hiện. Đó là *lẽ sống* của con người. Trong địa hạt chính trị và cách mạng, lý tưởng là *tôn chỉ*, là *đường lối*, là *kim chỉ nam* hướng dẫn cuộc tranh đấu.

Người có lý-tưởng là người không màng gian nguy lao khổ, kiên tâm trì chí đấu tranh, thua keo này bày keo khác, sẵn sàng hy sinh tất cả cái gì của mình trong những lúc cần để quyết đạt được mục đích cao đẹp. Họ là những chiến sĩ đúng với nghĩa của danh từ. Họ luôn luôn tôn trọng chủ trương, chánh sách chung và chấp hành đúng đắn, không bao giờ lạm dụng quyền thế để mưu tư lợi trên xương máu kẻ khác đề đến nỗi làm thất nhân tâm, thiệt hại đến đường lối đã vạch ra. Họ không phải là những kẻ nịnh bợ cấp trên, làm dờ báo cáo hay, kết bè kết cánh che giấu tội lỗi cho nhau. Họ cũng không phải là những kẻ ngồi mát ăn bát vàng đề rồi đến lúc thấy nguy cơ là lo chuẩn bị ôm vàng bạc, bằng bè vợ con chạy trước.

Giữa những chiến sĩ cùng hàng ngũ, lý tưởng là một sợi giây thiêng liêng buộc chặt mọi người lại với nhau. Những người cùng lý tưởng không bao giờ chia rẽ, lục đục, đổ kỵ nhau vì quyền lợi, địa vị hay vì tư ái cá nhân.

Ông Hooang kết luận với vẻ đau xót thắm thía :

— Lý tưởng chính trị phải là *tín ngưỡng* của người chiến sĩ cách mạng. Một tín đồ sùng đạo sẵn sàng tử vì đạo. Một chiến sĩ của lý tưởng phải hy sinh tất cả cho lý tưởng. Với quan niệm đó, tôi cho rằng đại đa số những người có trọng trách mà tôi vừa nói bên trên là những người *thiếu lý tưởng*, mặc dầu chúng tôi có sẵn một lý tưởng đấu tranh từ nửa thế kỷ nay.

Nguyên nhân mất Lục-địa Trung-Hoa là ở những người *thiếu lý tưởng* đó một phần lớn.

Sau 13 năm đất nước chúng tôi rơi vào tay Cộng-sản, ngày nay tuy người Quốc-gia Trung-Hoa đã vươn mình hùng mạnh trở lại nhưng ôn lại truyện cũ không phải là việc làm vô bổ.

Tóm tắt kỳ trước.— Sau một thời gina giải phẫu và chữa trị, đôi mắt đẹp của Thu-Nga đã được gỡ băng. Một cặp kiềng bằng pha lê đủ thuốc, đủ màu không gong, thật tối tân được đặt sát vào lòng mắt. Qua những phút mong chờ, hy vọng, Thu-Nga đã phải xúc động đến rơi nước mắt vì sung sướng như được tái sinh, thầy lại muốn vật rõ ràng từng lý, từng tý...

Nhưng, khi nhìn đến người thì Thu-Nga lại ngạc nhiên đến kinh hoàng vì qua cặp kiềng màu lơ, mọi người, từ vị bác sĩ, cô y tá đến người lao công v.v... đều có đầu thú. Kề đầu chó, người đầu khỉ, đầu chuột.

NGA nằm im, nhắm nghiền mắt cho tới khi đoán chừng người lao công đi ra gần tới cửa mới mở mắt nhìn : thì đó lại là một cái đầu mèo ! THU NGA với tay ôm lấy bình hoa, áp mặt vào những bông hoa tươi đẹp và hít một hơi thiệt dài như để muốn quên một điều gì.



Ngày hôm nay, ngày tái sinh của THU NGA, mà cũng là một ngày dở nhất đời nàng, sao mà dài thẽ, sao mãi không tới ! Chờ mãi mà chưa phải bật đèn. Đèn khi ngoài hành lang dãy đèn vừa phụt sáng, thì THU NGA cũng

Tiếng nói véo von thánh thót như chim hót đúng là tiếng cô CÚC nàng vẫn nghe thấy mọi ngày. Nhìn vào trong gương thì vẫn là một cô y tá mặc bờ-lu trắng tiền gắn lại lưng nàng, nhưng còn cái đầu... thì là cái đầu khỉ ! Giống hệt như bao nhiêu đầu khỉ mà THU NGA đã ngắm mãi dạo trước mỗi khi đi chơi với chồng lúc chưa cưới, tại vườn thú. Nhưng con khi này trong có vẻ hiền lành, nhu mì, chớ vẻ mặt không sắc mắc như lũ khỉ vườn thú. THU NGA vẫn im lặng và chỉ chăm chú nhìn vào gương.

— Thưa bà, lâu lắm bà mới được soi gương. Cái cảm giác đầu tiên lúc

CẶP KIỀNG MÀU LƠ



★ Nguyễn-văn-Hội dịch : DAPHNE du MAURIER

THU NGA rút trong tập tuần báo để ở đầu giường lấy một-sổ. Tất cả đều chưa đọc, vì lâu nay nàng có đọc được đâu. Lật qua những trang có tranh ảnh. THU NGA rất lấy làm an dạ khi thấy rằng chữ nghĩa không thay đổi : đàn ông đàn bà trẻ con vẫn là đàn ông, đàn bà trẻ con, chớ không một ai có đầu bò, đầu lợn, đầu gà hay đầu rắn hổ mang cá. Kết luận thì cái điều kỳ dị đó chỉ xảy ra ở bệnh viện này và ở khúc phố trước bệnh viện.

Có tiếng gõ cửa rói cửa mở. Một nữ lao công của bệnh viện tay ôm bó hoa lớn vào nói « thưa bà, có hoa của ông chủ cho đem lại » rồi đem cắm vào lọ. THU

bật đèn trong phòng ra ngồi bàn đánh phấn, soi gương sửa sang lại bộ mặt. Nàng thấy trong lòng xao xuyến quá, bóng trong gương vẫn là nàng, vẫn là THU NGA hoa hậu năm xưa. Giờ này là giờ đôi gác, sao mãi chưa thấy cô nữ y tá Cúc đến nhận việc. Cô CÚC có tiếng nói thánh thót và riu rít như tiếng chim, hát cũng hay lắm. Có tiếng gõ cửa, nàng quay đầu định ra, nhưng lại thôi, cứ ngồi im mà nhìn vào gương phản chiếu ra cửa.

— Thưa bà, đáng lẽ em đèn sớm hơn nhưng các chị ấy giữ lại trong phòng thuốc nói chuyện mãi. Em xin lỗi bà, chẳng hay bà có cần gì bây giờ không ạ.

tái sinh ấy, em chắc không bao giờ bà quên được.

Những câu nói dịu ngọt đầy ân tình ấy, THU NGA không ngờ lại ở cái móm khi kia mà ra. Nghe lời nói ngọt ngào mặc dầu cô CÚC có cái đầu khỉ xầu xí THU NGA thấy không đến nỗi có ác cảm, cho nên nàng trả lời :

— Tôi thấy mệt lắm, mệt quá.

Và nàng đứng dậy, ra giường nằm.

Cô CÚC với bắt cổ tay nàng xem mạch. THU NGA rùng mình, vội rút tay ra, nghĩ đến những móng tay nhọn sắc như dao của đàn khỉ.

— Chắc bác sĩ cho bà uống nhiều thuốc ngủ quá. Phải rồi, em thấy có ghi ở trên phiều chân giường đây này. Một ngày mấy viên, người yếu sẵn như bà ai mà chịu cho nổi.

Những câu nói dễ nghe, triu mền như vậy tại sao một con khỉ lại có thể nói được thế kia chứ? THU NGA nhắm mắt suy nghĩ.

— Bà bị xúc động mạnh quá đây mà. Đáng lẽ ngày đầu tiên phải để cho bà hoàn toàn nghỉ ngơi yên lặng. Chắc đã nhiều người tới thăm bà!

— Không, chưa có ai cả.

— Trông bà xanh lăm. Bà cần phải tinh dưỡng nhiều. Em có ý nghĩ chưa muốn để cho ông chủ nhà ta đến thăm bà lúc này làm gì. Nếu bà đồng ý, em xin kêu điện thoại giùm bà ngay bây giờ.

— Không, không, xin cảm ơn cô. Tôi cần phải gặp nhà tôi bây giờ và tôi đã kêu điện thoại rồi.

— Kỳ lạ! Bà như có điều gì đương bận tâm lo nghĩ. Như thế thì không nên. Điều gì cũng vứt bỏ đi hết tất cả... chả có lẽ lại là thuốc ngủ đã khiến thân sắc bà như thế này vì bà đã uống nhiều lần rồi kia mà. Vừa rồi họ cho bà ăn món gì đây?

— Bỏ dục và canh cá, nhưng tôi không đời.

— Không biết cá có được tươi chăng? Sự cá tươi thì độc. Để em hỏi qua mấy phòng khác xem có ai phân nản



gi về thức ăn? Trong khi chờ đợi, em xin bà nằm yên nghỉ, đừng nghĩ ngợi bận tâm gì cả.

Cô CÚC nói xong rồi đi ra, THU NGA dương to mắt nhìn xem con khỉ đi khỏi rồi... quyết định.



THU NGA không nghe lời khuyên của cô CÚC. Khi cô CÚC nắm cô tay định bắt mạch nàng đã rút tay lại. Và suốt trong lúc vừa rồi nàng đã nhớ lại một lần tưởng hát bóng nào đó trong đó có cảnh một con khỉ đột bóp cổ một thiếu nữ. Và nàng lo sợ. Phải tự vệ mới được chứ! Nàng mở va li, lấy cái kéo cắt móng tay và thủ sẵn trong người rồi lên giường nằm. Tim đập mạnh quá. Rủi có thể nào thì nàng cũng có một chút khí giới ở trong tay. Bây giờ thì nàng chắc chắn đó là sự thực rồi. Cả bệnh viện này toàn thể nhân viên, từ lao công y-tá đến bác sĩ ai ai cũng đều đóng lửa trong một vụ sát nhân ghê gớm, mà mục đích còn được giữ bí mật. Dù sao thì nàng cũng không để lộ cho họ biết rằng nàng đã mong manh đến như thế. Nhất là đêm nay đôi với cô CÚC, nàng phải cư xử cho ra vẻ tự nhiên như thường lệ. Chỉ sợ ý một chút là nàng có thể chết mất mạng chứ chẳng chơi! Chuyện đâu có phải chuyện đùa!

Cửa mở, cô CÚC trở vào. THU NGA tay nắm chặt cái kéo, miệng cô nở một nụ cười:

— Tôi làm phiền cô quá. Bây giờ tôi đã thấy khá hơn lúc nãy rồi.

Con khỉ cầm trong tay một cái lọ nhỏ, mở nút, nhỏ ba giọt vào một ly, pha một chút nước trà và đưa cho THU NGA.

THU NGA thấy thế, sợ quá. Phải chỉ có ba giọt độc được đó là xong mà! Có khó khăn gì đâu! Tuy vậy, THU NGA vẫn đỡ lấy cốc, và nãy ra mưu kế:

— Cô làm ơn lấy trong va li giùm tôi chiếc khăn tay.



TRONG khi cô CÚC mở va li, lật mấy xấp áo quần để tìm khăn tay thì THU NGA vén khăn trải giường và đổ tọt ngay ly thuốc vô đệm, rồi nàng chăm chú nhìn ngắm cô CÚC lúc

húi trước chiếc va li. Đèn khi cô CÚC đưa nàng chiếc khăn, thì THU NGA giả vờ liếm môi chép miệng như đã uống thuốc rồi, mà mắt vẫn giương to nhìn chòng chọc vào mặt cô CÚC.

— Bà nhìn gì em mà nhìn kỹ quá thế vậy? Có phải bà dự tính đọc những ý nghĩ của em đó chăng?

THU NGA không trả lời, vì sợ hờ hênh.

— Có lẽ bà lạ em thì phải! Chắc những ngày qua bà tưởng tượng ra em một đường thì bây giờ bà nhìn em lại thấy một nẻo thì phải. Em đã nói rằng em người xấu xí lắm mà!

— Đúng thế, tôi tưởng khác xa với sự thực, Nhưng nói thiệt... cô cũng đâu có xấu. À! Mà tóc cô thế nào nhỉ? Có uốn ở tiệm nào vậy?

Cô CÚC liếc cười to, cái cười khoái của những ngày qua, và cười xong, cô liếc lật chiếc mũ hồng thập tự của bệnh viện ra, không nói năng gì.

THU NGA giật mình há hốc miệng. Cái đầu gần như trọc lóc của một con khỉ lơ thơ lông ngấm máu bung vàng.

Nhưng nàng gượng nói:

— Tóc cô uốn đẹp thật! Nhưng cao quá!

Cô CÚC lại đội mũ vào, và đầu khỉ vẫn là đầu khỉ rồi đem cái ly ra máy nước rửa, vừa đi vừa nói:

— Khi bà về nhà, em được cứ đi theo trông nom săn sóc bà trong một tuần và khi đó, em sẽ không mặc y phục của bệnh viện như bây giờ.

THU NGA lại giật mình nữa. Những việc xảy ra ngày hôm nay kinh khủng quá khiến cho nàng quên hẳn rằng cô CÚC sẽ phải săn sóc nàng một tuần tại nhà. Chịu làm sao được cái của khỉ này! Đúng ra thì nàng chả muốn có ai ở bên cạnh, trừ ra có ông chồng nàng. Bỗng chuông điện thoại kêu, nàng nhấc máy vội vàng.

— Anh xin lỗi bây giờ mới đi được Anh ra xe bây giờ, và chỉ mười phút là tới nơi Em chờ anh!

— Anh đến ngay, em chờ.

Nàng đặt máy xuống, và thấy con khỉ nhìn nàng. Con khỉ nói:

— Xin bà bình tĩnh khi ông nhà tới

— Tôi vẫn bình tĩnh như thường mà. Tôi chỉ hơi nóng ruột vì chờ nhà tôi thôi.

— Em coi bà như đang lo lắng thắc mắc một điều gì khó xử.

— Không, có gì đâu. Chắc trời nóng quá !

Cô CÚC nhún vai, lắc đầu, rồi đi ra.

THU NGA chờ, lắng tai nghe tiếng xe hơi tới. Nàng nghĩ không biết liệu có nói được cho chàng chịu ngủ lại một đêm với nàng trong bệnh viện không. Nếu nàng cắt nghĩa rõ ràng cả mọi điều, cả sự lo âu của nàng nữa, thì may ra có lẽ có kết quả. Chàng đến, xem xét tình hình may ra chàng sẽ biết được tám chín phần rành mạch, nàng sẽ bảm chuông gọi cô CÚC vào, và khi đó chắc chàng sẽ phải đồng ý ngay với nàng về sự thực.

Có tiếng xe hơi tới và chậm chậm ngừng. Vài giây sau, có tiếng giấy trước cửa. THU NGA thấy trái tim mình đập mạnh hồi hộp quá, mắt ngóng ra cửa. Nàng nghe thấy tiếng chàng đang nói ở ngoài cửa, chắc là đang chuyện với cô CÚC. Nếu vậy thì... chắc chàng cũng đã nhìn thấy như nàng. Khi mở cửa vác, một là chàng sẽ lộ vẻ sợ hãi lạ lùng về chuyện không tin được, hai là chàng sẽ phá lên cười và pha trò với nàng một lúc. Nhưng sao mãi chàng không vào, chuyện trò gì ngoài đó mà lâu thế.

Sau cùng cửa mở. Chiếc giấy đen trắng quen thuộc một chân bước vào trước, rồi đến cái cặp da to không lồ rồi cả một thân hình đồ sộ cao to khỏe mạnh của ông VIỆT TIỀN... không ! trời đất ơi ! của một người... của ông VIỆT TIỀN đầu dê ! Trời đất ơi ! chàng có lẽ họ lại bắt cả chóng nàng đeo mặt nạ như họ để vào thăm nàng sao?... không không... mà chính người chóng nàng thật ! Chính ông VIỆT TIỀN thật ! nhưng sau lại đầu dê !



Tất cả đều quen thuộc, giấy dờ, quán áo, ca vát, mũ, cặp da, chỉ có mỗi cái là lạ ! chóng nàng, ông VIỆT TIỀN có một cái đầu dê, hai mắt tí hí và đảo đi đảo lại nhanh như chớp, má sát xương, cảm nhọn hoắt lại có một chòm râu vênh ra đáng trước ! Trong khi THUNGA ngỡ ngàng mà nhìn không nói được lời nào, thì ông VIỆT TIỀN đi vào, đặt cặp xuống bàn, và bỏ mũ mặc lên đầu giương. Chao ôi ! đầu bò mũ ra lại lộ cả hai cái sừng dài hơn ngón tay nữa mới chết chứ !

— Hình như em không được mạnh thì phải ! Có lẽ bị kích thích mạnh quá, bị xúc động mạnh quá ! Anh cũng không được phép ngồi nói chuyện lâu. Họ bảo em cần phải ngủ yên ngon giấc đêm nay thì ngày mai mọi sự đều an đẹp.

THU NGA không thốt được một lời nào cả, trông chóng mà ngẩn ngơ như người mất hồn ; ông VIỆT TIỀN jai gấn, cuỗi xuống hôn nàng. THU NGA nhắm mắt lại thấy cái mồm dê sát mặt mình và rùng mình nhót nhật vì cảm thấy bộ râu dê ngoay cù vào cổ mình.

— Cô CÚC nói rằng chắc có phản ứng của những liều thuốc uống và tiêm nhất là có sự xúc động quá khi được mở mắt nhìn thấy... Hình như người ta mỗi người một lối, có người chịu được, có người không chịu được, không ai giềng ai. Cô CÚC nói thêm chắc là khi nào mình về nhà là mình sẽ thầy được b.ình phục ngay, chả phải thuốc thang gì.

Cô CÚC ! Thôi, thế là chắc cô CÚC đầu khi thế nào cũng theo nàng về nhà.

— Không ! Không ! Em tưởng em không cần cô CÚC phải theo săn sóc em tại nhà nữa đâu !

— Sao ? Em thì biết gì ? Cần hay không cần, đó là lệnh của Bác sĩ.

Nàng chưa kịp trả lời, và tuy nàng không bảm chuông thế mà cô CÚC cũng vẩn vào phòng.

— Thưa bà, bà có muốn uống nước trà không ạ ?

Mọi ngày câu hỏi đó là câu hỏi cửa miệng, thường lệ. Nhưng hôm nay thì câu hỏi đó hình như đã được đặt sẵn và phải nói đúng vào lúc này như đã có hẹn.

— Cảm ơn cô, thật quý hóa quá. À mà cô CÚC ! hình như cô không phải

theo tôi về nhà nữa thì phải !

THU NGA thấy con khi nhìn con dê, và con dê nhìn con khi, như đã thông cảm tư tưởng.

— Thưa bà, hôm nay bà mệt lắm bà cần nghỉ ngơi, đi ngủ sớm, ngay bây giờ thì hơn

Nói xong cô CÚC đi ra. Con dê, ông VIỆT TIỀN, lúc ấy cũng vội vã lấy mũ lấy cặp.

— Anh phải theo lời bác sĩ. Và em cũng phải theo lời bác sĩ đi ngủ ngay bây giờ. Anh về, mai sẽ lại sớm Chúc em ngủ ngon.

Nói xong, con dê đặt cẩn thận chiếc mũ chụp lên che hai cái sừng, lấy tay soa cảm y như vuốt bộ râu, rồi quay ngoắt ra đi không dám chùng chình chuyện trò nữa.

THU NGA há hốc miệng vì ngạc nhiên nhìn tay dê khép cửa, nhưng thiệt là tay người.



TỪ lúc chóng ra về, THU NGA chỉ có mỗi một việc, là nằm dán xuống giường mà âm ức khóc mãi. Dự tính nói bao nhiêu chuyện mà rút cục chưa nói được chuyện gì cả Nàng vẫn còn âm ức khóc, và khi mở mắt quay ra nhìn thì thấy con khi ở chân giường và bên cạnh giường có một người đàn ông... Thấy cả hai người một lúc, nàng nhớ ngay đến chuyện Tây Du, có khi là là Tề thiên Đại thánh và có lợn là Trư Bát giới. Người đàn ông này giống Trư bát giới như hệt, giống như hình vẽ trong truyện, giống như vai trò trong phim hát bóng của Tàu về chuyện Tây du. Người đàn ông này là một sinh viên

nội trú, anh ta người cũng « cao ráo sạch sẽ », nghe tiếng nói ồn ào lễ phép cũng đáng yêu, nhưng bây giờ hiện ra lại mang một cái đầu lợn. Mặc dầu THU NGA không thấy có ác cảm với người này nhưng nàng không thấy sợ người đó lắm, vì giống lợn là giống hiền lành. Nàng còn nhớ ngày xưa khi còn bé nàng vẫn phải đem nôi cắm nầu rồi vào chuồng cho đàn lợn của mẹ nàng nuôi. Và nàng còn nhớ cả con lợn con của mẹ nàng cho nàng để làm vốn đi lấy chồng mà nàng thường săn sóc đặc biệt con đó nhất đàn. Cho nên THU NGA thấy hình như mình có thể nói chuyện được với anh chàng này và hi vọng đôi bên có thể hiểu nhau được.

— Tôi có thể nói chuyện riêng với bác sĩ một chút được chăng ?

Mặc dầu anh ta chỉ là sinh viên, nhưng quen đi ai cũng thương xúng hồ dùng tiếng bác sĩ.

Không chờ đợi gì cả, cô CÚC đầu khỉ kín đáo lặng lẽ ra khỏi phòng.

THU-NGA ngồi dậy, dựa vào đầu giường, và chậm rãi nói :

— Các bác sĩ cho rằng tôi hơi đau kính, khó tính, đồ lỗi cho tại quá xúc động, kích thích máu, hay vì công thuốc. Nhưng... chính vì cặp kiềng màu lơ này... tôi chịu không nổi, không sao quen được.

Con lợn hếch lên hếch xuống hai lỗ mũi ướt ướt, THU NGA tưởng chừng như chàng sinh viên sắp sửa kêu un in như nạng đã nghe thấy ngày xưa.

— Thật là đáng tiếc. Nhưng tôi hy vọng là kiềng không cọ đau mắt chờ !

— Không, kiềng đặt sát va khéo quá, khiến tôi có cảm giác hình như không có kiềng trên mắt nữa, hình như chỉ có mắt trần thôi. Nhưng... tôi tin rằng chính cặp mắt kiềng đã khiến cho tôi nhìn thấy người ta thành ra khác thường, thành ra kỳ dị một cách kinh khủng.

— Điều đó là thường, bà ạ. Duyên do vì kiềng màu lơ. Duyên do vì bà không nhìn được những màu sắc. Mắt đã đau nặng, phải bị băng lâu ngày sau khi bị mổ, một hôm lại được trông thấy ánh sáng trở lại, ít có người giữ vững được tinh thần cứ cho khỏi bị rối loạn. Những giây thần kinh thị giác ở ngay sau mắt hãy còn yếu ớt vô cùng cho nên rất dễ cảm xúc.

— Chắc bác sĩ đã từng dự nhiều lần mổ mắt, và đã thấy nhiều bệnh nhân ở trong trường hợp tôi.

— Dạ, nhiều quá, đêm không xiết. Nhưng chỉ trong vài ngày nữa, là sẽ hoàn toàn bình phục như xưa, tôi cam đoan như vậy.

Nghe lời « con lợn » hiền lành nói chắc như thề, THU NGA thấy hơi yên lòng.

— Tôi lại nói thêm vài điều để bà rõ và không lạ lùng bởi ngỡ về sau này. Bà sẽ còn trông rõ hơn ngày xưa kia ! Có một bệnh nhân, quen thuộc của tôi, đã quả quyết rằng mổ xong, và sau khi được bỏ kiềng, bà ta nhìn đời vô cùng lạc quan và nhìn kẻ thân người thích trăm phần nguyên vẹn cả trăm phần giống hệt như trước không hề có thay đổi.

— Giồng hệt như trước ? Thực sự như vậy ? Người thế nào thì trông rõ thấy đúng như vậy ?

— Đúng như vậy.

Con lợn nói xong, hân hoan như mới được ăn bữa cám no, ỉ ạch đi ra. THU NGA nghe thấy con lợn chào con khỉ, rồi tiếng giấy xa dần.

Tất cả những lời an ủi, khích lệ làm cho vững lòng người, thì đối với THU NGA bây giờ lại thành ra đáng cay chua xót quá. Có điều này được biết chắc sau khi nghe anh sinh viên nội trú đầu lợn giàng giải, là tất cả sự việc xảy ra không phải do một âm mưu nào cả. Trái lại, nguyên do là bởi không được trông thấy màu sắc, thì THU NGA còn bị thêm một điều là được trông thấy một cách rõ ràng quá, trăm phần trăm đúng với sự thực. Và sự thực, thì... chóng nàng ông VIỆT-TIÊN là một con dê cụ trăm phần trăm !

Cửa sạch mờ Cô HUỆ đầu khỉ mang một ly thuốc vào và hỏi :

— Thưa bà, bà đã muốn nằm ngủ bây giờ chưa ?

Nói rồi, cô HUỆ đặt ly xuống bàn, dịu THU NGA nằm xuống, sửa đệm, đắp chăn, và cắt cái kéo vào trong va li.

— Kéo này để đây nhớ đem vào người thì khôn ! Cắt đi thì hơn ! Lúc nào bà muốn ngủ, uống ly thuốc này, ba phút sau ngủ được liền.

Cô HUỆ đi ra, tắt đèn và đóng cửa.

CÔ HUỆ vừa ra khỏi, thì THU NGA tung chăn nhòm dậy, lục ngay va li tìm cái kéo.

À ! ra cô HUỆ giả dối thực ! Cô HUỆ đã lấy cái kéo đi, chớ không để lại. Nói một đằng làm một nẻo, tin làm sao được ! Chiếc đồng hồ trên bàn con tíc tắc đều đều. THU NGA suy nghĩ, tính toán trong đầu óc một chương trình quyết đem ra hành động. Nàng phải chờ cho đúng tới 11 giờ khuya ; 10 g là tắt đèn, bệnh nhân ai nấy đều ngủ say cả rồi. Cô HUỆ có ghé lỗ khóa nhìn vào, thấy tắt đèn, im lặng, cũng phải tưởng là THU NGA đang ngủ say, nhất là sau khi đã uống ly thuốc cô ta vừa đem tới. Nàng sẽ lấy quần áo độn thành người cho đắp chăn nằm lù lù ở trên giường, sẽ mặc quần áo của nàng, phủ một khăn quàng chum kín đầu và nửa mặt, và sẽ làm như ý định. Hành lang vắng ngắt không có bóng người. Nàng đi vài bước, ngó nhìn vào gian phòng gác là chỗ cô HUỆ nằm ngủ. Nhưng giờ này, cô HUỆ còn chưa ngủ, còn đương chăm chú đọc báo. Ánh sáng đèn đọc thẳng xuống đầu : Không thể nhắm mắt được ! Con khỉ này đương đọc cái gì mà mê man say sưa thế ! Phải chờ đợi đúng lúc mới được. Rồi THU NGA trở về phòng bình tĩnh và kiên nhẫn đứng chờ sau cửa, dù có phải chờ hàng giờ cũng vẫn nhất định chờ. Sau cùng, có tiếng chuông kêu, tiếng chuông mà THU NGA mong đợi từ lâu. Có tiếng người đi qua rồi. THU NGA hé cửa nhìn, con khỉ mở cửa vào phòng một bệnh nhân ở cuối hành lang. THU NGA vội chạy tọt ra, khóa cửa lại, dứt



chia khóa vào túi, và xuống gác. Thật là may mắn quá! Xuống thang không gặp ai! Ở cửa ra vào, đèn không được sáng lắm, nhưng THU NGA cũng nom thấy bóng người gác công quay về phía nàng. Làm thế nào được bây giờ, chẳng nhẽ lùi bước sao? Ngập ngừng mãi rồi sau cùng, THU NGA đánh liều đang hoàng bước đi. Người gác công đứng dậy hỏi nàng:

— Thưa bà cần gì đó ạ?

THU NGA nhìn rõ anh ta, mình người đầu gà, mỡ to mào tía. Nàng chỉ sợ anh ta cất tiếng gáy báo động, nhưng nàng còn giữ được bình tĩnh trả lời rất tự nhiên:

— Tôi ra ngoài dạo chơi một chút.

Nói xong, nàng ngang nhiên ra cửa, quẹo tay trái, thấy một xe tắc-xi đậu đó liền nhảy lên; nhưng một ý tưởng vụt qua đầu óc, nàng liền thôi, bước ra và lững thững đi bộ. Ý tưởng đèn đầu óc nhanh quá, và nàng cũng thực hành nhanh quá đến nỗi không nhìn được cả đèn người tài xế xem như thế nào nữa. THU NGA cứ lững thững đi trên hè, đang hoàng như một khách nhân du, hết phố này đến phố khác. Đường khuya vắng vẻ gấu như không người. Thỉnh thoảng xe tắc-xi chạy vèo qua. Sau cùng, nàng ra đến đường Thông Nhât, sáng rực như ban ngày. Nàng dừng chân ở góc đường, chợt nghĩ không biết đi đâu bây giờ. Vì tuyệt nhiên nào có ai! Có một cặp khoác tay nhau đi bên kia đường, xa xa nhìn thì thấy người đàn ông đầu hổ và người đàn bà đầu chuột. Không có một người nào là người cá, không biết tin tưởng vào ai để mà hỏi một lời được, THU NGA tưởng chừng như họ mới ở vườn thú được sống chuồng. Tuy đáng điều họ biển lạnh, nhưng THU NGA chợt nhớ tới cái thú tính độc ác thêm thật sống của họ, nàng bỗng hoảng sợ, rảo bước đi mau, rồi dần dần hóa ra chạy nhanh. Trong khi chạy, nàng chạm vào họ, thôi thì đủ giống thú như nàng đã thấy trong sách, trong phim ảnh, trong vườn thú hay trong gánh xiếc, chỉ riêng có nàng sót lại là một mẫu của giống người trên thế giới. Thấy nàng chạy, họ chỉ trở gọi tên bằng quơ, hét nàng đứng lại, hú la hét lạnh, và đuổi theo nàng nữa. THU NGA sợ quá, chạy mãi. Sau cùng, đèn công trường Hòa Bình, thì nàng mệt quá ngã lăn ra trên bãi cỏ và mê đi trong bóng tối...

X I N bà cứ nằm im! Chỉ chích có mũi, giống như mọi khi bà được một chích nhiều lần rồi, không đau đớn chút nào.

Mơ hồ nghe như tiếng nói của bác sĩ quen thuộc lắm à... của bác sĩ đầu chó, THU NGA chợt nhớ ngay ra, thế là bây giờ nàng lại bị cấm tù trong bệnh viện rồi. Nàng không hiểu nàng làm thế nào mà lại đã trở về bệnh viện, nhưng điều đó cũng chẳng cần lắm:



không ở đây thì ở đâu cũng thế cả. Mà ở đây, ở bệnh viện, những cái đầu bò, đầu rắn, đầu gà đầu chó, đầu mèo, đầu khỉ, đầu lợn, được cái lợi hơn là đã quen biết nàng, và nàng đã quen biết, chứ không xa lạ như những cái đầu người thiên hạ.

Mắt nàng lại phải bị băng bó trở lại. Thế cũng được, thế còn đỡ khổ... là phải trông phải nhìn! A! Trông nhìn, mà lại là một cái khổ sao? Điện rồi, con người ta đến lúc nghĩ như thế thì điện mất rồi! THU NGA chưa điên, nhưng tạm thời trong lúc này, mắt băng bó khiến nàng được yên tĩnh đôi chút.

— Thưa bà, — bác sĩ đầu chó nói, — bây giờ bà được yên tĩnh rồi. Không còn khổ sở nữa, không còn làm lớn được nữa! Vì với những cặp mắt kiếng này bà sẽ nhìn đời với đủ cả muôn màu.



B ÔNG băng lại được lần lượt mở ra và vứt đi. Bỗng nhiên, bừng sáng! Thiên nhiên muôn màu sắc hiện ra đột ngột quá! Và THU NGA trông thấy trước mặt là bác sĩ... một bác sĩ thực sự, mặt đẹp như thiên thần, bác sĩ đã cài

tử hoàn sinh cho thị giác của nàng, rồi đèn bên cạnh là một cô nữ y tá, cô nữ y tá thực sự, vẻ mặt rất hiền hậu khả ái, cô nữ y tá đã chăm nom săn sóc nàng trong bấy lâu nay.

— Bây giờ không ai đeo mặt nạ nữa à!

— Thưa bà, — bác sĩ nói — làm công việc tầm thường này, chúng tôi không cần dùng đèn mặt nạ. Chúng tôi chỉ vừa lấy cặp mắt kiếng màu lơ ở trong mắt bà ra mà thôi. Bây giờ có khá hơn trước không, thưa bà?

THU NGA liếc mắt nhìn khắp phòng. Phải, đúng phòng này là phòng bệnh của nàng, đây tủ áo, bàn, lọ hoa, máy điện thoại, giường bệnh, và li, bàn phấn, tất cả đều có đủ màu sắc, rõ rệt chứ không mờ mờ huyền ảo như sương khói nữa. Nhưng... nhất định rằng những việc vừa rồi không phải là ở trong giấc mơ. Chiếc khăn nàng choàng đầu khi ra đi này còn vắt trên thành ghế!

— Hình như... có sự gì lạ đã xảy ra! Hình như tôi đã trốn đi khỏi bệnh viện thì phải!

Cô Cúc nữ y tá liếc mắt nhìn bác sĩ. Bác sĩ gật đầu tỏ vẻ ưng thuận và nói:

— Đúng vậy. Nhưng điều đó tôi không dám trách bà. Vì chính là tôi mới đáng trách. Tôi là người có lỗi: cặp kiếng màu lơ đặt trong mắt bà, đặt sát vào lòng mắt, vì ôm chặt mắt quá nên đã chạm vào một giấy thần kinh thị giác và làm rối loạn cả thị giác lẫn tinh thần bệnh nhân. Nhưng bây giờ thì hết rồi.

Thầy bác sĩ cười nói vui vẻ, THU NGA thấy được an dạ. Và trông thầy có



nữ y tá về mặt hiền hậu, THU NGA như thầy đầy thiện cảm. Nàng nói :

— Thật là kinh khủng ! Tôi không biết nói thế nào để cho người ta hiểu là kinh khủng đến bực nào !

— Thôi, bà cũng chớ cần phải nói thêm gì nữa, và cũng chắc chắn sẽ không có gì mà nói nữa, vì tôi đã cam đoan rằng không có một điều gì nữa sẽ xảy ra cả !

Cửa mở, và chàng sinh viên nội trú bước vào, vẻ mặt rất tươi tỉnh.

— Thưa bác sĩ, bệnh nhân hoàn toàn khỏi rồi chứ ?

— Hoàn toàn, — bác sĩ nói — chắc chắn phải hoàn toàn, lần này.

THU NGA lần lượt nhìn từng người một, nhìn thật kỹ, và tự hỏi không biết cái giây thần kinh thị giác nào đó to lớn bằng bao nhiêu, mà nó lại có cái mãnh lực ghê gớm đến biến ba người này thành ra ba quái vật mà người đầu thú được.

— Bác sĩ mình người đầu chó, cô CÚC mình người đầu khi, còn ông... THU NGA muốn nói chằng sinh viên nội trú, — còn ông thì mình người đầu lợn. Hôm qua, tôi trông thấy rõ ràng như vậy.

Cả ba người đều phá lên cười.

— Cô LAN thì mình người đầu bò, cô 2 cái sừng nhọn hoắt, và cô HUỆ thì mình người đầu rắn hổ mang lúc nào cũng phè phè phun ra thật vào cái lưỡi dài như cái tăm :

Cô CÚC an ủi :

— Cái vinh cái nhục : của nghề thuốc là như vậy đó. Thôi thì bệnh nhân đã gọi chúng tôi bằng đủ thứ tên để chề nhạo hay chửi rủa. Nhưng đến lúc khỏi mắt, sáng mắt, thì họ lại ban cho chúng tôi biết bao nhiêu là phần thưởng, vật chất có, mà tinh thần cũng có.

Cả ba người lại cùng phá lên cười hồn nhiên, vui vẻ. Bác sĩ và sinh viên nội trú rời khỏi phòng. THU NGA biết là mọi sự đều được yên lành tốt đẹp, bèn hỏi cô CÚC.

— Vậy đêm qua đã có chuyện gì thế ? Ai đã tìm thầy tôi ? Ai đã đem tôi về đây ?

— Bà đi đâu đã được xa xôi gì ! Bác gác đồng đã để cho bà ra khỏi công.



Lặng lẽ và kín đáo, bác ta đã đi theo sau bà và đến khi bà vấp ngã mẹ man chính bác ta đã kèm xe đem bà về bệnh viện. Chỉ có người lo sợ nhất, phải một phen hú vía ! sợ một là bị quở trách, hai là bị vỡ mắt lồi com, người đó là cô HUỆ đang phiên gác, mà đã chẳng hay là bà t r ỏ n đi mất !

Vừa lúc đó thì cô HUỆ vào.

— Cô HUỆ ơi ! Tôi thành thực xin lỗi cô nhé ! Tôi thật rất tiếc nếu có xảy ra chuyện gì !

— Em chớ dám ! Em chỉ sợ, nếu có xảy ra chuyện gì, thì chuyện đó chỉ có hại cho đôi mắt đẹp mê hồn của bà mà thôi !

— Cảm ơn cô ! chính mắt cô nguyên vẹn thế kia mới là đẹp chứ ! A ! Mà sao lạ quá, cô xinh đẹp như thế này mà hôm qua tôi lại thấy cô đầu rắn hổ mang thì kỳ thật ? Tôi không sao hiểu được vì đâu lại có chuyện kinh khủng vậy. Bác sĩ mới cắt nghĩa duyên do cho tôi nghe, nhưng tôi biết gì đâu về những tiếng chuyên môn.

Cô CÚC và cô HUỆ đều liếc nhìn ra phía cửa rồi cô CÚC nói :

— Bà ạ, chính bác sĩ cũng mù tịt, không hiểu tí gì đâu, bà đừng tưởng ! Thiều chút nữa thì tiếng tăm tiêu tận hết ! Cặp mắt kiềng đặt vào lòng mắt sát quá, chặt quá. Thật là may mắn cho bà và cả cho bác sĩ. Chắc hẳn là có ơn trên phù hộ nên mới tai qua nạn khỏi được !



Q U Ê N đi ! Quên hết chuyện hôm qua ! Em mong bà quên hẳn câu chuyện kinh khủng đó. Từ nay, bà hoàn toàn khỏi hẳn rồi.

— Tôi cũng mong mỗi như vậy.

Có tiếng chuông điện thoại. Cô CÚC nhắc máy, nghe, rồi trao cho THU NGA.

— Anh ! anh phải không ?

— Anh đây. Thế nào em ? (giọng nói có vẻ đầy lo lắng) đã hai lần anh kêu điện thoại, nhưng bệnh viện chưa cho phép anh nói chuyện với em, khiến anh lo sợ quá. Có điều gì xảy ra vậy em ?

THU NGA trao máy cho cô CÚC và bảo nhỏ bên tai :

— Nói đi ! Cắt nghĩa giùm tôi cho nhà tôi hiểu !

Cô CÚC cảm máy, nét mặt lộ vẻ quan trọng, nắm ngón tay nắm chặt máy mà vẫn run run

— A lô ! ông VIỆT-TIỀN ! kính chào ông ! .. Đây y tá CÚC ! .. Bà nhà ta, đêm qua, đã khiến cho chúng tôi sợ một mẻ hết hồn... vâng ! nhưng bây giờ thì xong rồi, xin ông cứ yên lòng, không có coi đáng lo ngại cả... Dạ, bác sĩ đã thay kiềng mới sáng nay... Nguyên do chỉ vì kiềng đặt sát vào lòng mắt, đặt sát quá, nên có đụng phải một giây thần kinh thị giác... Bây giờ thì bà nhà ta trông rõ cả, và trong như thường vậy... Vâng ! trông như ông và tôi vậy !.. Dạ, bác sĩ có cho tôi biết bắt đầu từ ngày mai, bà nhà ta có thể rời bệnh viện, và tôi, sẽ theo chăm nom săn sóc bà tại nhà ! Dạ... không có chi. Tôi xin đưa máy cho bà...



THU NGA thầm cảm ơn những người đã hết lòng lo lắng, săn sóc cho mình. Tay run run vì xúc động, mặt hân hoan, nàng cảm ông nói mà tưởng chừng như đang đứng kề bên chống :

— A lô ! Anh ! Em vừa qua một đêm kinh khủng ! một giấc mơ dữ dội ! Mà cũng có thể nói đôi với em đó là một sự thực khủng khiếp ! Bây giờ em mới hoàn hồn ! Vì đã hiểu duyên cớ tại đâu rồi !

— Có, anh đã được biết chuyện rồi. Bác sĩ đã kêu điện thoại cho anh. Thiết là may mắn vô cùng ! Chính bác sĩ cũng không ngờ đã tìm ra nguyên nhân. Hội đồng bác sĩ nhóm họp hồi khuya cũng không có kết quả... đến sáng nay... do một sự tình cờ may mắn !

— Chắc từ nay trở đi thì không ai còn bị rui ro như em nữa đâu nhỉ ! Mà chắc em cũng không bị như thế trở lại nữa vì bây giờ, cặp mắt kiềng tốt lắm anh ạ.

— Hy vọng như vậy ! mà em thầy dễ chịu chớ !

— Hoàn toàn, anh ạ. Có hơi mệt một chút.

— Đó là thường... Được, anh sẽ lại bệnh viện một lát nữa.

THU NGA nói chuyện xong, đặt máy xuống và hỏi cô CÚC :

— Có phải bác sĩ đã cho cô hay rằng ngày mai tôi đã được ra rồi phải không ?

— Đúng vậy ! miễn là... (cô CÚC vừa nói vừa cười) đêm nay bà không tròn ra đi chơi phở nữa ! Và bà chịu cho em theo về chăm nom săn sóc một tuần chớ ?

— Dĩ nhiên ! Tôi chỉ lo có cô không chịu thì mới khổ tôi chứ ! Ta thỏa thuận với nhau rồi đó nhé, cô CÚC nhé !

THU NGA thông thả ra ngồi trên giường mà nhìn ra ngoài : cửa sổ mở rộng, ánh sáng tràn ngập đầy phòng, bông trong bình thắm đượm màu sắc tỏa hương dịu dịu. Bên ngoài tiếng xe lửa chạy nghe gần gũi và quen thuộc. THU NGA nghĩ tới mảnh vườn bông nhỏ trước nhà, căn phòng âm cúng xinh xắn của nàng, những công việc thường nhật mà mai đây nàng sẽ bận bịu với đôi mắt mới, một tâm hồn mới.

— Cô CÚC nhỉ ! Ở đời, thực là quý nhất đôi mắt ! Bây giờ tôi mới biết ! Trời ơi ! Nếu tôi bị mù, không chữa được !

— Bà đã được sáng mắt trở lại. Đó là một phép lạ ! khỏi rồi, chắc không có bao giờ đau lại nữa đâu... Bây

giờ tôi được yên lòng rồi, tôi cần phải đi nghỉ một chút. Từ đêm qua, từ lúc đem bà về, tôi đã được nhắm mắt giây phút nào đâu.

— Chết ! Xin lỗi cô nhé ! Vậy cô về phòng ngủ đi ! Để tôi thức cho, tôi thức thay cô mà tự chăm nom săn sóc cho tôi cũng được mà !

— Khi nào bà cần gì, xin ba cứ bấm chuông, em sẽ tới ngay.

Nói rồi, cô CÚC đi ra.

THU NGA đi lại bàn phần, và sửa soạn mọi đồ phần sắp giường lược. Vừa ngồi trang điểm qua loa một chút, nàng vừa nghĩ ngợi... không biết nên mua thứ gì để tặng kỷ niệm cho cô CÚC... Nàng mở lọ nước hoa, xúc một chút lên mái tóc. Hương thơm ngào ngạt tỏa ra khắp phòng và tan lẫn vào ánh sáng... ánh sáng quý hóa, ánh sáng yêu quý THU NGA giờ chiếu gương nhỏ lên

roi, và nhẹ đưa lược chải. THU NGA nhìn kỹ vào gương. Không ! nàng không có nhầm lẫn gì cả : đôi mắt trong gương đương chăm chú nhìn đôi mắt nàng, chính là đôi mắt của một con nai, ngơ ngác trước giây phút hy sinh, và đầu con vật hiến lành đã cúi xuống... khúm núm khuất phục.

N. V. H.

Phỏng dịch DAPHNE du MAURIER

Lời người dịch.— *Biết bao nhiêu câu chuyện, tưởng tượng từ ngày xưa của các nhà văn, đến ngày nay đã trở thành sự thực.*

Đôi với sự tiến bộ về y học hiện tại nhất là về nhãn khoa, chuyện trên đây tuy chưa xảy ra nhưng có thể xảy ra. Bác sĩ chính tay làm cũng không biết, bệnh nhân cũng không biết.

vụ án TRÊ, CỐC

(Tiếp theo trang 25)

Cóc đang ngồi bó gối ở góc tường, thấy Lý Ngạnh quân sự kêu trình và giọng Quan truyền phán có vẻ nghiêng về bên bị cáo như vậy, Cóc tức lắm vội nhẩy ra chỉ mặt vợ Trê mà nói một hơi cho hả dạ, đồng thời lại xỏ ngọt Lý Ngạnh "hùm mọc cánh, dạy khỉ leo cây, xui nguyên giục bị" !

Quan Phủ có lẽ cũng chạm lòng « tự ái » một chút nên dùng cái lối « cả vú lấp miệng em » rằng :

... Bay chớ lắm điều :

Việc quan chẳng lọ nhiều kêu mới là
Lệ đâu ! đời mấy thấy nha,
Cho đi khám nghiệm, điều tra mới
tường.

Trê kia quả có tình gian,
Cứ trong luật pháp y đơn mà làm !

Thật là lời thôi quá ! Quan Phủ, nghi cho nguyên cáo là chàng Cóc nói láo, nên phái mấy thầy nha lại đến tận trường sở « Ao Trê » tại xã Thanh-Trì là nơi đã xảy ra vụ tranh tụng này để làm « Công-sít-ta » lập biên bản khám xét, thu lượm tang chứng, quan sát tình hình xem lời khai của Cóc có đúng không.

N. V. ÍCH

Kỳ sau : Cuộc khám nghiệm khá lý thú tại Ao Trê. Trê thắng thế kiện ngược lại Cóc ! Cóc bị giam, vợ Cóc mời Nhái Bền làm quân sự và cuộc tranh tụng đến hồi quyết liệt !!!

VỤ ÁN TIDINGS

Sưu tầm của HOÀI - BẢO

MỘT hôm, một đại phú gia ở New Canaan (Connecticut Mỹ quốc) ở nhà ra đi. Vì ông ta sống độc thân, và lại những người giúp việc cho Ông chỉ vền vẹn có vài người, trong đó có Bà quản gia tên Harper, nên lắm khi ít ai biết thời gian và mục tiêu hành trình của Ông ta. Và cũng như mấy lần trước, không ai để ý đến sự vắng mặt của Ông ta lần này.

Nhưng từ hôm ấy, Ông TIDINGS không khi nào trở về nhà nữa. Một thời gian sau, Bà HARPER nhận được một phong thư gửi đến nhà cho biết hệ số tử sát và bảo Bà ta hãy dùng hệ số mở tủ lấy một hộp sắt trong đó, mang lại để nơi tầng đá ở ngã tư đường PARKWAY ở ngoại ô CANAAN. Thư này lại viết trên một phong bì cũ đã có sẵn địa chỉ của Ông TIDINGS. Tuồng chữ thì thật là tuồng chữ của Ông ta nhưng lời lẽ trong thư và sự vắn tắt của bức thư tỏ rằng Ông ta đã bị bắt buộc viết bức thư ấy. Bà HARPER nghi ngờ ngay rằng Ông TIDINGS đã bị bắt cóc. Bà điện thoại cho Sở Cảnh Sát và Sở Cảnh Sát tin lại nội vụ cho cơ quan F.B.I.

Cũng cùng trong ngày, cơ quan F.B.I. tìm được thi thể Ông TIDINGS trong một căn nhà hoang vắng trong địa hạt New York. Trong lúc đi bán chim, hai em trẻ đã dòm qua một cửa kính bẽ của căn nhà hoang này và thấy Ông ngồi gục trên một chiếc ghế. Dưới chân Ông lại có một vũng máu. Những nhân viên F.B.I. lại bắt tay vào việc.

Họ bắt đầu tháo thập tất cả tang vật bằng chứng cần thiết cho cuộc điều tra. Trên bức vách ván, một viên đạn đã xuyên sâu và nằm trong ấy. Họ cưa ra và cẩn thận gói ghém miếng ván mang đầu đạn Cận ngôi nhà có lần dầu bánh xe hơi. Họ đặt khuôn lên đây và đổ chất thạch cao vào để cho

khô rồi tháo lấy. Trên sàn gỗ, những dấu máu được vật bằng một lưới dao bén sắc và đặt cẩn thận vào một cái hộp để gửi về viện giáo nghiệm F.B.I. Các giấy tờ lấy trong túi áo Ông TIDINGS đều được giữ gìn cẩn thận để sưu tầm dấu tay không những của kẻ sát nhân mà cũng của tất cả mọi người có sờ tay vào đây. Những dấu gót giày tìm thấy phía ngoài ngôi nhà cũng được đổ bột, đúc khuôn và làm dầu cặn kẽ để biết vị trí đối với ngôi nhà. Các nhân viên đặc biệt đều ký tên và để ngày lên trên các khuôn ấy. Ngoài ra, còn hai dẫn chứng khác nữa. Một chiếc xe hơi đã cọ xát vào một thân cây gần đây và sơn xe đã dính vào một ít nơi đó. Nhiều đoạn chỉ đang mắc lơ lửng trên một cành cây. Những tang vật về vụ ám sát TIDINGS nói trên đều được đưa về viện giáo nghiệm F.B.I. : đầu đạn, vết máu dầu bánh xe, dấu gót giày, vết sơn, những đoạn sợi chỉ và giấy tờ của nạn nhân.

Tại viện giáo nghiệm, đầu đạn được trục ra. Chuyên viên cẩn thận nghiên cứu vết dầu chung quanh viên đạn. Đầu đạn được so với các mẫu đạn tại viện : Sự so sánh cho biết là đạn ấy cỡ lòng 30. Những lần ốc xoáy của lòng súng khắc vào đây đều được đem so sánh với các mẫu đạn do các Kỹ nghệ Mỹ châu chế tạo. Sự so sánh chứng tỏ là đạn ấy bắn ra do một khẩu súng loại 99 savage, lòng 30-30.

Khi chuyên viên phủ lên 1 chất hóa học trên giấy tờ của nạn nhân, dấu tay nổi hẳn cả ra. Tài liệu này liền được đem so sánh với các mẫu ở tầng thư căn cước. Thẻ dầu tay của TIDINGS của tầng thư liền được đưa ra so sánh với các dấu tay trên giấy tờ của y.

Cũng cùng trong lúc các công việc trên đang xúc tiến thì lại tháo thập được nhiều dẫn chứng khác

Hai em trẻ thầy thi thể Ông TIDINGS trong ngôi nhà hoang xác nhận có thầy Ông Arthur Miller, một người láng giềng của hai em, đi vào khu rừng cận ngôi nhà và có mang theo 1 khẩu súng trường. Nhân viên đặc biệt thăm vắn ngay tên Miller. Trong phòng y nhân viên hữu trách có tìm thấy một khẩu súng trường hiệu savage cùng loại và cùng cỡ súng đã bắn viên đạn đầu được. Đồi vớ dính máu của y lại tỏ cáo y một cách rõ ràng hơn nữa. Nhưng y phản kháng và khai rằng y có sẵn được một con nai và máu nai đã vấy lên vớ. Súng và đồi vớ của y đều gửi tới viện giảo nghiệm và nhân viên bắt đầu theo dõi y.

Tại viện giảo nghiệm dầu sơn xe cạo ở thân cây được đem đốt trong một máy điện « Spectograph » để phân chất và nhờ sự phân chất, cơ quan hữu trách có thể biết thứ sơn ấy thuộc hãng nào làm ra. Sự so sánh mẫu sơn thân được với các mẫu sơn của tầng thư có thể minh định hiệu xường, năm sản xuất và loại xe đã được kẻ sát nhân dùng trong vụ này. Để được chu đáo hơn, một chuyên viên lại nghiên cứu và so sánh thêm « nét sơn » với các màu sẵn có.

Một chuyên viên khác lại nghiên cứu dầu bánh xe đã được đúc bột với các mẫu trong tầng thư.

Cuộc nghiên cứu chứng tỏ rằng chiếc xe kẻ sát nhân đã dùng trong vụ này là một chiếc Plymouth sơn màu xanh đậm. Một phiếu nhận dạng chiếc xe liền được phổ biến cho các cơ quan cảnh sát. Cơ quan này phúc trình rằng một chiếc xe hợp với phiếu sưu tầm đã được thấy trong một bến xe công cộng. Dầu bánh chiếc xe này giống y dầu bánh xe đã thâu thập tại phạm trường. Cơ quan hữu trách liền lục lạo theo dõi chiếc xe kia. Khi tìm được, nhân viên lại lượm trên chiếc xe này một chiếc khăn tay dính đầy sơn đánh môi. Ở ghế sau lại có 1 sợi tóc và một cái áo đi sẵn cuộn tròn để dưới sàn xe. Tất cả tang vật này liền được gửi đến viện giảo nghiệm ở Washington.

Tại đây ban phụ trách về « tóc » và « chỉ » cắt một ít chỉ nơi áo và so với các đoạn mẫu chỉ đã tìm được nơi xảy ra vụ án mạng. Chuyên viên so sánh cẩn thận hai mẫu chỉ, ghi chép số lượng chỉ nằm trong mỗi phân, loại dệt và đường chỉ cùng cách dệt. Xong, họ rút nhiều đoạn chỉ nơi mỗi mẫu và đánh dấu K (known : đã biết) trên mẫu của vụ án và Q (questioned : dấu hỏi) trên mẫu cắt ở chiếc áo ra. Thuộc nhuộm trên hai mẫu sợi liền

được trục ra do một chất hóa học và hai thứ thuộc nhuộm liền được đem ra so sánh trong một máy Spectrophotometer. Các dầu sơn trên chiếc khăn tay cũng được phân chất trong một máy spectrograph và đem so sánh với các mẫu sơn của tầng thư. Sưu tầm qua các nhà hàng buôn loại sơn này, cơ quan hữu trách lần lần minh định được rằng người mua thể sơn nói trên là một kẻ vô danh hiện trú ngụ tại một châu thành nhỏ gần nơi xảy ra vụ án mạng. Nhân viên đẩy công tìm kiếm và cho hỏi các khách hàng của loại sơn này trong các tiệm buôn. Một trong những người bị theo dõi là cô Edna Benson, làm chiều đãi viên trong một nhà hàng ăn. Cô ta tỏ vẻ hoảng sợ khi nhân viên hữu trách hỏi cô đã biết gì về vụ bắt cóc Ông TIDINGS. Cô ta trả lời mâu thuẫn lắm lúc lại không minh bạch. Khi từ giã, một trong số nhân viên lanh tay xoay sợi tóc của cô ta. Trong lúc chờ đợi, cô ta bị theo dõi ráo riết.

Hai sợi tóc, của cô Edna và trong chiếc xe hơi đều được nhúng trong sáp và cắt ngang để nghiên cứu. Kích tấc và đặc điểm của hai sợi tóc rất giống nhau. Kết luận là sợi tóc trên xe rất có thể là của Edna.

Trong lúc xúc tiền các công việc nói trên thì các nhân viên đặc biệt đem súng trả lại cho Miller và bảo cho y biết rằng y không bị tình nghi trong vụ án và sau đây là những yếu tố đã minh oan cho tên Miller.

Những vết máu trên chiếc vớ của Miller được cắt ra, bỏ vào một ống thủy tinh có đựng chất hóa học. Khi những mảnh vải dính máu đã thấm chất hóa học thì ống thủy tinh được đặt vào một máy ly tâm. Sau khi cho máy ly tâm chạy xong, chất nước trong nổi trên mặt ống được hút ra và bỏ vào 1 ống thủy tinh thứ 2, trộn với một chất « serum kỹ máu người ». Giữa 2 chất này hiện ra một màng nước đục chứng tỏ rằng những vết máu trên vớ không phải là máu người.

Súng của Miller được cho bắn thử vào một gói bông gòn. Xong, viên đạn được trục ra và so với viên đạn đã tìm được. Chuyên viên đã dùng một máy hiển vi để nghiên cứu. Vết tích trên 2 viên đạn khác hẳn nhau chứng tỏ rằng viên đạn tìm ra trong căn nhà xảy ra vụ án không do súng của tên Miller bắn ra.

Trong viện giảo nghiệm, sự so sánh giữa thứ sơn môi dính trên chiếc khăn tay và thứ sơn môi

do Edna Benson dùng là đồng loại, và đèn 2 sợi tóc cũng đồng loại. Trước sự chứng minh này, Edna đã hết tinh thần và thú nhận là cô ta đã có góp phần trong công việc bắt cóc Ông TIDINGS. Cô ta có mặt trong lúc bạn cô là George Foster cùng một đồng lõa là Steve Mason bắt TIDINGS và buộc Ông ta lên xe. Cô ta ký vào tờ khai, buộc tội cho hai gã nói trên.

Cô Edna Benson cũng thuận đưa nhân viên F.B.I đến chỗ ẩn của hai tên kia. « Chúng nó trú ở đây kia », cô ta trở một căn nhà có vẻ khá giả trong lúc xe cảnh sát đi qua một quãng đường. Nhân viên F.B.I. liền chuẩn bị đột nhập chớp nhoáng Vì là những kẻ sát nham có võ trang, vả lại trong thế bí nên nhân viên F.B.I. cẩn mật để phòng phản ứng, nhưng nhà đã bị vây kín, các cửa ra vào canh cẩn thận nên hai gã đã bị bắt.

Trong một chiếc tủ, người ta tìm thấy một đôi giày dính đầy bùn và gót giày tựa tựa giồng mấu đúc tại nơi vụ án mạng. Đôi giày này lập tức được gửi đến viện giảo nghiệm. Phòng giảo nghiệm sau khi nghiên cứu tuyên bố là những dấu giày tại nơi vụ án mạng là do đôi giày vừa kiểm được in ra. Để sự xác nhận được vững chắc hơn người ta lấy

một ít đất bùn dính ở giày đem phân chất cùng với một ít đất bùn nơi án mạng tại một phòng chuyên nghiên cứu các chất khoáng chất. Phòng này cũng đồng tuyên bố là 2 thứ bùn bản chất đồng loại. Trước những dẫn chứng rõ ràng, Mason và Foster thú nhận tội lỗi.

Nội vụ đã xảy ra như sau : Trong lúc giam cầm Ông TIDINGS trong gian nhà thì Mason đứng ở ngoài đề canh gác. Nhưng vụt Ông TIDINGS tẩu thoát nên Mason hạ sát Ông ta. Trong lúc ấy Foster cùng Edna Benson bận một công việc khác. Khi trở về cơ sự đã rồi nên chúng bắn thêm vào thi thể Ông ta, giàu súng gần đây, bỏ chiếc xe và cùng nhau trốn vào căn nhà nói trên cho đến khi vụ án đổ vỡ. Một bằng chứng khác lại được khai thác thêm trong vụ này. Chuyên [viên nghiên cứu đầu đạn đã thí nghiệm và tuyên bố viên đạn bắn thử với cây súng của tên Mason có những vết tích giồng y với vết tích trên viên đạn tìm thấy trong vụ án mạng. Không còn sai đâu được nữa, cây súng của Mason quả là cây súng đã giết Ông TIDINGS.

Hoài Báo

COMPAGNIE

GÉNÉRALE DE COMMERCE

(L. RONDON & Co L.T.D.)

9, Đường Trịnh - Minh - Thè

Tél. 21.081 - 20.400

HÀNG LÝ - HẢI

Thủ Thác Hàng Hải

Vận Tải Hàng Hóa

52, Đoàn - Nhữ - Hải — Saigon

Đ. T. 302 Saigon

CỨU-TINH

(Tiếp theo)

của Thành Phố Luân-Đôn

sở phòng tìm việc ở địa phương và nói rằng anh ở một cơ quan Tin Lành chuyên về phần đạo của những công nhân tại các công trường. Anh đưa ra nhiều sách Thánh Kinh làm bằng và hỏi hiện tại địa phương có công trường xây cất tạo tác nào đang tiến hành không. Anh được chỉ đến một công trường tạo tác ở Auffay, cách Rouen 20 dặm.

Một tiếng đồng hồ sau, người ta đã thấy Hollard tại Auffay, mặc một bộ đồ xanh công nhân. Có 4 con đường dẫn đến thành phố, anh đã thử đi trên ba đường đều không thấy gì, đến con đường thứ tư thì thấy có nhiều thợ thuyền đang làm việc. Mọi người rộn rịp đổ bê tông và nhiều công trình xây cất đang được mọc lên.

Anh đi trà trộn vào đám người, nhào đại vào cầm lấy một chiếc xe cút kít không có người đẩy và đẩy tới Không ai chặn anh lại. Phần đông những thợ không biết nói tiếng Pháp có vài người biết thì bảo anh rằng họ đang xây cất một cơ xưởng xe hơi. Nhưng không phải, vì các cơ cấu đang xây rất nhỏ bé. Hơn nữa tại sao lại xây cất xưởng xe hơi ở xa châu thành những bao nhiêu dặm đường? Anh lại thấy đặc biệt nhất là một cái gì như một đường bay dài chừng 50 thước đang được đổ bê tông. Lấy địa bàn ra xem, anh thấy đường bay hướng về phía Luân Đôn. Đến khi được biết thêm rằng các thợ ở đây đều chia ra ba phiên làm việc suốt ngày đêm thì anh vội bỏ về để đi báo cáo cho Hồng Minh.

Ở Luân Đôn, bộ Tư Lệnh Đồng Minh, kể cả Thủ tướng Churchill và Đại Tướng Eisenhower, đều rất băn khoăn về công việc mà bọn Đức đang tiến hành. Trước đó, đã có tin nhận được từ Peenemunde rằng loại máy bay không phi công

của Đức đang được chế tạo, và tại bờ biển Bornholm, một người Đan Mạch đã vô tình tìm thấy xác của một thứ « khí giới » kỳ lạ đúng là ở trên trời rơi xuống. Hình như người ta đang chế tạo một loại bom hay máy bay mới, nhưng đặc tính như thế nào và tầm quan trọng ra sao thì không ai biết.

Trong khi đó thì phức tạp của Hollard tới như một trái bom nổ giữa bộ Tư Lệnh Đồng Minh. Hollard được mệnh lệnh lập trung công tác vào vấn đề, tạm ngưng tất cả mọi việc khác. Cùng với 4 người bạn nữa, Hollard bèn khởi sự đạp xe đạp đi ngao du khắp vùng Bắc nước Pháp, nhưng không ngoài sự dò tìm những chi tiết khác lạ nữa liên quan đến các công trình xây cất trên. Dần dần anh khám phá ra có hơn 60 công trường xây cất bí mật của Đức cùng một tính cách như nhau. Đến khoảng giữa tháng 11, anh lại tìm thấy hơn 40 chỗ nữa tất cả đều nằm trong một hành lang dài gần 200 dặm, rộng 30 dặm và tất cả đều hướng về phía Luân Đôn. Nhưng đó là những cái gì?

Trong công việc tình báo, thường sự may mắn vẫn đưa người ta đến những kết quả tốt đẹp không ngờ. Hollard làm quen được với một người Pháp khác tên là André làm tại văn phòng của một sĩ quan Đức phụ trách một công trình xây cất tương tự ở Bois Carré Viên sĩ-quan Đức này luôn luôn đề họa đồ của công trường trong túi áo ngực của y và không bao giờ rời chiếc áo đó ra cả. Nhưng André để ý rình mò, và biết rằng sáng nào cũng thế, cứ khoảng 9 giờ, là viên sĩ quan cởi áo khoác lên thành ghế và bỏ đi vào cầu tiêu trong vòng 5 phút. Sau nhiều ngày để ý, một sáng kia André đã tìm cách lấy được bản họa đồ đó. Lập tức ngày

hôm sau, André bỏ sở đến tìm Hollard. Sau khi đem so sánh họa đồ này với những tài liệu khác mà các nhân viên phụ tá của Hollard làm ở các căn cứ khác đã tìm cách đánh cắp được, thì anh được biết đây là cả một chương trình xây cất vĩ đại của kế hoạch lập căn cứ phóng bom bay V.1 của Đức.

Bức họa đồ đó chính là mảnh tài liệu nằm trong bị khoai tây của Hollard đang vác sáng hôm đó trong khi vượt biên giới sang Thụy Sĩ để tìm cách đưa về Luân Đôn. Ít lâu sau, Luân Đôn đánh điện sang khen tặng anh, và người Anh buộc anh phải ở lại Thụy Sĩ, không về Pháp nữa, sợ nguy hiểm cho anh. Nhưng chỉ được ít lâu, vì tính hiếu động, vì nhớ đến những người bạn cộng tác đang hoạt động, anh lại tìm cách trở về đất Pháp. Nhưng rủi thay, vài tháng sau, anh bị quân Đức bắt. Nhưng chúng không thể lấy được lời khai thật của anh, và vì không có bằng chứng gì cụ thể anh được tha tội xử bắn, nhưng bị đem đi đày ở một trại tập trung gần Neuengamme.

Khi chiến tranh gần chấm dứt quân Đức đem hết tù nhân trong trại-xưởng một chiếc tàu chở lên miền Bắc Hải. Chúng hy vọng máy bay Đồng Minh sẽ khám phá ra chiếc tàu và đánh đắm. Nhưng anh lại được chuyển sang chiếc tàu Hồng Thập Tự của Thụy Điển.

Bộ Tư Lệnh Không Quân Hoàng Gia Anh phái một chiếc máy bay đến đón anh về Luân Đôn. Anh được thưởng Chiến Công Bội Tinh, một bội tinh danh dự cao nhất của Quân Đới.

Ngày nay, Hollard vẫn còn sống và làm cho một công ty bán đồ dụng cụ về điện. Nói về thành tích của anh trong Đệ Nhị Thế Chiến Đại Tướng Brian Horrocks, Chỉ Huy Trưởng Quân Đoàn Giải Phóng thứ 30 của Anh, đã nói :

« Không ai có thể bình phẩm được chút gì về cái Chiến Công Bội Tinh mà Quân Đới Hoàng gia đã trao tặng anh cả. Vì chính thực ra anh là người đã cứu Luân Đôn khỏi bị tiêu diệt, anh là vị Cứu Tinh của Thành Phố Luân Đôn vậy.

N. Đ.

CÁC SỐ THỐNG KÊ

TẠI Âu châu, trong số 250 người dân, người ta tính ra trung bình có 1 nạn nhân về tai nạn lưu thông.

Trên đất Mỹ, các bản thống kê chỉ cho thấy có một người bị chết trên các trục giao thông vì tai nạn xe cộ mỗi 13 phút đồng hồ và mỗi khi ta lần tay đếm thử xong 23 giây đồng hồ (23^{seconds}), thì lại có một người dân Mỹ khác bị thương tích cũng vì tai nạn xe cộ.

Riêng về phần trên lãnh thổ nước Pháp, có lẽ ít hơn các con số trên đây, mỗi ngày tính ra đồ đồng có 500 vụ điều tra về tai nạn lưu thông, trong số có 25 người ngã gục trên tay lái.

Trong các mùa nghỉ hè, khi dân cư rời các đô thị để đi về đồng quê và các bờ biển, mỗi buổi sáng lúc bầu trời quang đãng hấp dẫn lòng người đi ra để toan hưởng thú bên ngoài, thì có ít nhất 25 người du ngoạn ấy tính trước như đã bị án tử hình. Đặc biệt, lịch sử nước Pháp có ghi một ngày kỷ niệm đau đớn nhất, là ngày 30 Septembre 1956; trong ngày này các Sĩ Hiến Binh Pháp đã điều tra tất cả 60 vụ tai nạn có chết người, và 1.200 vụ tai nạn lưu thông khác, có người bị thương hoặc nặng hoặc nhẹ.

CÁC NẠN NHÂN LÀ AI?

Nạn nhân các vụ tai nạn lưu thông xảy ra hằng ngày thuộc về phái nào? Phái nam hay là phái nữ?

Chắc chắn hầu hết các nạn nhân đều thuộc về phái nam, và xin nói rõ thêm thuộc về các hạng người còn trẻ tuổi.

Theo các thống kê, xin nêu ra các chi tiết sau đây:

— Mỗi khi đã xảy ra 12 vụ tai nạn có chết người, thì có 11 người bắt hạnh thuộc phái mạnh.

Luận về số nạn nhân thuộc phần tử phái yếu, thì được biết năm 1957, toàn lãnh thổ nước Pháp đã cấp tổng cộng là 610.000 giấy phép lái xe, trong số đó, hàng phụ nữ đã chiếm con số 156.000.

Bản thống kê tai nạn lưu thông thuộc về phái yếu, có lẽ nói ra một việc khá quan cho phái này.

Trong số 550/0 thuộc về tai nạn vô sự, nghĩa là tài xế không bị thương tích, 30% dính líu với tài xế phụ nữ.

PHÂN TÁCH CÁC HẠNG NẠN NHÂN

— Nạn nhân thuộc về hạng tuổi từ 25 tới 50 chiếm tỷ lệ 300/0 của tai nạn tổng quát.

— Hạng thanh niên tuổi đi từ 15 tới 24 chiếm tỷ lệ 90 0/0 của số tai nạn tổng quát (đa số sử dụng loại xe hai bánh)

— Người tử nạn về loại xe hai bánh tính ra bằng hai số người tử nạn về xe hơi 4 bánh

— Nạn nhân thuộc hạng người đi bộ phần lớn gồm có:

a) hoặc trẻ con từ 5 tới 14 tuổi

b) hoặc những phần tử lão thành trên 60 tuổi.

PHÂN TÁCH NGUYÊN NHÂN TAI NẠN

A. Không tuân hành dấu hiệu

Trong số 141.737 tai nạn xảy ra, người ta nghiên cứu về phương diện không tuân hành dấu hiệu lưu thông và được biết:

— 36.549 tai nạn xảy ra ở các ngã tư đường

— 18.393 tai nạn xảy ra ở các khoảng đường cong.

— 76.774 (hơn phân nửa) tai nạn do xe đụng nhau đang lúc chạy, trong số này, 1/4 số có chết người.

NHỮNG NGUYÊN NHÂN

B. Thời gian tính của các loại tai nạn

Các tai nạn xảy ra nhiều nhất trong những giờ tan sở; công chức và tư chức mãn việc dùng các loại xe chen nhau trên đường về nhà mau lẹ, nên thường gây ra các cảnh kẹt xe và dồn lại, ví dụ 12-14 giờ, 17-18 giờ Đường đi từ sở làm về nhà có khi dài cả 100 cây số ngàn.

Số tai nạn xảy ra: 13 0/0 của số tổng quát.

Ban đêm, tỷ lệ số tai nạn là 30 0/0 của số tổng quát; con số này được giải thích bằng các yếu tố mệt mỏi của tài xế, yếu tố thiếu ánh sáng để tránh chướng ngại vật trên đường, yếu tố tốc lực xe quá nhanh để thấu ngắn đường lại, yếu tố chói mắt bởi đèn xe không được gắn đúng cách, hoặc tài xế không đổi đèn đúng lúc khi có xe từ trước mặt chạy lại.

NGUYÊN NHÂN ĐẠI KHÁI CỦA CÁC TAI NẠN LƯU THÔNG

Các nguyên động lực gây ra tai nạn lưu thông thuộc về 3 phương diện đại khái sau đây:

— Máy móc

— Địa thế

— Người

TAI NẠN LƯU - THÔNG

1 - Nguyên nhân thuộc về máy móc

Các tai nạn do phần máy móc gây nên, chiếm con số trung bình 9 o/o, trong các trường hợp kể ra sau đây :

— Thắt xe đứt, bể hoặc không có hiệu xuất đúng mức trong khi xe chạy với các tốc độ cao ;

— Đèn phares bị tắt thình lình hoặc không đem lại đủ ánh sáng cần thiết ;

— Những vỏ xe mòn, nổ trong khi xe chạy ;

— Xe chở quá sức nặng ấn định cho loại xe, về hành khách hay là hàng hóa, sức nặng phân chia không đều nhau, khiến cho xe mất thăng bằng, khó kềm chế trong lúc xe chạy mau.

2 - Nguyên nhân thuộc về địa thế và thời tiết.

Tình trạng đường xá là một việc đáng kể nhất trong việc gây ra tai nạn

Trong số 100 tai nạn bị thiệt hại về vật chất, phỏng độ có thể phân chia ra :

— 40 tai nạn xảy ra ở những điểm đặc biệt, ví dụ như ngã tư đường, đường chật hẹp khó cho hai xe tránh nhau, khoảng đường lên cầu xuống cầu, đầu giốc, xuống đèo, đường mù rùa, chướng ngại vật bất thường dựng lên trên đường.

— 29 tai nạn xảy ra trong ban đêm

— 21 tai nạn xảy ra bởi đường ướt và trơn trượt ; bánh xe lăn không bắt xuống mặt lộ.

— 10 tai nạn do điều kiện thời tiết xấu gây ra (sa mù, trời mưa v.v.)

3 - Nguyên nhân thuộc về người lái xe.

Khi xảy ra tai nạn xe cộ, cuộc điều tra thường chỉ cho thấy, hoặc là bởi người tài xế tự phạm lỗi về luật lưu thông (86 o/o), hoặc là bởi tình trạng thể xác bị suy nhược thình lình, khiến cho con người lâm vào tình trạng phạm lỗi (19o/o), đưa đến sự đáng tiếc.

Trong số 100 tai nạn có người bị thương tích, 86 vụ phạm lỗi được chia ra về các nguyên do được biết kể ra như sau :

— Không tuân theo quyền ưu tiên của kẻ khác 23

— Chạy với tốc lực gọi là nguy hiểm 13

— Qua mặt bất thường. 7

— Hành động quá nhanh không báo hiệu trước cùng là báo hiệu không rõ rệt 7

— Lưu thông theo các chiều cấm 7

— Quẹo bất chấp luật lệ (ví dụ về chữ U trên đường lộ). 6

— Chạy quá tốc độ cho phép 5

— Không nhường người đi bộ 1

— Không tuân hành theo dấu hiệu lưu thông 1

— Đậu xe trái phép ở chỗ cấm 1

— Người cỡi xe đạp đi ngược chiều với xe khác 1

— Các sự phạm lỗi khác không phân tách được nguyên nhân rõ rệt 14

NHẬN XÉT

Trong những vụ phạm lỗi của tài xế gây ra tai nạn có tử thương, phần nhiều là bởi tại xe chạy quá mau (35 o/o) và tài xế phủ nhận quyền ưu tiên của kẻ khác (16 o/o), tổng số là 51 o/o đối với số tai nạn tổng quát.

Người ta cũng không quên đề cập tới các người sử dụng công lộ thiếu ý thức, ví dụ người băng ngang qua đường không kể dấu hiệu đèn hay là dấu hiệu của Cảnh sát viên điều khiển sự lưu thông, không dùng hành lang đóng đinh dành riêng cho người đi bộ, người đi bộ đi bên tay trái, người đi trên lề đường thình lình bước ra đường cái không thấy xe chạy tới; những nhân công có phận sự làm việc trên đường cái không cần thận báo hiệu trong những giờ lưu thông đông đặc trong ngày, người

(Xem tiếp trang 53)

L UẬN về hai chữ anh hùng, chúng ta cảm thấy khó lòng mà quy định được thế nào là anh hùng theo nghĩa chính xác của nó.

Sách Nhân-vật-chí chú giải : « tinh-tú của loài cỏ cây là ANH, giống thú tốt bậc khỏe trong đàn là HÙNG » (Thảo chi tinh-tú giả, vi anh; Thú chi bạt quân giả, vi hùng) Nhưng đây chỉ là cắt nghĩa, phân tách ra từng danh-từ mà thôi. Nếu đem áp dụng vào trường đời, hai chữ anh hùng mở ra nhiều nghĩa khác khá rộng mà ta có thể nêu ra ít nhiều trường hợp sau đây :

— Kẻ nào nghèo khó, tấm thường nhưng thầy giàu sang bắt

Kẻ nào gặp lúc đắc ý, nắm quyền sinh tử trong tay mà quên oán cũ thù xưa, lại bao dung rộng rãi, kẻ đó là kẻ có *độ lượng anh hùng*.

— Kẻ nào có kỳ vọng cao xa, mưu đồ xoay lại sơn hà, tạo thời thế mới, kẻ đó là kẻ có *hoài bão anh hùng*.

— Kẻ nào xông pha tên đạn, diệt trừ ngoại xâm, đưa quốc-gia đến chỗ hùng cường phú túc, kẻ đó là kẻ có *sự nghiệp anh hùng*.

Bởi chữ anh hùng có nhiều nghĩa rộng nên Nguyễn-Du khi nhắc đến Từ-Hải trong truyện Kiều, ông đã phê bình cử động

và hợp đạo lý hơn. Như thế Từ Hải đã mang trong người cả hai loại anh hùng : *Hành động anh hùng, và hoài bão anh hùng*.

Tào-Tháo, luận anh hùng với Lưu-Bị trong một bữa rượu nhắm mơ xanh ở hậu dinh, có tả người anh hùng theo lý tưởng Tháo : « Người anh hùng ở đời như con rồng, có lúc to, lúc nhỏ, lúc bay lúc nấp. Lúc bay thì tung mây phun mù, lúc nấp thì thu hình xếp cánh ; lúc to thì bay khắp trong trời đất, lúc nhỏ lại thì ẩn im lìm trong đáy bể nguồn sâu. Mùa xuân, rồng gặp khí ôn hòa của trời đất thì biến hóa vô cùng, khác nào như người ta, lúc gặp vận thì tung hoành bốn bể. »

Qua nhận định về người anh hùng của Tháo, ta thấy ông đứng vào hạng người có *hoài bão anh hùng* nhưng không là người có *hành động anh hùng* như Từ-Hải. Tháo chỉ dựa vào cơ hội như rồng gặp được khí xuân thì biến hóa vẫy vùng, làm nên uy danh hiển hách mà coi khinh thường nhân vật trong thiên hạ, chứ không làm được cái việc rửa nỗi bất bình cho thiên hạ như Từ Hải, do lẽ đó mà Tháo không có được trong người cả hai thứ anh hùng như họ Từ.

Trên đây là bàn rộng về hai chữ anh hùng mà phân loại theo sự nhận định thông thường. Sự phân loại để nhận định này tuy có cái lợi là làm rõ ràng tách bạch từng điểm ra, nhưng cũng có cái bất lợi là phân tách ra từng điểm thì làm người có thể mang được cái danh anh hùng, bắt quá chỉ cần có làm được một điều thực trội hơn đời mà thôi, và điều đó có mang lại kết quả ích lợi cho giang sơn đất nước hay không cũng không cần thiết. Do đó mà ý nghĩa « cao cả vĩ đại » của hai chữ anh hùng cảm thấy nhẹ đi,

Chỉ có

BẠC ANH-HÙNG MỚI LÀM NÊN LỊCH-SỬ

★ ĐẠI - SƠN

chính lại không màng, thân nhiên giữ áo đứng dậy như giữ bụi cát, kẻ đó đúng là kẻ có *khí khái anh hùng*.

— Kẻ nào trông thấy cái chết mà dám nhảy vào để cứu kẻ khác sống, kẻ đó là kẻ có *hành động anh hùng*.

— Kẻ nào dám hy sinh đền tuyệt nghiệp, đền bỏ mạng vì theo đuổi chí hướng, hay là thà cầm miệng chịu chết mà không để liên lụy cho đồng đội, kẻ đó là kẻ có *gan dạ anh hùng*.

của họ Từ qua lời họ Từ bảo Kiều :

« Anh hùng tiếng đã gọi rằng
Giữa đường đâu thấy bắt bằng mà
tha »

Hay là câu :
Khen cho con mắt tinh đời,
Anh hùng đoán giữa trần ai mới già.

Phải chăng, Nguyễn tiên sinh đã căn cứ vào khí phách ngang tàng của họ Từ sẵn sàng rửa nỗi bất bình của xã hội bấy giờ đè nén trên số phận nàng Kiều cũng như đè nén trên trăm ngàn người khác,ngõ hầu tái tạo một xã hội công bằng

không còn được đòi cực lực tôn trọng nữa.

Cho nên để xác định nghĩa hai chữ anh hùng lại với một tính cách chặt chẽ có mục đích là làm tăng sự tôn trọng hai chữ anh hùng, cô nhân đã đặt ra một câu có ý nghĩa cụ thể (để không lấm lân với danh từ anh hùng碌碌). Câu đó là :

« Anh hùng tạo thời thế ;

« Thời thế tạo anh hùng

Hai câu này vừa là nguyên nhân lại vừa là kết quả tự nó có ý nghĩa mật thiết không tách rời nhau ra, vì có điều kiện anh tài mà không có điều kiện thời thế hay có điều kiện thời thế mà không có điều kiện anh tài thì cũng không thể nào tạo nên bậc anh hùng được.

Vậy thì, đạt được đến sự nghiệp anh hùng quả thật khó lắm thay !

Ở nước Việt Nam ta, từ nhà Tây Sơn trở về trước, ta thầy có Hai bà Trưng, bà Triệu, Ngô Quyền, Lý Thường Kiệt, Trần Hưng Đạo, Lê-Lợi, Nguyễn Huệ là bậc anh hùng.

Còn từ Triệu Nguyễn trở về sau người anh hùng là ai ?

Chắc hẳn chúng ta phải nghĩ đến NGÔ CHÍ SĨ, một người đã ngang nhiên đứng ra đảm nhận trọng trách lãnh đạo Quốc gia trong một thế nước giữa nghiêng mà mọi người khác đều như đã tuyệt vọng. Ngang nhiên trước mọi thử thách của lịch sử, ngang nhiên chầm dứt một chế độ lỗi thời và lật ngược một thế cờ để tạo nên một thời thế mới.

Chính Người đã làm nên lịch sử đó mới là Bậc Anh Hùng !

Đại Sơn

NHỮNG NGUYÊN NHÂN

(Tiếp theo)

Tai nạn lưu thông

hành khách xuống xe không dòm trước ngó sau ; những trẻ con mắt dạy chơi giỡn trên công lộ, sau hết là những phần tử thiếu sáng suốt, tin tưởng vào thắng xe cho rằng tất cả xe hơi đều có thắng tốt hết.

Trong 100 tai nạn có thương tích tính ra có 19 người đi bộ : những nạn nhân này là các phần tử không tuân theo luật lệ đi đường.

Những sự phạm lỗi về phần trách nhiệm của tài xế được phân định ra như sau ;

— Đang trí trong lúc lái xe 10,31 o/o

— Chưa đủ kinh nghiệm chuyên nghiệp và không quen với dụng cụ máy móc (loại xe) 2,62 o/o

— Người lái xe mệt mỏi không còn đủ khả năng phản ứng kịp thời

trước sự nguy hiểm xảy đến thành linh 0,81 o/o

— Người lái xe ngủ khi đang cầm tay lái trên đường xa 0,25 o/o

— Người lái xe say rượu 3,57 o/o

Tại Bá-Lê, 57 o/o tài xế gây ra tai nạn có chết người, đều là những người đã uống rượu nhiều hay ít trong khi lái xe.

Tại Chicago, 50 o/o tài xế chạy xe ban đêm gây ra tai nạn lưu thông nặng, cũng là đều bị ảnh hưởng về việc uống rượu nhất là lúc khuya, ví dụ từ 3 giờ tới 5 giờ sáng ; người lái xe uống rượu để chống lại thời tiết lạnh. (1)

N. C. C.

(1) Theo tài liệu của Jean Kearney đăng trong « Revue du Praticien »

Trên đời này, không có gì cao cả có thể thực hiện nếu không có hy sinh và kỷ luật. Một Quốc Gia lành mạnh chỉ có và chỉ tồn tại khi toàn thể dân tộc, bất luận nam nữ, đều sống một đời thanh khiết hiên ngang mạnh mẽ, khi mọi công dân đều cố gắng khắc phục khó khăn bất chấp gian lao nguy hiểm, gạt bỏ lạc thú xa hoa, quyết tâm tranh thủ thắng lợi cuối cùng.

Trích Huân-Từ của Ngô-Tổng-Thông trong dịp mãn Khóa XII sinh viên Sĩ Quan Trừ Bị tại Thủ Đức.

và Tội Phạm

chỉ muốn đề cập tới vấn đề rượu về một phương diện, phương diện Hình-Luật, mà thôi,

Về Hình-Luật, rượu nêu ra một vài điểm đáng quan tâm : một là rượu khá đưa đến chỗ phạm tội, và hai là say rượu mà phạm tội, thì đáng phạt nặng hay nhẹ hơn người thường ?

Rượu đưa đến chỗ phạm tội, nói như vậy không ngoa. Theo các bản thống kê ở nhiều nước thì giữa tình trạng say rượu đến tình trạng phạm pháp có những mối liên hệ rất mật thiết. Nhiều người đã nhúng tay làm càn trong khi họ đang say túy lúy. Rượu vào làm cho con người mê dại, mất tự chủ hoặc hăng máu lên, một đôi khi đâm ra ghen hơn bao giờ hết. Chị vợ mà ra đi, thì ấy là đã hẹn với ai, y thì ở nhà thì đúng là đã đợi anh nào đây ! (Les alcooliques ont, on le sait, une propension particulière à la jalousie morbide, du fait que leur psychisme est souvent faussé par une sorte de délire d'interprétation. Si la femme sort, c'est qu'elle a un rendez-vous, si elle reste à la maison, c'est qu'elle attend quelqu'un. .) Từ đó đến chỗ đâm chém, đến đả thương, đến án mạng, không xa.

Vùng nào tiêu thụ rượu nhiều, vùng ấy tội-phạm cũng lắm, năm nào được mùa nho (rượu Tây), ngày nào lãnh tiền lại được nghỉ thì y như tỷ lệ phạm pháp sẽ gia tăng. Thậm chí có thể nói rằng có những tội-phạm hình như riêng biệt cho làng say (une criminalité spécifique de l'alcool) như đả thương như kháng-cự viên chức, công xúc tu-sĩ, xâm phạm tiết-hạnh,... còn ngược lại những tội nào cần suy tính, mưu mẹo, như lường gạt chẳng hạn, thì ít khi do các đệ tử của Lưu-Linh.

Đặc biệt và rõ rệt nhất là tội chạy xe ẩu tả gây tai nạn, nói chung là tội sơ suất bất cẩn, cũng phần đông do chất tửu mà ra (Nếu thêm có «sắc» ngồi bên cạnh, thì càng ưa ủi trụ đèn hay lao xuống mương lắm lắm). Vì vậy mà ở nhiều nước, như Thụy-sĩ, Thụy-điển,... người ta không cấp bằng lái xe cho những người có máu hay uống, khi thì lái xe người ta vẫn đáp rất kỹ về những hậu quả của rượu đối với việc lái xe, nhất là đối với giới tài xế chuyên chở công cộng thì càng ngặt nữa. Theo luật Thụy-điển thì dù chưa gây tai nạn gì, nhưng

nếu người tài xế có gần một phần ngàn rượu trong máu (0,8 ‰) thì cũng đã là phạm pháp và bị phạt rồi, thậm chí có tới phần rưỡi ngàn (1,5 ‰) thì có thể bị phạt tù.

Ở Pháp cũng vậy. Luật 1958 phạt như một khinh-tội những kẻ say rượu mà lái xe, tù từ 1 tháng đến 1 năm, tiền từ 50.000 đến 500.000 quan. Nếu xảy ra tai nạn gây thương-tích hay làm chết người, mà tài-xế xét ra lại đang say rượu, thì các hình-phạt thường nhật sẽ bị tăng lên gấp đôi, sau đó còn có thể bị rút bằng lái xe trong 3 năm. Và nói chung, ngay từ năm 1873 (với đạo Luật Roussel, thay thế bằng một Luật khác năm 1917), ở Pháp người ta đã nêu sự say rượu ở nơi công-cộng thành một tội-phạm hẳn hoi, lần đầu còn phạt bạc, nhưng lần thứ nhì thứ ba thì phạt tù cho tới một tháng.

Thành thử một trăm thứ có quy vào tại rượu, thì rượu cũng không oan. Và từ rượu, người ta đi tới chỗ lên án gắt gao các quán bán rượu. Một nhà Luật-học nước Ý là ông Lombroso đã không ngần ngại gọi các tửu quán là « Tôn miếu của làng say phạm tội » (le temple de l'alcoolisme criminel), và ông cho đó là « nơi mà bọn bắt lương sẽ chắc chắn gặp kẻ a-tùng, nơi mà chúng nghiên ngấm tội-phạm, và cũng chính là nơi mà chúng họp nhau phung-phí những của phi-nghĩa mà chúng kiếm được (lieu où les malfaiteurs sont sûrs de rencontrer leurs complices, le séjour habituel où ils méditent le crime en même temps qu'ils dépensent ensemble ce qu'ils en retirent).

Rượu đã dấm xui người ta làm những điều phi pháp như trên, thì một vấn-đề lại cần nêu ra, là : người phạm tội trong lúc đang say sưa, thì đáng phạt nặng hay phạt nhẹ hơn lúc bình thường ?

Thoạt tiên có thể nói rằng kẻ say rượu là kẻ tâm thần thác loạn, tâm trí u mê, không hiểu phải quấy gì nữa, mà cũng mất phần tự chủ, làm điều gì cũng không biết suy xét định liệu trước sau. Làm điều phạm pháp cũng vậy, thí dụ đả thương, giết người, y cũng không thể có một « ý-định » như người bình thường. Vậy thì tội-phạm, nếu không hẳn là không thành, theo nghĩa của Hình-Luật (thiếu yếu-tố tinh-thần) thì cũng phải xem là nhẹ hơn của những người khác. Nói cho cụ-thể : kẻ giết người trong lúc đang say rượu, tội không nặng bằng kẻ giết người mà tâm thần tỉnh táo hẳn hoi. Vì vậy mà Luật La-Mã xưa kia coi sự say rượu như một tình trạng giảm khinh, chỉ trừ một trường-hợp người gác khám mà say rượu để cho tù vượt ngục mất thì không được và vẫn phạt nặng như thường.

Tuy nhiên cách lập luận như trên có lẽ chỉ đứng vững trong đại-quát, và nếu xét ra cho tỉ-mỉ thiết-thực

hơn, thì hình như cũng khó mà chấp nhận nguyên bộ cho được. Bởi vì ngắm ra cho kỹ, không phải bất cứ lúc nào người ta cũng cứ tỉnh. Còn mà say rồi tỉnh còn mà phạm tội này tội khác. Không thiếu gì những kẻ lúc thường thì vị tất làm nổi trò trống gì, nên phải rắp tâm «mượn chén» uống cho nhiều vào để có đủ nghị lực và can tràng mà thi-hành thủ-đoạn. Như anh Phải hay ông tòa Trác nói trên kia, tất có ăm ức chuyện gì, nhưng yên nhiên có lẽ chỉ nằm vuốt bụng thờ dài, nên biết đâu đã chẳng cố tình tự phục rượu cho nhiều để tạo gió cho cờ bay, và trở nên những « người hùng » rồi chém, rồi bắn, dù là tự bắn mình đi chăng nữa.

Cho nên phần đông các nhà luật-học chủ-trương phải phân biệt tùy kỳ trường-hợp. Có thứ say một cách vô tình, say không đáng trách, như kẻ thơ ngây không dè thứ rượu mình uống lại nặng lại say đến thế, mà lầm lỡ uống vào, mất mớ thần ám đấm ra nói bậy nói bạ, đánh đấm người ta. Cái say này có thể nhân nhượng, và tội khả dĩ được xét nhẹ đi. Còn trái lại, những lối say tri tỉnh, say cố ý chí tâm, vốn dĩ tính đã cương cường bạo ngược lại còn chủ ý uống thêm một vài chai bố, để máu thêm hăng, gân thêm mạnh, làm điều phi pháp, thì cái say này là cái say nguy-hiểm, phải coi như một tình-trạng gia-trọng, làm cho tội càng nặng thêm lên. Xem như vậy thì đại khái, việc say rượu tự nó không phải là một việc gì nhất định, trái lại ý nghĩa và hậu-quả đối với Hình-Luật sẽ thay đổi tùy từng hoàn cảnh riêng một.

Bất thần, nơi đây, sẽ nảy thêm ra một vấn-đề phụ-đôi nữa, là làm cách nào biết chắc là người phạm đang say, nói một cách khác, lấy gì chứng minh và làm bằng cứ cho sự say? Bằng cứ này hữu ích cho cả đôi bên, bên bị cáo cũng như bên nạn nhân. Thí dụ một tai nạn lưu-thông. Nếu bị cáo chứng minh được rằng nạn nhân đang say nên đi ẩu mà bị đụng, thì bị cáo có thể trở nên vô can. Đối lại nếu người ta chứng minh được chính anh tài xế mới là đang say, thì tốt phần lỗi sẽ về phần y, và người nạn nhân sẽ được thắng lý, và được bồi thường.

Về phương-diện bằng-cứ say rượu, người ta có thể áp dụng hai phương-pháp (ở Pháp-quốc, luật 15.4.1954):

— một là khám xét tình-trạng bề ngoài của người đương-sự, như xem sắc diện, xem cử chỉ, điệu-bộ, ngôn ngữ... (examen clinique). Ở Anh quốc, người ta từng chỉ thị cho Cảnh-sát, hễ nghi ai say rượu thì có thể bắt người đó thử đứng chân trái, co chân phải lên, bàn tay phải để ngang mũi, còn tay trái thì dơ lên, lấy ngón cái mà sờ lên gáy, xem làm nổi không. Đây là một lối chơi khá hiểm hóc, chỉ người bình thường mới có cơ làm nổi,

còn người say thì run chân run tay không giữ sao được « tư thế » ấy.

— hai là dùng phương pháp sinh-hóa-học (examen bio-chimique), nói nôm là thử máu thử nước tiểu, xem hiện chứa bao nhiêu phân rượu. Các nhà chuyên-môn đã nghiệm thấy, với một người thông-thường, nếu trong máu có từ 1 đến 1,5 o/oo (một tới một rưỡi phần ngàn) chất rượu, thì ấy là say nhẹ, đương-nhân mới mất một phần trí phán đoán. Có từ 1,5 o/oo trở lên thì trí loạn, giác quan bị xáo trộn. đương-sự mất thăng bằng, lười lười lại, máu hăng lên dễ đi tới cường bạo sát nhân. Nếu lại có từ 2 đến 3 o/oo, thì ấy là say nặng, cử động bất nhất, tâm trí tê liệt, đương-sự lảo đảo không đứng được vững nữa, nói nôm là không còn biết trời biết đất gì nữa. (Coi Revue de l'Alcoolisme, số Avril-Juin 1957, và cuốn L'Intoxication aigue et les accidents d'automobile, của Bác-sĩ Martin Du Pan, Bâle 1946).

Phương-pháp thoát nghe tưởng chắc chắn lắm, nhưng kỳ thực cũng không đích xác mấy, vì le rượu uống vào bị bài tiết đồng thời, qua mồ-hôi hoặc hơi thở, dù uống nhiều uống ít cũng chỉ 5 giờ đồng-hồ sau là rượu sẽ tan hết, giới y học đã thí nghiệm ra như vậy. Nếu bảy giờ để chậm trễ mới thử người đương-sự, thì kết-quả sẽ sai lạc, không đúng sự thật nữa. Và phương-pháp chỉ thích ứng với những tử-thi, nghĩa là người chết (mà chết mau mau một chút), không còn hô hấp hay bài tiết chi nữa hết.

Chiếu theo một vài ý kiến vừa nêu trên đây, nhà điều-tra chúng ta gặp một can phạm say rượu, nhiều khi cần phải xem xét kỹ càng, thu thập càng nhiều chi-tiết càng hay, để có thể chứng minh là đương-sự đã say vô tình và phạm pháp ngoài ý muốn, hay là đã dụng ý uống cho say để mà dễ bề tác họa. Nếu có thể được và xét cần, thì cũng nên tìm cách xin triệu dụng gấp rút một vị giám định y khoa, để vị này có thể nhận định kịp thời về tửu-độ trong người của đương-sự, cho bằng cứ về tình-trạng say sưa của y thêm phần chắc chắn. Được như vậy thì sau này công việc của các vị thẩm-phán, công việc cân nhắc trách nhiệm và tội-trạng của người sờ-quan, vốn dĩ rất tế nhị và khó khăn, sẽ có phần được dễ dàng hơn.

D. T. M.



SÁT

(Tiếp theo)

KIM

giỏi, bệnh vạn biên, thuốc cũng phải vạn biên, bệnh biên thuốc không biên, thì chính là ngày trước làm cho dân thợ mà ngày nay làm cho họ chết non vậy. Cho nên cứ sự phải theo pháp tắc, nhưng biên pháp phải tùy thời mà cải hóa.

Nều luận theo đường lối ấy tất chẳng bị lỗ lã.
Không dám lạm bàn đến pháp tắc là dân chúng.

Dù chết cũng phải cố giữ đúng pháp quy là hạng viên chức thừa hành.

Nhưng tùy thời biên pháp là bực hiền chúa.

Vì thế cổ thời có 72 hiền quân, pháp chế không giống nhau, mà mục đích của trách vụ không hề trái nhau, chính do thời thế đổi khác mà phải biên pháp.

Bởi thế mới có câu:

«Kiềm tốt chỉ cần chém ngọt mà chẳng cần phải đòi là Mạc gia (danh kiếm thời Xuân Thu), ngựa hay chỉ cần chạy nổi nghìn dặm mà chẳng cần phải đòi ngựa Ký, ngựa Ngao.» Thành được công danh tức là ngựa thiên lý của đảng Tiên Vương.

Ở nước Sở có người đi đò qua sông. Kiểm của y bị rơi xuống nước, y bèn đánh dấu thuyền chỗ kiểm rơi và nói «chỗ này là chỗ kiểm rơi đây.» Khi thuyền cập bến, y bèn theo chỗ đánh dấu lợi xuống để tìm kiểm.

Thuyền thì đi, kiểm thì đứng, tìm kiếm kiểu ấy chẳng cũng ngốc lắm sao.

Định pháp cho một quốc gia cũng thế, thời đã đổi thay, mà pháp tắc không biến đổi, rồi cứ cho thế là trị được nước, sao mà thi hành nổi.

Có người ở trên thuyền thấy một người dắt đứa trẻ đến, chỉ định ném nó xuống nước, đứa trẻ khóc lóc sợ hãi, mới hỏi lý do thì y đáp: «Cha đứa trẻ này bơi giỏi lắm!»

Cha nó dẫu bơi giỏi, lẽ nào nó cũng phải bắt buộc là bơi giỏi. Quy định sự vật với cách thức ấy thật là trái lẽ.

Chẳng những là trái lẽ mà còn thật là ngớ ngẩn bật cười.

Từ cách đánh dấu mực nước sông để dò nòng sâu cho quân lính lội, từ cách đánh dấu mạn thuyền để khi thuyền đứng, lội xuống tìm kiếm, đến cách quy định «cha bơi giỏi thì con cũng phải bơi giỏi» người viết đã vẽ ra những hoạt cảnh thật là hài hước.

Đứa trẻ thơ thường thức những hoạt cảnh ấy cũng phải phì cười, trước những hành động ngộ nghĩnh của vai trò.

Người trong cuộc có bao giờ biết mình đang đóng trò nếu không nói rõ cho biết.

Mục đích sâu xa của người viết chương «SÁT KIM» trong bộ Lã Thị Xuân Thu là muốn cảnh tỉnh những người trong cuộc.

TRẦN-DÌNH-KHAI

CHIẾN SĨ BẠN DÂN



CÔNG lý hai vai nặng cân cân.

AN bình xã-tác đẹp lòng dân

CHIẾN công muôn thuở ngợi bia thánh

SĨ khí nghìn thu chói đỉnh thần

CỘNG sức cần lao phổ nhân-vị

HÒA mình cách-mạng tỏ duy-tân

BẠN ơi non nước còn trông cậy

DÂN tộc ghi ơn chép mây văn

KHÁI-LINH

Văn - Đoàn Gió - Việt

thư tìm hiểu

(tiếp theo)

TÒA ÁN QUỐC TẾ LA HAYE

LIÊN-LẠC GIỮA LIÊN-HIỆP-QUỐC VÀ PHÁP-VIỆT QUỐC-TẾ.

Những điều khoản sau đây trong Hiến-chương chứng tỏ rằng mối liên lạc của Pháp-viện đối với Liên-Hiệp-Quốc rất chặt chẽ :

Điều 92 : Pháp-viện là cơ quan tài phán chính của Liên-Hiệp-Quốc.

Điều 93 : Các Quốc-Gia hội viên Liên-Hiệp-Quốc đương nhiên coi như thừa nhận quy-chế Pháp-viện. Thẩm Phán của Pháp-viện do Đại Hội-đồng và Hội đồng Bảo-an bầu cử. Ngân-sách của Pháp-viện là một phần ngân sách của Liên-Hiệp-Quốc.

Điều 94 : Tổ chức Liên-Hiệp-Quốc bảo đảm sự thi hành bản án của Pháp-viện

Điều 95 : Nhấn mạnh Pháp-viện không có quyền tài phán độc nhất.

Điều 96 : Pháp-viện là cơ quan tư vấn của Liên-Hiệp-Quốc, Đại Hội-đồng và Hội-đồng Bảo-an có thể tham khảo ý kiến của Pháp-viện.

CÁCH TỔ CHỨC PHÁP-VIỆT QUỐC-TẾ.

A. Thành phần.— Cũng như Pháp-viện thường trực của Hội Quốc-Liên cũ, Pháp-viện Quốc-tế hiện thời gồm 15 thẩm phán, cách bầu cử các thẩm phán được tổ chức như sau : người ta lập 1 bản danh sách ứng cử viên do các nhóm trọng tài các quốc-gia có chân trong Pháp-viện đề cử, rồi đệ lên Đại Hội-đồng và Hội-đồng Bảo an để hai cơ quan này biểu quyết và chọn lựa 15 thẩm phán. Cần nhấn mạnh là mỗi quốc-gia không thể có 2 thẩm phán trong Pháp-viện. Mặt khác, những quốc-gia không phải là hội-viên Liên-hiệp-Quốc, nhưng đã gia nhập quy-chế Pháp-viện, cũng có quyền dự cuộc bầu cử, như Thụy-Sĩ năm 1945 (1).

Về nhiệm-kỳ thẩm-phán, quy-chế ấn định là 9 năm và có thể tái cử. Cứ 3 năm lại có cuộc bầu cử thẩm-phán mới để điều khiển. Lẽ dĩ nhiên thẩm phán không thể kiêm những chức vụ dân cử, chánh-trị hay hành-chánh nào khác. Chức vụ thẩm-phán có tánh cách bất khả bãi-miễn (magistrat inamovible), ngoại trừ trường hợp thẩm

phán thiếu năng lực. Việc cách chức thẩm phán thiếu năng lực thuộc thẩm quyền Pháp-viện. Ngoài ra thẩm-phán còn được hưởng những đặc miễn ngoại giao để bảo vệ sự tự-do thi hành nhiệm vụ.

B. Sự điều hành Pháp-viện.— Pháp-viện là cơ quan thường trực được lập sẵn để xử án. Vì vậy Pháp-viện có những phiên tòa, trừ những ngày lễ và mùa nghỉ. Trụ sở đặt tại La Haye, nhưng trên thực tế Pháp-viện có thể xử án ở nơi khác. Pháp-viện có thể xử án với số tối thiểu là 9 thẩm phán. Và để xét những vụ đặc biệt như tranh tụng liên quan đến vấn đề lưu thông, lao động, Pháp-viện có thể xử với số tối thiểu là 3 thẩm phán. Pháp-viện có quyền ấn định nội quy, cử chánh-án, bầu những viên lục-sự và những cộng-sự viên cấp dưới.

Đặc điểm quan trọng về cách tổ chức các phiên tòa là : một thẩm phán dù là công-dân của một quốc-gia tranh tụng vẫn được ngồi xử một vụ tranh chấp trong đó quốc-gia mình là một đương-sự. Mỗi khi một vụ tranh chấp được đưa ra Pháp-viện, và nếu quốc-gia tranh chấp không có thẩm phán có quốc tịch mình, thì quốc-gia đó được quyền bầu một thẩm phán đặc cử (juge ad hoc) đại diện mình để ngồi xử án.

THẨM QUYỀN CỦA PHÁP VIỆT.

Pháp Viện có quyền xử án và tư vấn. Trước khi bàn đến hai loại thẩm quyền đó, thiết tưởng cần xác định đương sự nào có thể thỉnh cầu Pháp-viện quốc tế xét xử.

Chúng ta nhận thấy rằng chỉ riêng các quốc gia mới có thể khởi tố trước Pháp viện :

— Các quốc gia hội viên Liên-hiệp-Quốc.

— Các Quốc-gia đệ tam đã thừa nhận quy chế Pháp-viện.

— Những quốc-gia khác cũng có thể yêu cầu Pháp-viện phân xử vụ tranh chấp miễn là phải thảo luận những điều kiện do Hội-đồng Bảo-An ấn định. Thí dụ : Quốc-gia đương sự phải cam kết trả án phí và thi hành phán quyết của Pháp viện.

A. — THẨM QUYỀN XỬ ÁN.— Theo nguyên tắc căn bản, thẩm quyền xử án của Pháp-viện chỉ có tánh

cách nhiệm-ý, tức là Pháp-viện không thể tự động quyết định đứng ra phân xử những tranh chấp. Vì vậy, chúng ta có thể hiểu rằng một Quốc-gia không được đơn phương thỉnh cầu Pháp viện xét xử một tranh chấp nếu không có sự thỏa thuận của Quốc-gia đối phương.

Tuy nhiên, nguyên tắc thẩm quyền nhiệm ý của Pháp-viện có trừ lệ mệnh danh là *ước khoản nhiệm ý về sự thừa nhận thẩm quyền xử án bó buộc* (clause de jurisdiction obligatoire).

Theo điều thứ 36, khoản 2, các Quốc-gia đồng kết ước tôn-trọng quy-chế Pháp-viện có thể thừa nhận thẩm quyền xử án bó buộc của Pháp viện về các tranh chấp pháp lý, tức là tranh chấp liên-quan đến việc giải thích một hiệp ước, hoặc sự kiện gây ra sự vi phạm điều ước, và sau cùng, liên quan đến tầm hiệu-lực cũng như tánh chất của sự bồi thường về các vi phạm hiệp ước quốc tế (2).

Ngoài trường hợp nêu trên, một Quốc-gia còn bắt buộc phải ra trước Pháp-viện nếu có đơn thưa kiện của Quốc-gia khác. Đó là trường hợp mà một Quốc-gia đã ký trước với một Quốc-gia khác một ước khoản tài-phán bó buộc nhìn nhận thẩm quyền xử án của Pháp-viện.

Nếu so sánh ước khoản tài-phán bó buộc với ước khoản trọng tài, chúng ta thấy những điểm khác biệt kê sau :

— Với ước khoản trọng-tài, hai Quốc-gia đồng kết ước cam kết trao nhiệm vụ xử án cho trọng-tài. Trong điều ước này, hai Quốc-gia định rõ thành phần và quyền hạn mà trọng-tài phải theo khi xử án.

— Với ước khoản tài phán bó buộc, một trong hai Quốc-gia có thể tự ý đơn phương thưa kiện Quốc-gia kia trước Pháp-viện. Mặc dầu có sự khiếm diện của đối phương, bản án của Pháp-viện vẫn có hiệu lực đối với hai Quốc-gia tranh chấp.

Nhiệm vụ của Pháp-viện là tài-phán, xử đoán chứ không thể phân giải như là một người trung-giải được, trừ trường hợp các Quốc-gia yêu cầu. Điều thứ 38 quy chế Pháp-viện xác định những quy tắc và điều luật mà Pháp-viện phải theo khi xử án :

— Phải chiếu theo hiệp ước Quốc-tế.

— Phải chiếu theo tục lệ Quốc-tế.

— Phải chiếu theo pháp luật tổng quát, theo học lý và án lệ (3).

B. THẨM QUYỀN TƯ VẤN.— Ngoài nhiệm vụ xử án, Pháp-viện còn cho biết ý kiến về những vấn đề

pháp luật mỗi khi có sự yêu cầu của các cơ quan như Đại-hội-dồng hay Hội-dồng Bản-an Liên-hiệp-Quốc. Những « tổ chức quốc-tế chuyên môn » cũng có quyền tham khảo ý kiến Pháp-viện nếu có sự chấp thuận của Đại-hội-dồng, về vấn đề pháp lý liên quan đến tổ chức. (4)

Đặc biệt các Quốc-gia hội viên Liên-hiệp-quốc không có quyền tham khảo ý kiến Pháp-viện, trừ phi nhờ Hội đồng Bảo-an thay mặt. Đối với Pháp-viện, quyền tư vấn là một quyền quan trọng. Thật vậy, Pháp-viện đã từng xác định có thẩm quyền giải thích Hiến-Chương Liên-hiệp-quốc, theo thông cáo ngày 3.3.1950. (5)

PHÁN QUYẾT CỦA PHÁP VIỆN QUỐC-TẾ.

A— VỀ HÌNH THỨC. Bản án của Pháp-viện tương tự như bản án của bất cứ Tòa-án quốc-nội nào, gồm có :

— Đoạn liệt-kê lý-do (exposé des motifs)

— Chủ-văn bản án (Dispositif)

Một quyết định về một vụ tranh chấp được biểu quyết theo đa số. Khi có số phiếu thuận và nghịch bằng nhau thì chính vị Chánh-án có quyền tài quyết. Dầu sao, bên thiểu số vẫn có quyền đình theo bản án những ý kiến đối lập của mình, ngõ hầu làm sáng tỏ quan điểm pháp lý mà Pháp-viện đã chiếu theo để phán xử.

B— HIỆU LỰC CỦA BẢN ÁN.— Về phương diện thực-chất, bản án của Pháp-viện có tánh cách bó buộc và là một bản án chung thẩm. Riêng những Quốc-gia tranh chấp phải tôn trọng quyết định của Pháp-viện, và vụ tranh chấp không thể được xét lại lần thứ hai. Tuy nhiên, nếu một Quốc-gia đệ tam xét rằng vụ tranh chấp giữa hai Quốc-gia khác liên quan đến quyền lợi mình, có thể đệ đơn yêu cầu Pháp-viện chấp thuận cho mình tham dự vụ kiện (điều 62 quy chế Pháp-viện). Đơn ấy có được chấp thuận hay không, tùy theo trường hợp. Ngoài ra, Quốc-gia đệ tam còn có quyền tham dự nếu vụ tranh tụng nêu ra vấn đề giải thích một hiệp ước cộng đồng, do các Quốc-gia tranh chấp và Quốc-gia đệ tam đã ký kết. Sau cùng, Pháp viện lãnh nhiệm vụ giải thích, khi xảy ra sự bất đồng ý kiến giữa các Quốc-gia về ý nghĩa và phạm vi áp dụng của bản án.

Trong trường hợp đặc biệt, quyết định của Pháp-viện có thể được sửa đổi: đó là khi có một sự kiện mới được khám phá ảnh hưởng quan trọng đến việc xét xử vụ tranh chấp. Đơn xin xét lại cần phải hội đủ các điều kiện sau đây :

— Sự kiện được khám phá phải hoàn toàn mới lạ đối với Pháp-viện và các Quốc-gia tranh chấp.

— Đơn phải được đệ trình trong một thời hạn là 6 tháng kể từ ngày sự kiện mới ấy được khám phá.

— Đơn phải được đệ lên Pháp-viện trong thời hạn là 10 năm kể từ ngày tuyên án. Vậy nếu đã quá 10 năm, mặc dầu sự kiện mới được khám phá, những Quốc-gia tương tranh không còn quyền yêu cầu Pháp-viện xét xử lại nữa.

Những điều kiện nói trên nhằm mục đích hạn chế số đơn yêu cầu xét lại và đồng thời gia tăng uy lực của bản án.

VẤN ĐỀ THI HÀNH BẢN ÁN

Như trên đã nói, những Quốc-gia tương tranh phải thi hành vì bản án có hiệu lực bó buộc. Như trường hợp đặc biệt có thể xảy ra là vài Quốc-gia vì thiếu thiện chí, không chịu thi hành bản án của Pháp-viện. Gặp trường hợp này người ta sẽ giải quyết ra sao?

Điều 94, Hiến-chương Liên-Hiệp-Quốc trừ liệu : « Hội-đồng Bảo-An có nhiệm vụ buộc những Quốc-gia đương sự thi hành bản án. » Chúng ta cũng không quên rằng thiện ý của những Quốc-gia tranh chấp mới là điều kiện cốt yếu cho sự thi hành bản án. Nhưng nếu một Quốc gia không chịu cam-kết tôn trọng bản án, Quốc-gia đối phương sẽ nhờ Hội-đồng Bảo-an can thiệp. Hội-đồng Bảo-an khuyến cáo những Quốc-gia thiếu thiện chí hoặc quyết định những biện pháp như chế-tải kinh-tế, quân-sự,... để buộc Quốc-gia ấy phải thi hành phán quyết của Pháp-viện.

Tuy vậy thực-tế chứng minh rằng những sự giải quyết các tranh chấp của Hội-đồng Bảo-an nhiều khi

không được hữu hiệu, vì những biện pháp mà Hội-đồng Bảo-an quyết định, chỉ có thể đem ra thi hành nếu toàn thể Quốc-gia hội-viên thường trực tán thành (6). Đối với các vấn đề này, những hội-viên Liên-Hiệp-Quốc lại hay phân ra nhiều khối, nên ít khi có sự đồng ý của các hội viên thường trực.

Sau hết, để thay phần kết luận, chúng ta có thể nhận định rằng Pháp-viện quốc-tế hoạt động rất ít. Từ ngày thành lập đến nay, Tòa án La Haye chỉ có chừng tám vụ được xét xử. (7) Nguyên do cũng vì sự hiềm nghi giữa những Quốc-gia, nhất là phe thuộc khối Cộng-sản nên ít khi những Quốc-gia chịu trao việc xét xử tranh chấp cho Pháp-viện quốc-tế hiện thời.

LÊ-NGUYỄN

1—) Thụy-Si là Quốc-gia Trung-lập duy nhất ở tình trạng thường trực từ 1815 đến nay, và quy chế Trung-lập đã ngăn cản Thụy-Si gia nhập tổ chức Quốc-tế như Liên-hiệp-quốc chẳng hạn.

2—) Thường các quốc-gia không nhìn nhận Pháp-viện xét xử một số tranh chấp nếu nguyên nhân của các tranh chấp đó là danh dự, quyền lợi sanh tử của Quốc-gia.

3—) Trong trường hợp những Quốc-gia nhờ xét xử theo lẽ công bằng, Pháp-viện quốc-tế có thẩm quyền rất rộng, không bó buộc phải theo luật quốc-tế. Bản án của Pháp-viện lúc đó có tánh cách hợp lý hơn là hợp pháp.

4—) Những tổ chức quốc-tế chuyên môn còn được gọi là Công - sự quốc - tế : Hàng - Không quốc-tế, Y-Tế quốc-tế, Thương-Mại quốc-tế, v.v...

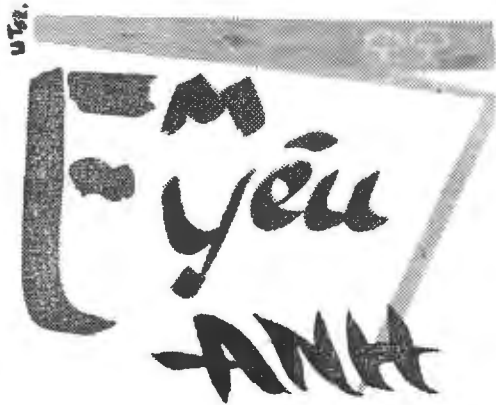
5—) Ngày 28.5.1948, Đại Hội-đồng Liên-hiệp-quốc đã hỏi ý kiến Pháp-viện quốc-tế về nội dung của điều 4 trong Hiến-chương, liên quan đến điều kiện gia nhập Liên-hiệp-quốc.

6—) Các nước : Anh — Pháp — Mỹ — Nga — Trung-Hoa Quốc-gia.

7—) Kể cả vụ tranh chấp ngôi đền Prear Vihear giữa Thái-Lan và Cambodge năm 1962.

Sức mạnh của một đơn vị chiến đấu không phải là sức mạnh của một bộ máy tinh vi, nhưng là sự kết hợp của những tinh thần riêng biệt sáng suốt nhận định tình thế và yêu cầu của tình thế, những ý chí tự lập, cương quyết, cùng hướng về một mục đích, cùng nỗ lực chung, cùng chung sống một lý tưởng duy nhất. Chủ nghĩa Nhân vụ Cộng đồng, Đồng tiến lên kết mọi người trong sự tôn trọng và hiểu biết lẫn nhau, chứ không phải biến con người thành những con số đồng nhất, những cái bộ máy vô hồn.

Trích Huấn-từ của Ngô-Tổng-Thông trong dịp mãn khóa XII sinh viên Sĩ Quan Trừ Bị tại Thủ Đức



c ử a

A
N
H
Đ
À
N
G

MÙA hè. Bãi Sau Vũng Tàu trong những ngày nóng bức trở thành nơi hẹn hò của du khách từ bốn phương đổ về đây hóng gió.

Khách sạn Hải Vân đồ sộ và huy hoàng nằm sát bờ biển trên đường đưa về Lăng Cá Ông không lúc nào vắng bóng người.

Chạy dài trên bãi cát từ chân núi Nhỏ đến khuất tầm hướng Long Hải, nhiều quán nước to nhỏ nối nhau sặc sỡ và lộng lẫy với những chiếc dù to lớn bên cạnh những chiếc bàn con đồng nghẹt khách hàng.

Chiều nay là chiều thứ bảy. Quang cảnh Bãi Sau càng vui vẻ và rộn rịp hơn mọi hôm.

Bên cạnh một chiếc bàn con, Phi Thử và Văn Sơn ngồi ngắm nhìn thiên hạ.

Như phần đông du khách đến đây, chàng thám tử tư Phi Thử và người bạn công sự Văn Sơn tạm biệt Đồ Thành nắng cháy để ra đây đời gió. Cả hai vừa đến Vũng Tàu độ vài giờ. Sau khi thuê xong phòng trên tầng nhì của khách sạn Hải Vân, hai người xuống bãi ngồi nhìn thiên hạ.

Dưới tấm mát Phi Thử, hình ảnh chiếc bàn con ngoài hành lang ngôi hàng Kim Sơn trên đại lộ Lê Lợi trong những ngày nghỉ cuối tuần, giờ đây không còn nghĩa lý gì nữa. Giờ đây, trước mặt chàng, những bộ ngực kiều Gina, B.B., những cặp giò Marlène, Marilyn, những bộ áo tắm hai mảnh đã

xóa mờ hẳn hình ảnh những cánh áo dài trên đại lộ Lê Lợi trong những giờ chàng ngồi rửa mắt.

Đang say sưa chiêm ngưỡng những nét đẹp mát mắt của lớp người thuộc đợt sóng mới, Phi Thử giật mình vì tiếng huýt sáo ngạc nhiên của Văn Sơn đang ngồi bên cạnh. Văn Sơn ra đầu lấy mắt báo Phi Thử nhìn sang ngôi hàng kề bên.

Dưới chiếc dù lông sặc sỡ, một người đẹp đang ngã người dài trên chiếc ghế bô. Nàng đang nằm xem sách. Tuổi nàng vào khoảng 25. Bên cạnh nàng một người đàn ông tuổi độ trên dưới 35. Đang ngồi cúi húi viết trên một sấp giấy. Nàng mặc một áo sơ mi ngắn tay màu vàng, hai vạt áo cột chéo vào nhau ngay phần bụng. Hàng nút ở ngực mở rộng để lộ chiếc « cọc xê » màu xanh đậm dường như không đủ sức ôm chặt bộ ngực hờ hớ căn phòng đầy nhựa sng. Chiếc bụng nhỏ thon lại vừa tạm đủ vòng hai ban tay đàn ông cỡ trung bình phía dưới, đôi chân thon và dài dưới thẳng ra. Tuy chưa hẳn như một tác phẩm điêu khắc thân Vệ Nữ nhưng thân hình người đẹp đã làm Phi Thử phải buộc miệng khen :

— Ô! Đẹp như một thần tượng!

Văn Sơn quay lại mỉm cười nhìn Phi Thử hỏi :

— Độc đáo chứ? Anh muốn tôi giới thiệu không?

Đang ngắm người đẹp, nghe hỏi, Phi Thử quay phắt lại :

— Anh quen à?

— Chứ sao.

— Nàng là ai thế?

— Một bạn cũ, trước là vũ nữ thuộc loại hào hạng của vũ trường Arc-en-Ciel.

— Còn người đàn ông ngồi cạnh bên?

— Có lẽ là chồng nàng. Nghe nói gần đây nàng bỏ nghề nhảy để lấy một văn sĩ trừ danh.

Giờng máu yêu chuộng phái đẹp nổi dậy, Phi Thử vuốt lại mái tóc, cẩn thận gài lại nút áo, hỏi Văn Sơn :

— Anh giới thiệu tôi nhé?

— Ô hay, nói chơi thế thôi chứ, người ta có chồng mà.

— Trời ơi, tôi bảo anh giới thiệu chứ có bảo anh giúp tôi chìm vợ người ta đâu mà anh sợ.

Suy nghĩ giây lát, Văn Sơn sặt đầu :

— Ừ, thôi được, anh theo tôi.

Cả hai đứng dậy tiến về phía người đẹp.

Đền nơi, Văn Sơn reo lên :

— A! Bích Thủy! Gió nào đưa Bích Thủy ra đây?

Bích Thủy, tên người đẹp, hạ quyền sách cầm tay, mừng rỡ bắt tay Văn Sơn.

— Kia, anh Văn Sơn, anh cũng ra đây nghĩ mát nữa à?

Nàng quay sang phía người đàn ông rồi giới thiệu với Văn Sơn :

— Xin giới thiệu anh, anh Hà Phương, chồng em. Và đây, anh Văn Sơn, là bạn em.

Nàng nhìn sang Phi Thử. Văn Sơn lạnh miệng :

— Xin giới thiệu chị, đây là anh Phi...

Văn Sơn định nói là Phi Thử, thì Phi Thử thích nhẹ cúi chào vào hông chàng. Văn Sơn chợt nhớ Phi Thử thích người ta gọi là Phi không thôi, chứ đừng chêm thêm chữ Thử, vì chữ Thử có nghĩa là « chuốt », nó nghe làm sao ấy!

Bốn người bắt tay nhau. Hà Phương chóng Bích Thủy, kéo ghế mời Phi Thử và Văn Sơn ngồi.

Văn Sơn hỏi :

— Anh chị ra đây được mấy hôm rồi Bích Thủy đáp :

— Dạ, em với nhà em ra đây được gần tuần nay.

Nàng nói luôn :

— Anh Phương em định ra đây để viết cho xong phần kết quyền truyện của anh ày. Ở đây yên tĩnh hơn ở Saigon, và lại cũng mát mẻ dễ chịu hơn trên ày.

Hà Phương xen vào hỏi :

— Hai anh ra đây bao giờ ?

Phi Thử đáp :

— Chúng tôi mới ra đến cách độ vài giờ.

Hà Phương vui vẻ vồn vỏi hỏi :

— Thề hai anh đã thuê phòng chưa ?

Rói chàng quay sang Bích Thủy :

— Này em, dường như anh thầy sát cạnh bên phòng mình căn số 13 còn trông đây. Hay là hai anh hỏi thuê đây. Minh ở gần nhau chắc vui hơn.

Văn Sơn nói :

— Cám ơn anh chị. Lúc này mới đến, thầy căn phòng ày quay mặt ra bể, chúng tôi có hỏi nhưng người quản lý cho biết đã có người dọn từ tuần nay rồi nên chúng tôi đã thuê căn khác ở tầng nhì.

Nghe Văn Sơn nói, Bích Thủy bỗng có vẻ hơi giật mình, lúng túng nhìn Hà Phương, chồng nàng. Phi Thử hơi ngạc nhiên khi bắt gặp cái bối rối của người đẹp, chàng không hiểu tại sao.

Vừa ngay lúc ày, từ dưới bãi đi lên một cặp vợ chồng. Giữa hai người mới thoáng nhìn qua, người ta cũng nhận thấy có sự chênh lệch rõ ràng về tuổi tác, và phần trọng tuổi là ở người đàn bà.

Thầy người đàn ông, Bích Thủy reo lên bảo chồng :

— Ô kia, cả hai vợ chồng anh Minh cũng ra đây nữa kia mình.

Phi Thử quay lại nhìn người đàn ông. Hắn khỏe mạnh, đẹp trai, tuổi chừng lồi 30. Nhìn hàng râu mép nằm ngang trên đôi môi mỏng, Phi Thử đã nhận ra người đàn ông ày là ai, nhất là cặp mắt của hắn, vừa đa tình, vừa ẩn cái gì lạnh lợi gian ngoan của hạng người biết lợi dụng hoàn cảnh phù hợp bên mình. Tên hắn là Minh. Ngày trước khi Phi Thử chưa sang Pháp, chàng thường có mặt ở các vũ trường, đôi với Minh, chàng biết rất rõ. Không riêng gì với chàng, các giới ăn chơi

tuổi trẻ Sài thành thuê bấy giờ cũng không lạ gì với cuộc sống hào hoa và cái tài « bất tình » với những người đẹp của hắn, nhất là với những nàng già hơn hắn mà thiếu tình yêu nhưng lại dư tiền bạc.

— Thầy Minh từ dưới đi lên, Phi Thử quay sang hỏi Văn Sơn :

— À,ừ Minh. Còn người đàn bà ôm ôm đi với anh ày là ai đây anh Sơn ?

Văn Sơn đáp :

— Chị Lệ-Hoa, vợ anh ày. Chắc anh không biết chị ày đâu. Chị ày là nữ tài tử điện ảnh có tiếng một dạo đây Rói Văn Sơn nói luôn về Lệ Hoa cho Phi Thử rõ :

— Độ hơn một năm gần đây, chị ày vướng phải bệnh lao nên phải giải nghệ, rồi gặp anh Minh. Hai người lấy nhau mới được chừng vài tháng nay. Lễ cưới họ cũng long trọng lắm.

Hà Phương xen vào câu chuyện hỏi :

— Thề ra hai anh cũng quen biết vợ chồng anh Minh nữa à ?



Rói chàng vui vẻ tiếp :

— Nếu vậy chúng mình đều là chỗ bạn bè với nhau cả. Anh chị Minh thỉnh thoảng thường đến thăm vợ chồng tôi lắm, nhất là anh Minh. Tôi đề nghị chúng mình mời anh chị ày lên ngồi chung đây cho vui.

Mọi người đều tán thành.

Hà Phương lên tiếng gọi Minh và Lệ Hoa đến, vui vẻ bắt tay chào mọi người.

Bắt tay đến Bích Thủy, Minh cười nói :

— Anh Phương đi đâu Bích Thủy cũng theo sát bên, như là sợ các cô cướp mất anh ày không bằng. Đề yên cho người ta sáng tác với chứ.

Minh chăm dặt câu nói bằng cái nheo mắt kín đáo và cái bóp khẽ bàn tay thon dài của Bích Thủy. Bích Thủy khẽ lờm Minh rồi nhìn sang Hà Phương, chồng nàng.

Phi Thử rất ngạc nhiên khi bắt gặp cái lờm mắt ày. Tất cả người đẹp

trên cái quả đất nhỏ bé này khi lờm một kẻ khác phái, bao giờ cũng có nghĩa một là lờm yêu, hai là lờm một cách khinh bỉ. Ở đây Phi Thử thấy cái nghĩa thứ hai không có.

Sau khi mọi người trao đổi vài mẩu chuyện thăm hỏi nhau, bỗng Văn Sơn đề nghị xuống tắm. Tất cả đồng ý ngoại trừ Hà Phương còn đang bận viết và Lệ Hoa vì yêu phối không dám tắm sợ lạnh, nên cả hai từ chối xin phép ở lại.

Giữa lúc mọi người xuống tắm, Hà Phương và Lệ Hoa ngồi trò chuyện với nhau. Lệ Hoa hỏi Hà Phương về cốt truyện chàng đang viết. Hà Phương cho biết đó là để tài nói về cuộc đời danh vọng và tình yêu của một nữ kịch sĩ về chiều. Vốn đã quen biết nhau từ lâu nên hai người chuyện trò với nhau rất thân mật. Nhưng nếu có một người thứ ba nào ngồi nghe lúc bấy giờ, chắc phải công nhận giữa Lệ Hoa và văn sĩ Hà Phương chẳng những có sự thân mật mà thôi, giữa họ dường như còn có sẵn một niềm thông cảm sâu xa tự thuở nào rồi, nếu không bảo là họ đã gặp nhau trên bàn chắt hòa hợp của những con người nghệ sĩ.

Trời đã ngã về chiều. Một khối lửa đỏ chìm dần xuống mặt nước tận phía chân trời xa. Ánh sáng màu hồng lấp lánh trên từng đợt sóng trắng trắng nhấp nhô.

Minh và Bích Thủy rủ nhau bơi ra xa trong khi Phi Thử và Văn Sơn đang bơi lẩn vào bờ.

Vào đến bờ, Phi Thử đứng lên, vờ vuốt mặt vờ nói với Văn Sơn.

— Thăng Minh còn trẻ phẩy thề mà chịu cưới Lệ Hoa già hơn nó, kẻ cũng lạ. Đúng là tình yêu không phân chia tuổi tác !

Văn Sơn cười bảo :

— Tình yêu, tình yêu cái con khi ! Nó mà đại gì đi ôm ấp thân hình lao phổi ày, chẳng qua, nếu tôi đoán không lầm hẳn yêu cái gia tài của Lệ Hoa thì đúng hơn.

Phi Thử mỉm cười không đáp. Mắt chàng lại quay nhìn ra khơi. Từ ngoài ày, Minh và Bích Thủy đang đua nhau bơi vào bờ. Từng cặp họ dừng lại, tiếng cười vang lên hòa theo sóng nước...

*

(xem tiếp trang 64)



TIN TRONG NƯỚC

Thủ-dô tiếp đón đoàn quân chiến thắng Dân Tiến

Sài-gòn.— Ngày 28-7-1962, hồi 8 giờ sáng, hàng vạn đống bào tập hợp ở hai bên đường phố đón tiếp đoàn quân chiến thắng Dân Tiến. Tiếng hoan hô vang dội khi đoàn quân chiến thắng qua các khu phố tiền về Công trường Lam Sơn.

Đại biểu các giới hân hoan tỏ lòng tin tưởng ở quân đội và nguyện sát cánh cùng các chiến sĩ Cộng-Hòa để chống Cộng.

Cuộc di cư khổng lồ của đồng bào Thượng để tránh Việt Cộng khủng bố

Sài-gòn.— Vì không thể chịu được tình trạng khó khăn và luôn luôn bất an và sự đàn áp, khủng bố tàn nhẫn của Việt Cộng, từ ba bốn tháng nay rất nhiều đồng bào Thượng bỏ quê hương con cái dắt trâu bò, heo, chó, kéo về các tỉnh lỵ hoặc quận lỵ, để được sự bảo vệ của chính phủ.

Tổng Thông đang tiếp xúc với các thân hào và nông dân tại địa điểm dinh điền Đồng Tiền 2 thuộc tỉnh Kiên Phong ngày 5-7-1962

Dân Nga biểu tình phản đối sự tăng giá thực phẩm

Một tin từ Helsinki cho hay chiều ngày 5-8, có 500 người Nga đã bị tàn sát tại Novotcherkaash gần Rostov trên sông Don. Số người này đã tham gia cuộc biểu tình phản đối tăng giá thực phẩm.

Tin trên cho biết quân đội Nga từ các nơi đã được phái tới và đã đàn áp xong cuộc nổi loạn này.

TIN QUỐC TẾ

Đại hội Thanh niên Cộng sản thất bại

Helsinki : Đại hội Thanh-niên Thế-giới, lần thứ 8 ở Helsinki, do Cộng-sản tổ chức đã thất bại ngay từ ngày đầu. Nhiều nước Phi-Châu trong số có Ghana Nigéria, Cameroun và Ethiopie đã quyết định không tham dự. Phái đoàn Anh gồm có 25 đại biểu đã bỏ phòng hội nghị ra về. 44 đại biểu Tích Lan cũng công bố rút lui khỏi Đại-hội.

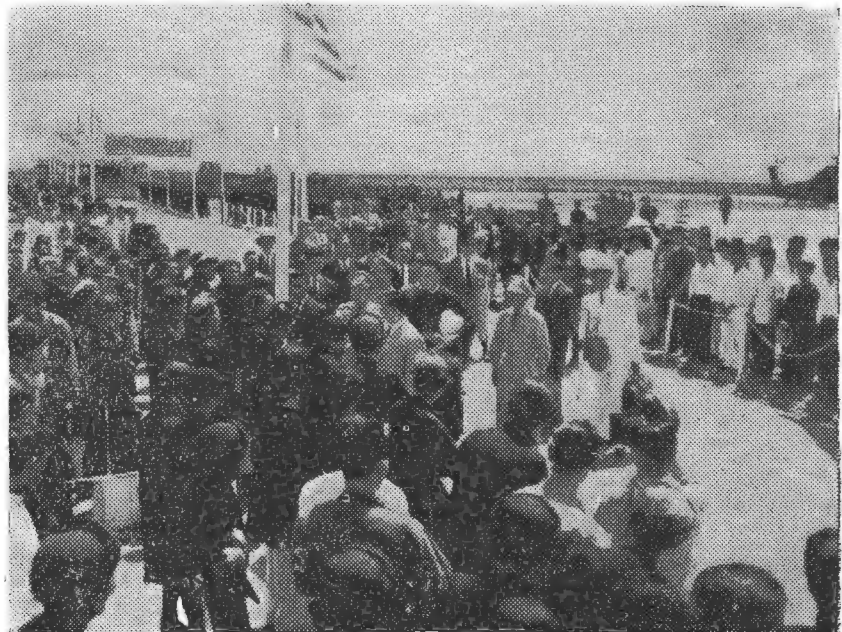
Mỹ giải ngũ 80.000 binh

Hoa thịnh Đôn : Theo tin Reuter thì hôm 1-8, chính phủ Hoa-Kỳ đã cho giải ngũ hơn 80.000 sĩ quan và thủy binh trừ bị được gọi nhập ngũ lúc có cuộc khủng hoảng ở Bá-linh hồi mùa thu năm ngoái.

Ngoài ra, 40 chiến hạm theo kiểu phân ngư lôi hạm được huy động lúc có cuộc khủng hoảng trăm trọng ở Bá-linh nay cũng đã được cải dụng làm tàu huấn luyện.

Sinh viên Nhật biểu tình ở Nga

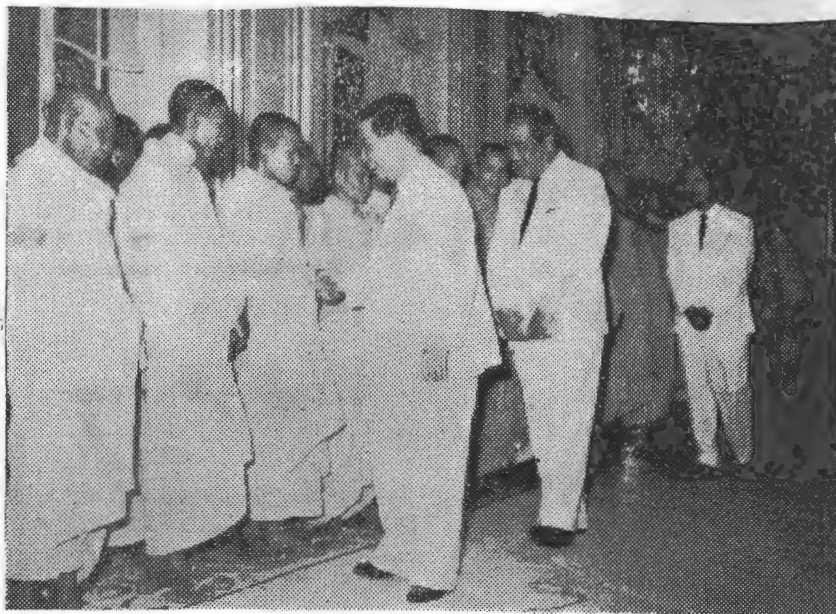
Mạc-tư Khoa.— Ba Sinh viên Nhật tham dự Hội-nghị sinh viên Cộng sản đã biểu tình tại công trường đó Mạc-tư Khoa để phản đối việc Nga mở lại các cuộc thí nghiệm nguyên tử.



Tính đến nay, số đồng bào Thượng di cư đã lên tới 96.134 quy tụ về các tỉnh quận thuộc Kontum, Cheo Reo Tuyên-Đức, Quảng-Trị, Quảng Ngãi, Phước-Loug v.v...

Huấn luyện viên Úc Đại-Lợi đã tới Việt-Nam

Sài Gòn.— Trước hôm 3-8, một nhóm 29 huấn luyện viên du-kích - chiến Úc Đại-Lợi đã tới Việt-Nam để huấn luyện quân đội V. N. về môn tác chiến trong rừng.



Hối 7845 sáng thứ hai 23-7-1962, một buổi lễ ra mắt của những viên chức C.A. và C. S. cùng những Sĩ-quan biệt-phái sang 2 ngành Tỉnh-Báo và C.A.C.S. mới được thăng cấp, đã được tổ chức tại sân chào cờ Tổng Nha, dưới quyền chủ tọa của Ông Đặc-Ủy Trưởng kiêm Tổng Giám-Độc C.A C.S.

Nhân dịp này Ông Phó Tổng Giám-Độc đã đại diện tất cả các Sĩ-quan và viên chức mới được thăng thưởng ngỏ lời cảm tạ Ông Đặc-Ủy Trưởng và kính nhờ Ông Đặc-Ủy Trưởng chuyển đệ lên Tổng-Thống lòng tri ân sâu xa của các viên chức và Sĩ-quan vừa được thăng thưởng.

Sau đó, Ông Đặc-Ủy Trưởng ngỏ lời khen ngợi các sĩ-quan và viên chức được thăng thưởng và khuyên nhủ toàn thể nhân viên tận tâm làm tròn trách vụ giao phó.

Buổi lễ chấm dứt vào hồi 8g50.

✽

Hình trên : **TỔNG THÔNG** bắt tay các Đại Diện Sĩ Sãi gốc Miền đã về chúc mừng Người trong dịp Lễ Song Thất.

Hình giữa : Một thiếu nữ chèo hoa chiến thắng lên vai Đại Tá Tư Lệnh Chiến Dịch Dân Tiên 27.

Hình dưới : Đồng bào Thượng đã dứt khoát rời bỏ chế độ bạo tàn Cộng sản để trở về với chính nghĩa Quốc gia.



EM YÊU ANH

(tiếp theo trang 61)

UAI ngày sau.

Vào một buổi chiều, Phi Thử và Văn Sơn vừa tắm xong bước lên bờ. Hai người nằm dài trên bãi cát.

Văn Sơn hỏi Phi Thử.

— Mà hôm rày thầy anh có điều gì lạ giữa chàng văn sĩ Hà Phương và Lệ Hoa vợ thằng Minh không?

— Không. Tôi không hiểu anh muốn nói gì.

— Dường như họ yêu nhau.

Phi Thử có vẻ ngạc nhiên:

— Trời, đừng nói ầu cha, ai cũng có chồng, có vợ riêng hết, không lẽ lại đi yêu lãng nhăng thế!

Văn Sơn vừa trề môi vừa lắc đầu bảo:

— Có chồng có vợ thật, nhưng tin họ không nổi đâu. Chắc anh quên họ là nghệ sĩ, một đàn ông là văn sĩ, một đàn bà là kịch sĩ kia mà.

Phi Thử cướp lời, cãi:

— Nói vậy theo anh, hễ là nghệ sĩ thì cứ yêu lãng nhăng bừa bãi thế à?

— Không, tôi không nói tuyệt đối tất cả đều thế, nhưng riêng chuyện này tôi tin rằng tôi đoán không lầm, và lại tôi có bằng cứ kia mà.

Phi Thử ngồi nhóm dậy hỏi:

— Bằng cứ, anh có bằng cứ à?

Văn Sơn gật đầu.

— Phải. Mà hôm nay Bích Thủy than với tôi chồng nó dường như bắt đầu lợt lạt với nó. Nó rủ Hà Phương đi đâu, đi tắm hay đi dạo, Hà Phương cũng đều từ chối, lấy cớ là phải ở nhà để viết truyện. Lạ hơn nữa, theo lời nó thuật, những lúc ấy thì Lệ Hoa thường hay sang chơi bên nó hàng giờ trong khi thằng Minh, chồng Lệ Hoa bận đi đâu đó.

Văn Sơn còn định nói thêm thì Phi Thử chặn lại hỏi:

— Thế ra bằng cứ của anh là căn cứ vào lời Bích Thủy thuật lại chứ gì?

Văn Sơn lắc đầu đáp:

— Không hẳn thế. Còn cái này nữa

Anh có nhớ căn phòng số 13 ở cạnh bên phòng của vợ chồng Hà Phương mà mình định hỏi thuê lúc mới xuống không?

Phi Thử gật đầu:

— Nhớ. Nhưng sao?

— Căn phòng ấy bây giờ thì thằng Minh và Lệ Hoa ở.

— Thì có sao đâu?

— Sao lại không sao. Lúc mình hỏi thì thằng cha quản lý bảo là đã có người dọn thuê từ một tuần trước rồi, tức là vào khoảng vợ chồng Hà Phương mới xuống đây.

Phi Thử lại gật đầu và thản nhiên hỏi tiếp:

— Ừ thì đúng như vậy, nhưng có sao đâu?

Văn Sơn tức tỗi gãi đầu gãi tai:

— Trời đất ơi, sao hôm nay anh chậm hiểu quá. Nghĩa là tôi muốn nói, biết đâu chính thằng cha văn sĩ Hà Phương đã dọn thuê trước để cho Lệ Hoa xuống ở gần nó.

Rồi Văn Sơn tặc lưỡi với vẻ thương tiếc, chàng nói tiếp.

— Tội nghiệp con bé Bích Thủy. Nó bỏ nghề nhảy để lấy nhà văn Hà Phương xem ra nó cũng có thiện chí muốn lập lại cuộc đời lắm. Nếu chuyện này là sự thật, chắc nó buồn lắm.

Bỗng Phi Thử khêu tay Văn Sơn ra đầu bảo chàng nhìn, rồi đưa tay chỉ lên bờ.

— Bích Thủy xuống kia.

Văn Sơn nhìn lên. Bích Thủy hôm nay mặc chiếc quần tây dài màu xanh dương, bó sát hông, áo ngắn tay màu trắng, cổ bẻ cao lên, tóc nàng cột vén lên cao bằng một chiếc khăn mỏng màu xanh dịu. Hôm nay xem nàng không có vẻ vui tươi như mọi ngày. Nét buồn hiện rõ trên ánh mắt người đẹp.

Bích Thủy thản thờ bước lác xuống bãi. Gặp Phi Thử và Văn Sơn, nàng khẽ mỉm cười cúi đầu chào hai người. Nụ cười nàng ngày hôm nay cũng mắt hân về hồn nhiên, nhưng đối với Phi Thử vẫn là nụ cười đẹp. Chàng lên tiếng hỏi nàng:

— Thưa cô đi dạo? Còn anh Hà Phương đâu?

Bích Thủy cúi đầu nhìn xuống. Chân dí nhẹ lên làn cát, nàng khẽ đáp qua một giọng thờ dãi:

— Anh Phương em đi chơi với chị Lệ Hoa rồi.

Mắt nàng đượm nét buồn nhẹ Văn Sơn nhìn Phi Thử như để ngầm bảo « Đây anh thầy chưa, tôi có nói sai đâu ».

Văn Sơn quay sang hỏi Bích Thủy:

— Thế sao cô không đi cùng anh ấy?

Bích Thủy vừa ngồi xuống bãi cát vừa nói. Tiếng nói nàng thoát ra với một âm thanh chừng như cô động:

— Lúc trưa anh Phương có bàn với em chiều nay đi dạo vòng núi Lớn chơi. Nhưng hồi nãy em bận chút việc phải ra chợ mua sắm vài món cần thiết. Lúc trở về thì anh ấy đã đi rồi. Anh có viết giấy để lại dặn em đi theo, nhưng thời em thấy... vô ích, nên để cho người ta tự do hơn.

Văn Sơn lại hỏi:

— Thế còn anh Minh, chồng chị Lệ Hoa đâu?

— Anh ấy mang xe ra Vũng Tàu chữa từ hồi trưa, sau khi dừng cơm xong tới giờ. Xe hơi anh ấy hỏng cái ga cái thắng gì ấy em không biết.

Bích Thủy nói xong, nàng thờ dãi buồn bã nhìn ra xa. Xa xa ngoài khơi thấp thoáng mây ghe buồm đánh cá. Mặt trời đang xuống dần trên mặt nước tận chân trời. Sự im lặng buổi chiều đang về trên bãi cát mờ mờ...

Đưa mắt nhìn ra khơi bỗng Bích Thủy thờ dãi. Nàng nói như để trút cả niềm tâm sự:

— Em nghĩ em chỉ buồn cho thân phận mình và tội nghiệp cho chồng em. Anh ấy hiểu lầm quá, làm sao chồng chời được trước sự căm dỗ của người ta. Em buồn lắm! Biết bao giờ đời em mới được sống hoàn toàn hạnh phúc!

Bích Thủy gục đầu vào đôi tay.

Nàng thốn thức. Đôi vai nàng rung lên theo tiếng nấc. Từ xa, những đợt sóng trắng xóa dón dập xô nhau vào bờ rất rào như tiếng khóc than của buổi chiều tàn trên bãi cát...

Văn Sơn lặng nhìn Bích Thủy bằng cả sự thương hại chân thành trong khi Phi Thử nhìn nàng với tất cả cặp mắt đứng đưng, nếu không bảo là cặp mắt đang tìm tòi sự thật của cơn nhà thám tử.

A. Đ.

(còn nữa)



Chuyện vui vui

QUA MẶT NHÀ ĐOAN ... CHÀNG BỚP KÈN

NHÂN dịp nhà chức trách Đô-Thành vừa mới bắt được trọn òn bọn Quốc-tể buôn lậu hàng trăm ký thuốc phiện, dư âm hây còn vang dội chiến công của anh em Cảnh-Sát, tôi xin kè hầu quý bạn 2 mẩu chuyện buôn lậu cách đây đã hơn 30 năm đề gọi là « liên-hoan » với giới « Rơ sọc ».

— Tại một tỉnh nọ thuộc miền Thượng-du Bắc-Việt đã được mệnh danh là trung tâm hoạt động của bọn buôn lậu thuốc phiện. Nhà Đoan nghiên cứu « địa hình địa vật » đóng một đồn án ngữ con đường độc đạo về miền xuôi, chẳng khác gì Quan-Công chặn Tào-Tháo ở Hoa-Dung Tiều-lộ vậy. Bọn buôn lậu phải bày mưu dối phó để vượt qua hàng rào Quan Thuế.

Hàng ngày người ta thấy xuất hiện một người đàn bà quần áo tả tơi, đầu đội cái thùng đựng gạch ngói và giấy vụn, miệng hát nghêu ngao từ thị xã tiến qua bót gát nhà Đoan đi về miền xuôi. Mỗi khi đi ngang qua mặt các « Xếp Đoan », mẹ « diên » này dừng chân lại hướng vào phía cửa đồn đọc lên hàng tràng những câu vãn « rẻ tiền », có lẫn lại « thoát y vũ » trước mặt các « Xếp ». Lúc bấy giờ mấy nhân viên « Thuế quan » diên cái đầu, bực bực với cùng đến nỗi luôn mấy tuần cứ thấy mẹ diên sắp tới là họ lẩn tránh.

Biết đã « chín mùi » trong kế hoạch nghi binh, bọn buôn lậu lần cuối cùng mới cho mẹ « diên » nọ đội 1 thùng 10 ký thuốc phiện qua mặt nhà Đoan một cách dễ ợt.

— Một công chức nọ chắc bẽ bối bị các quan Tây « đây ải » lên Thượng-du đã lâu năm. Hàng ngày ông ta làm bạn với núi rừng, đến đêm nghe chim kêu vượn hót, muốn cho quên sầu nơi hoang vắng... chỉ còn mượn ngọn đèn dầu lạc tâm sự với ả phù dung. Sau 10 năm hưởng lạc thú « đi mây về khói » ông bạn này đã chính thức gia nhập hàng ngũ « ngáp men phò » (1). Tắm thân thuốc mốt với « bộ xương cách-trí » của ông ta như cánh chim bạt gió, đã tìm được đất lành đậu lại làm tở. Bỗng dưng ông nhận được lệnh truyền chuyển về làm việc tại Phủ Thống-Sứ Bắc-kỳ Hà-nội. Một biến chuyển quan trọng làm lệch lạc cuộc đời ông, chẳng khác chi lúc ông đang yên vui nơi nỉn suối phải đòi đi mạn ngược vậy. Ông bán khoản vạc mưu, tìm kế làm sao mang được mấy chục ký thuốc phiện về Hà-nội « phát mại » làm tí vốn còm ăn hút.

Trước ngày khởi hành, ông bí mật cho người mua 30 ký thuốc phiện, chờ dịp mang theo cùng với hành lý về miền xuôi. Ông đóng 15 chiếc thùng gỗ đựng quần áo, nôi niêu, song chảo

bát đĩa và cả chồi cùn, rế rách cũng được đựng vào thùng đóng nẹp sài rất cẩn thận. Ông còn đề tên tuổi, chức vụ, địa chỉ rõ ràng lên mặt thùng hành lý của ông để khỏi bị lẫn lộn. Không may trong bọn bán « cơm đen » cho ông có đứa tham tiền thường, mặt báo với Nhà Đoan. Ông đã rõ nghiệp chướng của bọn buôn lậu hay phản bội người mua, bán hàng cứ bán nhưng đi báo với các quan Tây chúng vẫn cứ đi... Tuy vậy, ông vững lòng tự tin ở mưu thần, chước quý của mình.

Chuyến xe lửa hôm ấy chỉ còn 15 phút khởi hành về Hà-nội, ông và gia quyến mới xe hành lý ra ga. Nhân viên nhà Đoan, tuy quen mặt biết tên ông, cũng không vị nê đề ông lên tàu để dàng được. Họ đòi được khám hành lý, ông vui vẻ nhận lời, chỉ yêu cầu viên « Xếp Đoan » khám xét cho mau chóng để khỏi lỡ tàu. Khi xong việc xin cho niêm phong lại như cũ.

Khốn khổ cho 8 nhân viên nhà Đoan hý hục, dùng kim búa nạy 15 cái thùng lục soát gần 2 giờ đồng hồ để chứng kiến những thứ linh tinh đựng gia dụng của một viên chức thay nơi đòi chỗ như trăm ngàn người khác.

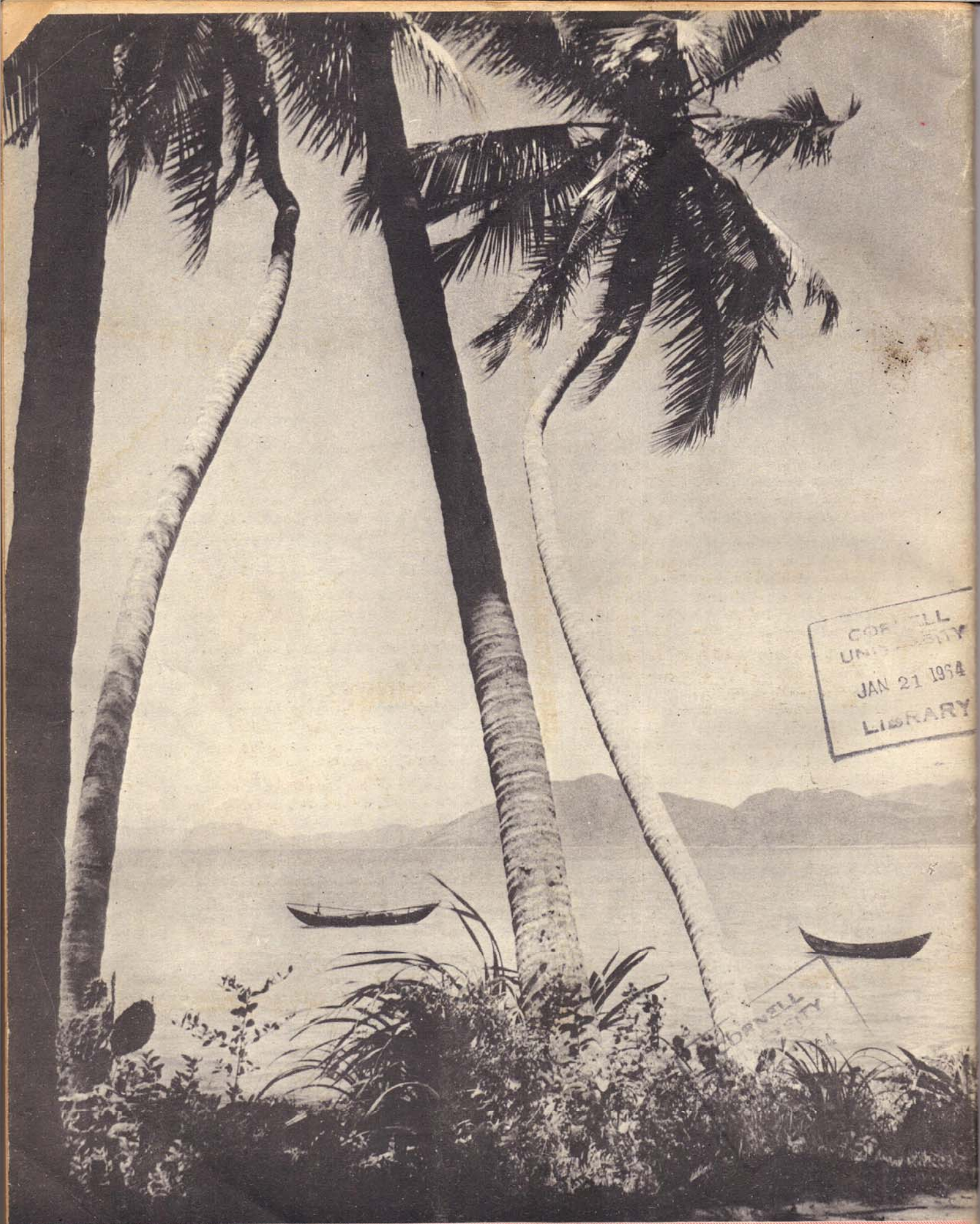
Ông cự nự nhà Đoan đã làm trễ nải « công vụ » của ông và xuất trình cho họ coi tờ « Công lệnh » của quan Thống-sứ Bắc kỳ ấn định ngày ông phải trình diện. Viên « Xếp Đoan » chỉ còn biết xin lỗi... và xin lỗi.

Liên tiếp trong 3 buổi sau ông cũng bị lỡ tàu vì bị nhà Đoan làm khó dễ, ông dọa sẽ kiện viên Xếp Đoan tới quan Toàn Quyền Đông-Dương, nếu không cấp cho ông một giấy chứng nhận « đã khám xét kỹ lưỡng hành lý của ông » để dọc đường khỏi bị làm phiền phức, và ông có lý do trình cấp trên về việc không đến trình diện đúng ngày giờ được.

Hắn bạn đọc cũng đoán biết ông bạn « quái kiệt » trong làng « bẹp tai » khi nắm được lá bùa hộ mệnh rồi, lần chót ra đi, ông ta cho thay thế thùng thuốc phiện vào thùng đựng chồi cùn, rế rách, ung dung ra ga... bắt tay từ giã các nhân viên nhà Đoan để về nơi ngàn năm vắng vật.

HỒNG-PHÚC
(Xứ Quảng)

(1) Ngáp men phò : nghiện thuốc phiện, tiềny lóng của dân nghiện.



CORNELL
UNIVERSITY
JAN 21 1954
LIBRARY

CORNELL
UNIVERSITY